**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC THÔNG TƯ 11/2018/TT-NHNN**

**VÀ CÔNG VĂN 3941/NHNN-DBTK**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mẫu biểu** | **Nội dung vướng mắc** | **Đơn vị**  **ý kiến** | **Giải đáp** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* |
| **I** | **Quy định chung** | | |  |
| 1 | Điều 1 | Điều 1 - Khoản 3: Đề nghị NHNN làm rõ trường hợp đơn vị báo cáo (TCTD) gặp sự cố trong quá trình gửi báo cáo qua đường truyền nhưng đã phản hồi vướng mắc trong thời hạn gửi báo cáo tới đầu mối nhận báo cáo của NHNN và Cục công nghệ thông tin thì có được loại trừ khi thống kê gửi báo cáo không đúng quy định hay không? | Ngoại Thương | - Đối với trường hợp hệ thống truyền dữ liệu của NHNN có sự cố, nếu không thể khắc phục được: Các TCTD thực hiện theo khoản 4 Điều 7 Thông tư 35/2015/TT-NHNN (Thông tư 35).  - Đối với trường hợp lỗi hệ thống của TCTD: Đơn vị cần phản ánh rõ nguyên nhân khách quan, phương án khắc phục, kịp thời gửi văn bản về NHNN để trình cấp có thẩm quyền quyết định. |
| 2 |  | Mục 8, ý 4 quy định: “Khi nhận được thông báo tra soát báo cáo của Ngân hàng Nhà nước có sai sót…”. Do số lượng Báo cáo thống kê nhiều nên khó khăn cho các TCTD nhận biết các báo cáo đang có thông báo tra soát.  Để TCTD nhận được thông báo tra soát một cách nhanh chóng, NHNN nên bổ sung nội dung: Thời gian các đơn vị của NHNN phản hồi (gửi tra soát) về các mẫu biểu báo cáo mà TCTD đã truyền sang NHNN trên cổng Portal. | Hàng Hải | Điểm a Khoản 2 Điều 11 Thông tư 35 quy định các đơn vị thuộc NHNN (trừ Cục Công nghệ thông tin) **trong 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo**, kiểm tra tính hợp lý của số liệu báo cáo. Nếu phát hiện sai sót, các đơn vị nhận báo cáo gửi kết quả tra soát số liệu báo cáo qua Hệ thống báo cáo cho đơn vị gửi báo cáo để thông báo cho đơn vị báo cáo truyền lại số liệu đúng.  Do đó, trong khoảng thời gian nêu trên, các TCTD cần theo dõi thông báo tra soát của các đơn vị thuộc NHNN trên Hệ thống báo cáo NHNN để phối hợp rà soát, phản hồi với các đơn vị nhận báo cáo, gửi lại số liệu đúng (nếu có).  NHNN sẽ nghiên cứu đề xuất của đơn vị trong thời gian tới. |
|  |  | Đề nghị NHNN hướng dẫn làm rõ đầu mối phối hợp khắc phục sự cố/vướng mắc trong quá trình gửi báo cáo theo Quy định của Thông tư 35 & Thông tư 11 do có sự mâu thuẫn giữa 2 nội dung quy định dưới đây:  **Thông tư 11 - Quy định chung - Điều 1 - Khoản 8 (sửa đổi điều 20 Thông tư 35) - Điểm 5a:**  5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Ngân hàng Nhà nước để được giải đáp, cụ thể như sau:  a) Trụ sở chính tổ chức tín dụng(trừ Quỹ tín dụng nhân dân và chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải là chi nhánh đầu mối của các chi nhánh cùng hệ thống hoạt động tại Việt Nam) ***liên hệ trực tiếp với các đơn vị nhận báo cáo quy định trên các mẫu biểu báo cáo tại Phần 3 Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này hoặc phản ánh bằng văn bản về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Dự báo, thống kê)***;  **Thông tư 35 - Quy định chung - Điều 7. Nối mạng và quy trình báo cáo điện tử - Điểm 4a:**  4. Trường hợp hệ thống truyền dữ liệu có sự cố, các đơn vị báo cáo phải gửi file báo cáo được lưu trên vật mang tin cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định sau:  a) Trụ sở chính tổ chức tín dụng(trừ Quỹ tín dụng nhân dân và chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải là chi nhánh đầu mối của các chi nhánh cùng hệ thống hoạt động tại Việt Nam) ***gửi cho Cục Công nghệ tin học;*** | Ngoại thương | Quy định tại Mục 5a Khoản 8 Điều 1 Thông tư 11/2018/TT-NHNN (Thông tư 11) và Khoản 4a Điều 7 Thông tư 35 không mâu thuẫn do:  - Mục 5a Khoản 8 Điều 1 Thông tư 11: Quy định về việc đơn vị phản ánh vướng mắc (liên quan đến nghiệp vụ, hướng dẫn báo cáo, các lỗi hệ thống dẫn đến việc gửi báo cáo chậm trễ, có sai sót,…) thì kịp thời liên hệ trực tiếp về NHNN (hoặc là các đơn vị nhận báo cáo quy định trên các mẫu biểu báo cáo, hoặc phản ánh bằng văn bản về Vụ Dự báo, thống kê).  - Khoản 4a Điều 7 Thông tư 35: Quy định về đơn vị phối hợp để khắc phục sự cố do đường truyền, đảm bảo gửi báo cáo kịp thời cho NHNN. Theo đó, trường hợp **hệ thống truyền dữ liệu có sự cố**, trụ sở chính TCTD phải gửi file báo cáo được lưu trên vật mang tin gửi cho Cục Công nghệ thông tin **để Cục Công nghệ thông tin hỗ trợ đơn vị cập nhật file dữ liệu lên Hệ thống báo cáo NHNN**, phục vụ công tác khai thác, tổng hợp số liệu từ kho dữ liệu chung của NHNN. |
| 3 | Điều 2 | - Thay thế Phần 1 Phụ lục 1 Thông tư 35/2015/TT-NHNN bằng Phần 1, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 11. Đề nghị NHNN đưa ra thời gian cụ thể có template của các mẫu biểu báo cáo và công thức kiểm tra (bao gồm công thức kiểm tra tại mẫu biểu và công thức kiểm tra chéo) của tất cả các mẫu biểu. hiện tại thời hạn hiệu lực của Thông tư 11/2018/TT-NHNN và Công văn 3941 là 1/10/2018, tuy nhiên NHNN chưa gửi Template các mẫu biểu cho các TCTD. **Đề xuất NHNN gửi sớm Template để các TCTD triển khai.**  **-** Thông tư 11/2018/TT-NHN và Công văn 3941 thêm mới và thay đổi rất nhiều mẫu biểu, thời gian triển khai tương đối gấp vì vậy trong thời gian đầu truyền các TCTD không tránh khỏi sơ suất. **Kính mong NHNN hỗ trợ TCTD ít nhất trong 6 tháng đầu triển khai Thông tư mới.** | Hàng Hải,  Kỹ Thương | - Ngày 17/7/2018, Cục Công nghệ thông tin đã ban hành Công văn số 936, 937/CNTT5 hướng dẫn các TCTD, các NHNN chi nhánh triển khai Thông tư 11 và Công văn 3941/NHNN-DBTK trên Hệ thống báo cáo NHNN. Đồng thời, các mẫu báo cáo điện tử (template) đã được Cục Công nghệ thông tin cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử của NHNN tại địa chỉ <http://www.sbv.gov.vn> chuyên mục *“Hoạt động khác” -> “Công nghệ thông tin” -> “Hỗ trợ kỹ thuật” -> “Hệ thống báo cáo NHNN” -> “Mục 15. Mẫu báo cáo điện tử (template) Thông tư 11 và Công văn 3941”*.  - Để hỗ trợ các đơn vị báo cáo trong quá trình lập báo cáo, NHNN sẽ thông báo đến các TCTD công thức kiểm tra (nội tại biểu, chi nhánh - toàn hàng, chéo biểu) và mức chênh lệch cho phép trong các công thức kiểm tra tự động được xây dựng trên Hệ thống. Đề nghị đầu mối phụ trách báo cáo thống kê thường xuyên theo dõi, tra cứu thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của NHNN để cập nhật các thông báo của NHNN tại địa chỉ: <http://www.sbv.gov.vn> chuyên mục *Thống kê tiền tệ ngân hàng/Các văn bản liên quan đến quy định báo cáo thống kê.*  *-* Thông tư 11 được NHNN ban hành ngày 17/4/2018 và có hiệu lực thi hành ngày 01/10/2018. Như vậy, các TCTD có gần 06 tháng để chuẩn bị về nghiệp vụ và kỹ thuật tin học để triển khai thực hiện. Ngoài ra, thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư 35, NHNN đã tổng hợp và đăng tải *“Danh sách Tổ thường trực tại các Vụ, Cục triển khai Thông tư 11 và Công văn 3941”* trên Cổng Thông tin điện tử của NHNN để tiếp nhận, trao đổi các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư 11 và Công văn 3941. Bên cạnh đó, các TCTD cần chủ động phối hợp với các đơn vị phụ trách báo cáo để kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc. NHNN sẽ ghi nhận các vướng mắc, phối hợp, hỗ trợ tối đa cho các TCTD trong thời gian đầu gửi báo cáo cho NHNN. |
| 4 | Điều 5 | Thông tư 11 và công văn 3941 đều có hiệu lực ngày 01/10/2018. Với số lượng báo cáo thay đổi, bổ sung mới quá nhiều, kết hợp với định dạng file báo cáo dạng biểu mẫu, NHNN yêu cầu báo cáo nhiều thông tin chi tiết trong một mẫu biểu báo cáo… đã gây khó khăn cho TCTD trong việc lấy số liệu để lập báo cáo. Hơn nữa, đến thời điểm hiện tại NHNN vẫn chưa có template, công thức kiểm tra của các mẫu biểu gây khó khăn cho TCTD trong việc xây dựng các báo cáo tự động. Do khối lượng biểu mẫu cần rà soát khá nhiều (tổng số lượng biểu mẫu được bổ sung/thay thế là 110 biểu báo cáo), theo đó các biểu mẫu báo cáo thay đổi cần được rà soát, làm sạch dữ liệu, đồng thời xây dựng URD cho các biểu mẫu báo cáo mới.  **Đề xuất: NHNN nên giãn thời gian hiệu lực của Thông tư 11 và công văn 3941 đến ngày 01/01/2019.** | Ngoại thương,  Hàng Hải, BNP HCM, Hà Nội, Việt Nga, Maybank HCM, Mizuho Hà Nội, ICBC | Ngày 17/7/2018, Cục Công nghệ thông tin đã ban hành Công văn số 936, 937/CNTT5 hướng dẫn các TCTD, các NHNN chi nhánh triển khai Thông tư 11 và Công văn 3941/NHNN-DBTK trên Hệ thống báo cáo NHNN. Đồng thời, các mẫu báo cáo điện tử (template) đã được Cục Công nghệ thông tin cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử của NHNN tại địa chỉ <http://www.sbv.gov.vn> chuyên mục *“Hoạt động khác” -> “Công nghệ thông tin” -> “Hỗ trợ kỹ thuật” -> “Hệ thống báo cáo NHNN” -> “Mục 15. Mẫu báo cáo điện tử (template) Thông tư 11 và Công văn 3941”*.  Như vậy, các TCTD có thời gian khoảng từ 3 - 4 tháng để chuẩn bị về kỹ thuật tin học trong việc chiết xuất dữ liệu. Hơn nữa, Thông tư 11 và Công văn 3941 chỉ sửa đổi, bổ sung một số yêu cầu báo cáo, không thay đổi về quy trình xử lý báo cáo, định dạng báo cáo,… Các TCTD có thời gian gần 6 tháng để chuẩn bị về nghiệp vụ và kỹ thuật tin học để triển khai thực hiện. Do đó, NHNN yêu cầu các TCTD thực hiện đúng thời gian hiệu lực thi hành của Thông tư 11 và Công văn 3941 là ngày 01/10/2018. |
| 5 |  | Thông tư 11/2018/TT-NHNN và Công văn 3941 số lượng mẫu biểu các Ngân hàng thương mại (NHTM) phải thực hiện gần 200 mẫu biểu bao gồm cả báo cáo NHNN các tỉnh, thành phố trong khi đó các NHTM song song phải thực hiện rất nhiều báo cáo cho NHNN các tỉnh. **Vì vậy, kính mong NHNNTW chỉ đạo NHNN các tỉnh, thành phố giảm bớt mẫu biểu cho các NHTM, khai thác tối đa nguồn dữ liệu đã truyền file.** Đồng thời khi Thông tư 11/2018/TT-NHNN có hiệu lực đề nghị NHNN có văn bản về việc gửi báo cáo bằng văn bản mà nội dung trùng với nội dung đã báo cáo trong Thông tư 11/2018/TT-NHNN để tránh tình trạng trùng lặp báo cáo, gửi một báo cáo đến nhiều đơn vị. | Kỹ Thương | Khoản 2 Điều 4 Thông tư 35 quy định “Trong trường hợp cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu các đơn vị báo cáo báo cáo theo các mẫu biểu báo cáo không được quy định tại Thông tư này; Các đơn vị báo cáo có trách nhiệm đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu báo cáo tại các mẫu biểu báo cáo này”.  Hơn nữa, Thông tư 35 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 11) là hệ thống các yêu cầu báo cáo được **quy định tập trung** tại 01 Chế độ báo cáo thống kê của NHNN.  Theo quy trình khai thác số liệu báo cáo, đối với các báo cáo yêu cầu số liệu toàn hàng và chi nhánh, các Vụ, Cục, Cơ quan Thanh tra GSNH sẽ khai thác tổng hợp số liệu toàn hệ thống; các NHNN chi nhánh sẽ khai thác, tổng hợp số liệu chi nhánh các TCTD trên địa bàn. NHNN đã phổ biến, quán triệt các đơn vị thuộc NHNN khai thác, sử dụng tối đa nguồn dữ liệu tại Kho dữ liệu chung của Hệ thống báo cáo NHNN. Hạn chế tình trạng yêu cầu các TCTD báo cáo riêng, ngoài chế độ báo cáo thống kê (Thông tư 35, Thông tư 11, Công văn 3941).  Để giảm gánh nặng báo cáo cho các TCTD, sau khi Thông tư 35 có hiệu lực thi hành, NHNN đã rà soát, ban hành Công văn 566/NHNN-DBTK ngày 06/2/2017 thông báo hủy bỏ một số yêu cầu báo cáo trùng lặp với báo cáo quy định tại Thông tư 35. Thêm vào đó, ngày 20/7/2018, NHNN đã ban hành Công văn 5699/NHNN-DBTK thông báo dừng thực hiện một số báo cáo tại Thông tư 35 và Công văn 6643/NHNN-DBTK.  Trong thời gian tới, khi Thông tư 11 và Công văn 3941 có hiệu lực thi hành, NHNN tiếp tục rà soát, tổng hợp các yêu cầu báo cáo không cần thiết, trùng lặp để thông báo đến các TCTD. |
| 6 | Điều 11 (Thông tư 35) | Điều 11 - Khoản 1. Định kỳ báo cáo - Điểm d: Các kỳ báo cáo tháng, quý, 6 tháng, năm được xác định theo lịch dương --> Đề nghị NHNN hướng dẫn cụ thể thời điểm chốt số liệu báo cáo trong trường hợp ngày cuối tháng/quý/năm rơi vào ngày nghỉ/ngày lễ. | Ngoại Thương | Thời điểm chốt số liệu để lập báo cáo được quy định cụ thể tại từng mẫu biểu báo cáo hoặc tại các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan.  Trong trường hợp không quy định cụ thể tại mẫu biểu báo cáo hoặc tại các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan, ngày chốt số liệu là **ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo**. |
| II | **Mẫu biểu báo cáo** | | |  |
| 1 | 001-DBTK | Đề nghị NHNN chấp thuận sai số đối với tổng số liệu của từng chi nhánh so với số liệu toàn hệ thống đến 4 đơn vị (tức là nhỏ hơn hoặc tối đa đến 4 triệu đồng). | Hongleong | NHNN (Vụ Dự báo, thống kê) xây dựng mức chênh lệch cho phép khi kiểm tra tự động chi nhánh - toàn hàng tại Biểu 001, 002, 003, 007, 042-DBTK Thông tư 11 là 1 tỷ đồng. |
| 2 | Lãi dự thu cột (7): có yêu cầu khớp đúng với TK 3941, 3942 trên bảng cân đối kế toán | Dầu khí  Toàn cầu | Để tránh trùng lắp các yêu cầu báo cáo đối với TCTD, Thông tư 35, Thông tư 11 được xây dựng theo hướng quy định những chỉ tiêu, mẫu biểu báo cáo mà NHNN không tổng hợp được từ các tài khoản kế toán của TCTD gửi cho NHNN. Do đó, phạm vi thống kê số liệu các chỉ tiêu, mẫu biểu báo cáo có sự khác biệt so với số liệu tổng hợp từ các tài khoản kế toán của TCTD. Số liệu tổng hợp từ các tài khoản kế toán chỉ nên xem là nguồn số liệu để tham khảo.  Tài khoản 3941, 3942 phản ánh **lãi phải thu** từ cho vay bằng đồng Việt Nam, bằng ngoại tệ. Trong khi báo cáo phản ánh dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế (theo ngành kinh doanh chính của khách hàng), do đó, lãi phải thu bao gồm toàn bộ lãi phải thu phát sinh từ các hoạt động tín dụng theo quy định tại điểm 5 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11. |
| 3 | - Căn cứ theo khái niệm dư nợ tín dụng trong Phần 2 Phụ lục 2 thì dư nợ tín dụng trong 3 biểu 001, 002, 003-DBTK báo cáo này có bao gồm số dư bảo lãnh không?  - Theo tiết 5 Điều 2, chúng tôi hiểu rằng Biểu số 002-DBTK của Thông tư 11 sẽ bao gồm dư nợ tín dụng theo hướng dẫn tại điểm 5, Phần 2, Phụ lục 2 và số dư bảo lãnh, thư tín dụng (L/C) (nhưng chưa thực hiện trả thay/thanh toán) ở ngoại bảng. Cách hiểu như vậy có đúng không? | Sài Gòn, Bank of Tokyo HCM | Điểm 5 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11 quy định “Dư nợ tín dụng là toàn bộ số dư tại một thời điểm cụ thể của các khoản cấp tín dụng của TCTD cho cá nhân, tổ chức dưới hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu các công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; Cho thuê tài chính; Bao thanh toán; Các khoản trả thay cá nhân, tổ chức trong trường hợp cá nhân, tổ chức được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán; Phát hành thẻ tín dụng; Mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm trái phiếu VAMC); Các nghiệp vụ cấp tín dụng khác được NHNN chấp thuận”.  Như vậy, tại các Biểu 001, 002, 003-DBTK: đối với nghiệp vụ bảo lãnh, L/C, **TCTD chỉ thống kê các khoản trả thay cá nhân, tổ chức trong trường hợp cá nhân, tổ chức được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán vào dư nợ tín dụng**. Do đó, căn cứ điểm 5 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11, dư nợ tín dụng không bao gồm số dư bảo lãnh, thư tín dụng ở ngoại bảng (chưa thực hiện trả thay/thanh toán).  Đối với nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ. |
| 4 | Đề nghị NHNN làm rõ yêu cầu số liệu tại cột 7 (lãi dự thu) thì số liệu lãi dự thu gồm số liệu lãi dự thu của mục dư nợ tín dụng + số liệu lãi dự thu của mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp hay là của một trong hai mục đó. | Việt Nam Thịnh vượng | Cột (7) “Lãi dự thu” Biểu 001-DBTK bao gồm lãi dự thu của dư nợ tín dụng tại các cột từ (2) đến (5) và lãi dự thu của mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm trái phiếu VAMC) tại các cột từ (8) đến (11). |
| 5 | 002-DBTK | Khách hàng cá nhân và khách hàng dư nợ thẻ đưa vào ngành nào? | Á Châu | Thông tư 11 yêu cầu các TCTD thống nhất phân ngành kinh tế đến cấp 5, nội dung cụ thể của từng ngành kinh tế được quy định tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, ngày 06/7/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam thay thế Quyết định 10/2007/QĐ-TTg **từ ngày 20/8/2018**. Do đó, các TCTD cần nghiên cứu kỹ nội dung phân ngành kinh tế tại Quyết định 27/2018/QĐ-TTg để phân tổ ngành kinh tế đối với dư nợ tín dụng cho phù hợp.  1. Việc phân loại dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế tại biểu này căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng (khách hàng bao gồm cá nhân và tổ chức). **Không căn cứ vào chủ thể vay vốn để phân ngành kinh tế**.  2. Khách hàng sử dụng thẻ tín dụng (Trường hợp không thống kê được theo mục đích sử dụng vốn vay): TCTD thống kê vào ngành T “Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình”. |
| 6 | Trường hợp khách hàng doanh nghiệp (không thuộc ngành kinh doanh xe ô tô) vay mua xe ô tô để doanh nghiệp tự sử dụng thì dư nợ tín dụng đó sẽ phân theo ngành nghề kinh doanh chính của khách hàng hay phân loại vào mã ngành 0806 (Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình)? | Hongleong | Nếu khách hàng doanh nghiệp (không thuộc ngành kinh doanh xe ô tô) vay mua xe ô tô để doanh nghiệp tự sử dụng thì **thống kê vào ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp**. |
| 7 | Định nghĩa doanh số tín dụng là thống kê doanh số cấp tín dụng có bao gồm bảo lãnh và L/C, mua trái phiếu doanh nghiệp không? Do trong định nghĩa Cấp tín dụng bao gồm cả các nghiệp vụ trên. | Dầu khí  Toàn cầu | Cột (2): Thống kê doanh số tín dụng có bao gồm doanh số các khoản trả thay cá nhân, tổ chức trong trường hợp cá nhân, tổ chức được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán.  Biểu 002-DBTK phản ánh dư nợ tín dụng (không bao gồm mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp). Do đó, doanh số tín dụng tại biểu này **không bao gồm doanh số mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp**. |
| 8 | Trường hợp có khoản vay chuyển chi nhánh quản lý thì doanh số trong kỳ phải báo cáo như thế nào?  ***Ví dụ:*** trong kỳ chuyển dư nợ 100 tỷ đồng của khách hàng A từ Chi nhánh B1 sang Chi nhánh B2 thì Mục "doanh số tín dụng" phải báo cáo thế nào vì xét về số liệu toàn hệ thống là không có phát sinh khoản giải ngân mới, các phương pháp để báo cáo khoản chuyển dư nợ 100 tỷ đồng như sau:  + *Cách 1*: Doanh số giải ngân toàn hàng = Doanh số GN tại CN B1 = Doanh số GN tại CN B2 = 0.  + *Cách 2*: Doanh số giải ngân toàn hàng = Doanh số GN tại CN B1 = 0; Doanh số GN tại CN B2 = 100 → đúng bản chất nhưng không đảm báo tính logic là tổng Chi nhánh = toàn hệ thống.  + *Cách 3*: Doanh số giải ngân toàn hàng = 0; Doanh số GN tại CN B1 = **−**100; Doanh số GN tại CN B2 = 100 → đảm bảo tính logic nhưng có mâu thuẫn là CN B1 thực sự đã giải ngân cho khách hàng giờ lại bị tính âm doanh số giải ngân.  → Đề xuất là không báo cáo mục này hoặc thực hiện theo Cách 1 do TCTD thường theo dõi khoản giải ngân mới theo mã khế ước giải ngân; khi thay đổi chi nhánh quản lý thì vẫn giữ nguyên mã chứ không tất toán đi và giải ngân lại để tránh bị trùng lặp khi tính doanh số giải ngân. | Bưu điện Liên Việt | Báo cáo theo cách 1: Doanh số giải ngân toàn hàng = Doanh số giải ngân tại chi nhánh B1 = Doanh số giải ngân tại chi nhánh B2 = 0. |
| 9 | Cột “doanh số tín dụng” đề nghị ghi rõ là “Doanh số tín dụng phát sinh trong kỳ báo cáo” để các TCTD không nhầm lẫn doanh số tín dụng luỹ kế từ đầu năm khi thực hiện báo cáo. | NHNN Lâm Đồng | Phần 4. Hướng dẫn lập báo cáo đã hướng dẫn cụ thể như sau:  *“Cột (4): Thống kê doanh số cấp tín dụng đối với tổ chức và cá nhân là Người cư trú của Việt Nam (không bao gồm tổ chức tín dụng khác; tổ chức không phải là tổ chức tín dụng quy định tại điểm 10 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư này; Chính phủ)* ***phát sinh trong kỳ báo cáo”****.*  Do đó, đề nghị đơn vị nghiên cứu kỹ nội dung hướng dẫn lập báo cáo. |
| 10 | Đề nghị NHNN hướng dẫn khoản cho vay góp vốn vào doanh nghiệp bất động sản thống kê vào ngành nào? |  | Cho vay góp vốn vào doanh nghiệp bất động sản thống kê vào ngành 0602 “Hoạt động kinh doanh bất động sản”. |
| 11 | 005-DBTK | Theo Thông tư 35 hướng dẫn thì TCTD hiểu rằng số liệu không bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, số liệu của nghiệp vụ bảo lãnh, phát hành LC (các nghiệp vụ lấy số liệu được liệt kê tại biểu 005 trùng khớp với phần liệt kê tại mục 5. Dư nợ tín dụng của phần 2, Phụ lục 2 thông tư 35) tuy nhiên tham chiếu với mục 5. Dư nợ tín dụng của phần 2, Phụ lục 2 Thông tư 11 thì VPBank nhận thấy có sự thay đổi do đó để tránh nhầm lần đề nghị Ngân hàng nhà nước tham chiếu rõ các hình thức cấp tín dụng cần phải lấy số liệu tại Biểu 005-DBTK. | Việt Nam Thịnh vượng | Nhằm đảm bảo tính phù hợp của doanh số cấp tín dụng, doanh số thu nợ tín dụng với phạm vi dư nợ tín dụng được quy định tại Điểm 5 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11, NHNN hướng dẫn như sau:  - Doanh số cấp tín dụng, doanh số thu nợ tín dụng: Thống kê tổng giá trị các khoản cấp tín dụng/thu nợ tín dụng đối với cá nhân, tổ chức là Người cư trú của Việt Nam (không bao gồm tổ chức tín dụng) theo loại tiền thực tế phát sinh trong kỳ báo cáo dưới các hình thức sau đây:  + Cho vay;  + Chiết khấu, tái chiết khấu các công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác;  + Cho thuê tài chính;  + Bao thanh toán;  + Các khoản trả thay cá nhân, tổ chức trong trường hợp cá nhân, tổ chức được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán;  + Phát hành thẻ tín dụng;  + Mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm trái phiếu VAMC).  + Các nghiệp vụ cấp tín dụng khác được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. |
| 12 | 006-DBTK | Hướng dẫn rõ hơn về đối tượng báo cáo: Phân theo mục đích sử dụng vốn hay đối tượng doanh nghiệp (là doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ…, gọi tắt là doanh nghiệp ưu tiên), ví dụ: Doanh nghiệp nào sau đây được tính vào báo cáo:  + Doanh nghiệp ưu tiên A mua quyền sử dụng đất để xây dựng nhà xưởng phục vụ cho sản xuất.  + Doanh nghiệp ưu tiên B vay tiền trả tiền công, tiền ăn ca...  + Doanh nghiệp bình thường C vay tiền để bắt đầu đầu tư vào dây chuyền ứng dụng công nghệ cao. | Bưu điện Liên Việt, Standard Chartered | TCTD thống kê các khoản vay phân theo mục đích vay vốn. |
| 13 | Đề nghị hướng dẫn cụ thể cách phân biệt giữa mục *1.1 - Công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển* với mục *1.2 - Công nghiệp hỗ trợ khác* | Đại Dương | Theo định nghĩa tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ:  - Công nghiệp hỗ trợ được định nghĩa là các ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh (như dệt may, da giầy, điện tử,…).  - Các dự án công nghiệp hỗ trợ được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng là các dự án thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định 111/2015/NĐ-CP đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Nghị định.  + Chỉ tiêu 1.1 “Công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển”: Thống kê dư nợ tín dụng ưu đãi đối với các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng điều kiện được hưởng chính sách tín dụng ưu đãi quy định tại Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.  + Chỉ tiêu 1.2 “Công nghiệp hỗ trợ khác”: Thống kê đối với các ngành công nghiệp hỗ trợ khác trừ nội dung đã thống kê tại chỉ tiêu 1.1 nêu trên. |
| 14 | Cả 3 báo cáo 006-DBTK, 006.1-DBTK và 006.2-TD có yêu cầu báo cáo số dư bảo lãnh, thư tín dụng. Đề nghị NHNN xác nhận các loại thư tín dụng và thư bảo lãnh sau đây có phải báo cáo không:  - Thư tín dụng: phát hành thư tín dụng, mở L/C nhập khẩu, chấp nhận bộ chứng từ nhập khẩu dưới L/C trả chậm, xác nhận L/C xuất khẩu;  - Thư bảo lãnh: bảo lãnh nhận hàng không theo thư tín dụng, thư tín dụng standby theo UCP600. | Bank of Tokyo HCM | - Biểu 006-DBTK và 006.2-TD: Không yêu cầu báo cáo số dư bảo lãnh và thư tín dụng.  - Biểu 006.1-DBTK: Yêu cầu báo cáo số dư bảo lãnh và thư tín dụng trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.  TCTD căn cứ phần hướng dẫn lập biểu để xác định đối tượng báo cáo đối với bảo lãnh và thư tín dụng.​ Theo đó, các loại bảo lãnh và thư tín dụng như Bank of Tokyo HCM thuộc phạm vi báo cáo. |
| 15 | Đề nghị NHNN tham chiếu văn bản cụ thể tiêu chí xác định lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và tham chiếu văn bản cụ thể tiêu chí xác định doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. | Việt Nam Thịnh vượng | 1. Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ:  Theo định nghĩa tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ:  Công nghiệp hỗ trợ được định nghĩa là các ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh (như dệt may, da giầy, điện tử,…).  2. Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao:  Hiện nay, NHNN đã có văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị hướng dẫn cụ thể về tiêu chí xác định doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trong thời gian Bộ Khoa học và Công nghệ chưa hướng dẫn, đề nghị các TCTD tiếp tục báo cáo theo tiêu chí theo quy định tại Biểu 006-DBTK Thông tư 35. Theo đó, thống kê dư nợ tín dụng (không bao gồm mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp); mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm trái phiếu VAMC); lãi suất đối với các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển. |
| 16 | 006.1-DBTK | 1. Cột (3) có phải báo cáo chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu được thực hiện ở Việt Nam, đồng tiền giao dịch là VND không?  2. Căn cứ cơ sở nào để phân loại kỳ hạn số dư bảo lãnh, cam kết L/C?  3. Trong hướng dẫn lập báo cáo tại biểu này có ghi: "Dòng 2.2: Nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo (không bao gồm hàng nông, lâm, thủy sản đã qua chế biến) tham chiếu mã ngành 0202 theo quy định tại Bảng 1 Phụ lục 3 Thông tư này. Trong đó: Hàng hóa ngành dệt may gồm thành phẩm, bán thành phẩm và nguyên vật liệu ngành dệt may thống kê vào mục 2.2.1; Hàng hóa ô tô gồm ô tô nguyên chiếc và bán thành phẩm (linh kiện lắp ráp) thống kê vào mục 2.2.2."  Liên quan đến hướng dẫn nêu trên, chúng tôi có các câu hỏi như sau:  1. Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản đã qua chế biến được loại trừ khỏi mã ngành 0202 như hướng dẫn nêu trên. Bên cạnh đó, dư nợ theo loại hàng hóa tại dòng 2 phải bằng dư nợ theo loại tiền và kỳ hạn tại dòng 1. Như vậy, chúng tôi có thể hiểu là nhóm hàng nông, lâm, thủy sản đã qua chế biến cũng được loại trừ khỏi dư nợ theo loại tiền và kỳ hạn hay không?  2. Dòng 2.2.2 thống kê dư nợ hàng hóa ô tô gồm ô tô nguyên chiếc và bán thành phẩm (linh kiện lắp ráp). Tuy nhiên, trong mã ngành 0202 chỉ có 3 mã ngành có từ khóa "ô tô" là 28110 - Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy), 30910 - Sản xuất mô tô, xe máy, 33150 - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), chúng tôi nhận thấy không có mã ngành nào trong nhóm 0202 thỏa mãn tiêu chí theo yêu cầu tại dòng 2.2.2. | Bank of Tokyo HCM | 1. Trường hợp đơn vị nêu là hình thức cho vay bằng chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu. TCTD cần căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay thông qua hình thức chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu để thống kê cho phù hợp. Nếu việc chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phục vụ cho mục đích xuất khẩu thì thống kê vào cột (3) Biểu 006.1-DBTK.  2. Việc phân loại số dư phát hành bảo lãnh, L/C theo kỳ hạn căn cứ vào thời hạn hiệu lực của cam kết bảo lãnh, L/C đó.  3. Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản đã qua chế biến được tính vào mã ngành 0101 khi thống kê chỉ tiêu 2.1 “Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản”, do vậy vẫn nằm trong tổng dư nợ theo loại tiền và kỳ hạn được thống kê tại chỉ tiêu 1 “Theo loại tiền và kỳ hạn”.  - TCTD căn cứ bảng mã ngành của NHNN tại Bảng 1 Phụ lục 3 Thông tư 35 và hồ sơ tín dụng của khách hàng để xác định loại hàng hóa xuất/nhập khẩu. |
| 17 | Đối với mục cho vay nhập khẩu, tiêu chí phân loại nhập khẩu để xuất khẩu và nhập khẩu khác, đối với những doanh nghiệp nhập khẩu hàng hoá, thiết bị về sau đó vừa để sản xuất ra hàng hoá xuất khẩu vừa để tiêu dùng trong nước mà ngân hàng chúng tôi không thể phân loại được thì có thể đưa hết phần dư nợ này vào mục nhập khẩu khác được không? | Standard Chartered | Trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa, thiết bị về vừa dùng để sản xuất ra hàng hóa xuất khẩu, vừa để tiêu dùng trong nước thì TCTD căn cứ tỷ trọng doanh thu để thống kê cho phù hợp.  Nếu tỷ trọng doanh thu thuộc về việc sản xuất hàng xuất khẩu thì thống kê vào cột (4) “Nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu”. |
| 18 | Báo cáo này trùng với Biểu 2-DBTK Công văn 10265/NHNN-DBTK. Đề nghị NHNN hướng dẫn có cần phải thực hiện báo cáo cho 2 mẫu biểu cùng lúc hay sẽ có hướng dẫn thay thế. | Citibank | Khi Thông tư 11 có hiệu lực thi hành, NHNN sẽ có văn bản thông báo dừng thực hiện Công văn 10265/NHNN-DBTK kể từ ngày 01/10/2018. |
| 19 | 006.2-TD | Theo câu trả lời của NHNN giải đáp vướng mắc Thông tư 35 lần 1: phân ngành kinh tế căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay chính là căn cứ vào Ngành kinh tế của đối tượng sử dụng vốn vay cuối cùng khác với ngành nghề kinh doanh của khách hàng vay vốn. Trường hợp mục đích vay thanh toán tiền nhập khẩu gạo từ doanh nghiệp bán buôn gạo tại nước ngoài thì sẽ được xếp vào ngành G: 0401.  Với trường hợp trên có được phân vào dòng 2.1 không? Nếu có, theo hướng dẫn Mục 2. Dòng 2.1: tham chiếu 0101. Vậy với mục đích thanh toán nhập khẩu gạo nên được phân vào ngành nào? Cách xác định ngành nghề theo mục đích khoản vay nên được hiểu như thế nào để đảm bảo cho mọi báo cáo đều thống nhất? | Dầu khí Toàn cầu | Phân loại dư nợ tín dụng vào các ngành kinh tế căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay trên Hợp đồng tín dụng.  Ví dụ, đối với trường hợp doanh nghiệp thanh toán tiền nhập khẩu gạo từ doanh nghiệp bán buôn gạo tại nước ngoài: Nếu doanh nghiệp vay vốn nhập khẩu gạo về với mục đích bán buôn, bán lẻ gạo lại cho người tiêu dùng thì dư nợ của khoản vay được thống kê vào ngành 0401 “Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và có động cơ khác” (mục đích bán buôn, bán lẻ); Nếu doanh nghiệp vay vốn nhập khẩu gạo với mục đích sử dụng là sản phẩm đầu vào để sản xuất, chế biến thì dư nợ của khoản vay được thống kê vào chỉ tiêu 2.1 “Công nghiệp chế biến, chế tạo”. |
| 20 | Hướng dẫn cách lấy số liệu tại cột (11) - Số doanh nghiệp còn dư nợ đối với trường hợp 1 khách hàng có thể có dư nợ ở nhiều chi nhánh?  ***Ví dụ:*** Khách hàng A dư nợ ở Chi nhánh B1 và B2, nếu báo cáo đúng số liệu thì Số lượng khách hàng toàn hệ thống = Số lượng ở CN B1= Số lượng ở CN B2 =1→ không đảm bảo tính logic số liệu tổng hợp của tất cả các chi nhánh ≠ số liệu toàn hệ thống. | Bưu điện Liên Việt | NHNN (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) cài đặt trên Hệ thống mức chênh lệch cho phép khi kiểm tra số toàn hệ thống của TCTD và số liệu của các chi nhánh TCTD là 1000 đơn vị tính. Do đó, đối với trường hợp khách hàng có dư nợ tại nhiều chi nhánh của TCTD vẫn có thể báo cáo đúng số liệu số khách hàng có dư nợ tại chi nhánh mà không ảnh hưởng đến tính hợp lý số liệu toàn hệ thống. Đối với trường hợp số liệu chênh lệch quá 1000 đơn vị (chênh lệch 1000 khách hàng giữa các chi nhánh và toàn hệ thống), đề nghị các đơn vị có văn bản gửi NHNN để điều chỉnh mức chênh lệch cho phép trên Hệ thống. |
| 21 | Đề nghị làm rõ thuật ngữ “Tài sản đảm bảo”. Trong trường hợp dư nợ được bảo đảm băng Thư bảo lãnh của công ty mẹ hoặc bên thứ 3 không phải của chính phủ Việt Nam thì có liệt kê dư nợ vào mục dư nợ được bảo đảm bằng tài sản không? | Bank of Tokyo HCM | Nội dung hướng dẫn về khái niệm “tài sản” đã được hướng dẫn cụ thể tại phần hướng dẫn báo cáo mẫu biểu. Theo đó, khái niệm về tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 105 Bộ Luật dân sự 2015, cụ thể:  *“1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.*  *2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai”*.  Như vậy, **dư nợ cho vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của bên thứ 3 được tính vào dư nợ cho vay không có bảo đảm bằng tài sản**. |
|  | 1. Có cần phân loại SME theo chi tiết từng ngành theo quy định tại Nghị định 39 hay không?  2. Việc xác định doanh nghiệp SME sẽ do Ngân hàng tự xác định theo hướng dẫn tại Nghị định 39 hay dựa vào form kê khai của khách hàng khi vay vốn.  3. Doanh nghiệp SME có phải review hàng năm hay không hay dựa vào kỳ hạn của hợp đồng vay vốn.  4. Chỉ tiêu nợ quá hạn trong biểu này được xác định là nợ từ nhóm 2 trở lên hay tính theo số ngày quá hạn. | Standard Chartered | - Về việc phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo quy định tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP: Cần phân loại DNNVV chi tiết từng ngành theo quy định tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP, làm cơ sở xác định đối tượng khách hàng là DNNVV.  - Về việc xác định DNNVV: Trên cơ sở các thông tin về số lao động, doanh thu, tổng nguồn vốn của khách hàng cung cấp, Tờ khai xác định DNNVV do khách hàng cung cấp, tổ chức tín dụng xếp loại khách hàng là DNNVV hay không (theo các tiêu chí xác định DNNVV quy định tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP).  - Báo cáo số liệu dư nợ tín dụng đối với DNNVV cho đến hết kỳ hạn của hợp đồng tín dụng.  - Chỉ tiêu nợ quá hạn: Nội dung hướng dẫn về chỉ tiêu nợ quá hạn đã được hướng dẫn cụ thể tại phần hướng dẫn báo cáo mẫu biểu. Theo đó, các tổ chức tín dụng thống kê dư nợ gốc quá hạn tại cuối ngày cuối cùng của kỳ báo cáo theo quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác liên quan (nếu có). |
| 22 | Theo Khoản 6 Phần 2 Phụ lục 2 ban hành kèm Thông tư 11, tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) đã được thay đổi so với Thông tư 35. Hiện tại TCTD vẫn đang xác định Khách hàng SME dựa trên tiêu chí cũ tại Thông tư 35, vì vậy TCTD cần thực hiện xác định, phân loại lại KH SME dựa trên tiêu chí xác định mới. Để phục vụ cho việc TCTD thực hiện rà soát thông tin, cập nhật dữ liệu khách hàng, kính đề nghị NHNN làm rõ quy định về tiêu chí xác định Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thông tư 11. Cụ thể, bên cạnh việc áp dụng tiêu chí mới với những khách hàng mới phát sinh quan hệ với TCTD kể từ ngày 01/10/2018 thì tiêu chí mới này có áp dụng với những trường hợp sau đây hay không:  1. Khách hàng đã phát sinh quan hệ với VPBank trước 1/10/2018.  2. Khách hàng chỉ phát sinh quan hệ huy động vốn, mở tài khoản… mà không phát sinh quan hệ tín dụng với TCTD.  3. Khách hàng không còn quan hệ tín dụng với TCTD trước ngày 01/10/2018 và Khách hàng còn quan hệ tín dụng nhưng đang được xử lý nợ xấu. | Việt Nam Thịnh vượng | Tiêu chí xác định DNNVV đối với Biểu số 006.2-TD được thực hiện trên toàn bộ khách hàng mới và khách hàng cũ đã phát sinh dư nợ tại TCTD (bao gồm tất cả các khách hàng có dư nợ tại thời điểm báo cáo, kể cả trường hợp đang được xử lý nợ xấu).  Đối với khách hàng chỉ có quan hệ huy động vốn, mở tài khoản nhưng không có dư nợ tín dụng tại TCTD thì không thuộc phạm vi báo cáo tại mẫu biểu. |
| 23 | 007-DBTK | Theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 Thông tư 11: các tổ chức không phải TCTD được hiểu là các tổ chức tài chính không phải là TCTD được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, bao gồm một số loại hình doanh nghiệp cụ thể, trong đó có loại h) các tổ chức khác. Vậy NHNN làm rõ quy định các tổ chức khác ở đây là gì, và hướng dẫn cụ thể thế nào là “tổ chức tài chính” để các TCTD thực hiện phân loại. | Standard Chartered | Khoản 3 Điều 4 Luật số 07/2012/QH13 về Phòng, chống rửa tiền ngày 18/6/2012 quy định:  *Tổ chức tài chính* là tổ chức được cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:  a) Nhận tiền gửi;  b) Cho vay;  c) Cho thuê tài chính;  d) Dịch vụ thanh toán;  đ) Phát hành công cụ chuyển nhượng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, lệnh chuyển tiền, tiền điện tử;  e) Bảo lãnh ngân hàng và cam kết tài chính;  g) Cung ứng dịch vụ ngoại hối, các công cụ tiền tệ trên thị trường tiền tệ;  h) Tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phân phối chứng khoán;  i) Quản lý danh mục vốn đầu tư;  k) Quản lý tiền mặt hoặc chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khác;  l) Cung ứng dịch vụ bảo hiểm; hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ;  m) Đổi tiền.  Do đó, mục “h. Các tổ chức khác”: Sẽ thực hiện theo hướng dẫn của NHNN trong từng thời kỳ hoặc khi phát sinh. |
| 24 | 009-TD | NHNN hướng dẫn một số chỉ tiêu tại Biểu 009-TD cho phù hợp với Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg |  | Ngày 06/7/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Quyết định này thay thế Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam **từ ngày 20/8/2018**. Do đó, NHNN hướng dẫn các TCTD thực hiện Biểu 009-TD như sau:  “- Các chỉ tiêu tại Mục I được tham chiếu theo mã ngành tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:  + Chỉ tiêu tại dòng 1 tham chiếu theo mã ngành A;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.1 tham chiếu theo mã ngành 01;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.1.1 tham chiếu theo mã ngành 011, 012, 013;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.1.2 tham chiếu theo mã ngành 014;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.1.3 tham chiếu theo mã ngành 015;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.1.4 tham chiếu theo mã ngành 016, 017;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.2 tham chiếu theo mã ngành 02;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.2.1 tham chiếu theo mã ngành 021;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.2.2 tham chiếu theo mã ngành 022, 023;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.2.3 tham chiếu theo mã ngành 024;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.3 tham chiếu theo mã ngành 03;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.3.1 tham chiếu theo mã ngành 031;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.3.2 tham chiếu theo mã ngành 032;  + Chỉ tiêu tại dòng 2 tham chiếu theo mã ngành 08930.  - Đối với những chỉ tiêu không nằm trong mã ngành thuộc Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, các TCTD báo cáo số liệu theo phân ngành do TCTD theo dõi”. |
| 25 | Đề nghị NHNN chấp thuận sai số đối với tổng số liệu của từng chi nhánh so với số liệu toàn hệ thống đến 4 đơn vị (tức là nhỏ hơn hoặc tối đa đến 4 triệu đồng). | Hongleong | NHNN (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) xây dựng mức chênh lệch cho phép khi kiểm tra tự động chi nhánh - toàn hàng tại Biểu 009-TD Thông tư 11 là 1 tỷ đồng. |
| 26 | Đề nghị NHNN hướng dẫn, liệt kê cụ thể mã ngành của các ngành theo yêu cầu mẫu biểu dưới đây:  3. Thu mua, tiêu thụ (trong nước, xuất khẩu) nông sản, lâm sản, thủy sản, muối  3.1 Nông sản  3.2 Lâm sản  3.3 Thủy sản  3.4 Muối  4. Chế biến, bảo quản nông sản, lâm sản, thủy sản, muối  4.1 Nông sản  4.2 Lâm sản  4.3 Thủy sản  4.4 Muối  5. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn  6. Công nghiệp, thương mại, và cung ứng dịch vụ phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn  7. Tiêu dùng trên địa bàn nông thôn. | Frist bank HCM | - Tại Điểm 3 và điểm 4 Biểu 009-TD, TCTD thống kê hoạt động thu mua, tiêu thụ, chế biến, bảo quản các sản phẩm là nông sản, lâm sản, thủy sản và muối, trong đó:  + Nông sản là các sản phẩm có tên tại mã ngành 01 Quyết định 27/2018/QĐ-TTg;  + Lâm sản là các sản phẩm có tên tại mã ngành 02 Quyết định 27/2018/QĐ-TTg;  + Thủy sản là các sản phẩm có tên tại mã ngành 03 Quyết định 27/2018/QĐ-TTg;  - Đối với các chỉ tiêu báo cáo tại chỉ tiêu 5 (Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn), 6 (Công nghiệp, thương mại, và cung ứng dịch vụ phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn) và 7 (Tiêu dùng trên địa bàn nông thôn): Hiện nay các TCTD đã thực hiện báo cáo các chỉ tiêu này tại chỉ tiêu 9, 10 và 11 Biểu 009-TD Thông tư 35 nên TCTD tiếp tục sử dụng hệ thống số liệu đã và đang theo dõi để thực hiện báo cáo.  - Đối với những chỉ tiêu không nằm trong mã ngành thuộc Quyết định 27/2018/QĐ-TTg, các TCTD báo cáo số liệu theo phân ngành do tổ chức tín dụng theo dõi. |
| 27 | Kiến nghị NHNN thống nhất mẫu Báo cáo dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (009-TD) trong Thông tư và mẫu biểu Nông nghiệp nông thôn tại các Chi nhánh NHNN địa phương để việc tổng hợp và lấy số liệu được đồng bộ với nhau. | Phát triển TPHCM | Trong thời gian tới, NHNN sẽ sửa đổi, bổ sung Thông tư 10/2015/TT-NHNN, trong đó không yêu cầu TCTD báo cáo dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và thống nhất theo dõi 01 mẫu biểu về tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại Biểu số 009-TD. |
| 28 | 1. Theo yêu cầu của Biểu 009-TD: Các số liệu tính tổng trongcột/hàng ngang phải bằng nhau tại mục I, II, III. Nhưng trong thực tế, điều kiện bằng nhau này chỉ xảy ra khi đơn vị tính của báo cáo là ĐỒNG. Khi báo cáo yêu cầu đơn vị tính là triệu VND, TCTD không thể báo cáo số liệu cho mục I = mục II = mục III vì sẽ bị chênh lệch do chia đơn vị tính. Vì vậy, đề nghị NHNN cho phép sai số các dòng tính tổng so với chi tiết trong các cột/hàng ngang của biểu mẫu chi tiết với biểu mẫu toàn hàng.  2. NHNN cung cấp mức chênh lệch cho phép khi kiểm tra tính logic giữa các báo cáo, giữa các chỉ tiêu... và mức chênh lệch cho phép giữa số liệu toàn hàng và số liệu tổng hợp từ các Chi nhánh (theo Thông tư 35 thì chỉ cung cấp mức chênh lệch của rất ít các báo cáo) → để TCTD chủ động kiểm tra trước khi gửi đi → không mất thời gian gửi đi gửi lại nhiều lần  - Đối với những báo cáo nhiều chỉ tiêu thì nên gia tăng giới hạn do việc làm tròn (do đã làm tròn khi chia đơn vị ở các chỉ tiêu con nên số tổng sẽ bị làm tròn nhiều lần):  ***Ví dụ:*** Báo cáo 009-TD: Yêu cầu Dòng I = Dòng II = Dòng III, trong khi đó Dòng I = ∑(1)÷(8), và các mục (1) đến (8) cũng là tổng của các mục con **đã làm tròn**, vì vậy để đảm bảo yêu cầu các dòng I, II, III bằng nhau, TCTD thường phải tính toán các chỉ tiêu như sau:  + Thay vì Dòng II = II.1 + II.2 và Dòng III = III.1 + III.2 thì sẽ lấy II.2 = Dòng I - II.2 và III.2 = Dòng I - III.1  → Tuy nhiên như thế sẽ có trường hợp dòng II.2 và III.3 có thể bị âm hoặc chỉ tiêu không phát sinh nhưng vẫn có dữ liệu → TCTD phải kiểm tra và sửa lại bằng tay cho tất cả các CN → TCTD mất rất nhiều thời gian để đảm bảo khớp dữ liệu do việc chia đơn vị triệu đồng (để đơn vị đồng thì các chỉ tiêu luôn đảm bảo điều kiện khớp đúng).  + Tương tự như vậy cho các cột để đảm bảo điều kiện cột (8) = ∑(4)÷(7) = ∑(9)÷(13)  - Một số quy ước về định dạng hoặc điều kiện kiểm tra chéo giữa các báo cáo hiện nay → Kính đề nghị NHNN xem xét điều chỉnh nguyên tắc làm tròn, nguyên tắc lệch tổng số và thành phần, nguyên tắc khớp số giữa 1 số báo cáo hoặc chỉ tiêu trong báo cáo này với báo cáo khác. | Sài Gòn, Bưu điện Liên Việt, Hongleong | NHNN (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) xây dựng mức chênh lệch cho phép khi kiểm tra tự động như sau:  - Chi nhánh - toàn hàng: Là 1 tỷ đồng.  - Chi tiết và tổng số trong nội tại biểu: Là 10 triệu đồng.  Ngoài ra, để hỗ trợ các đơn vị báo cáo trong quá trình thu thập số liệu, lập báo cáo, NHNN sẽ thông báo đến các TCTD công thức kiểm tra (nội tại biểu, chi nhánh - toàn hàng, chéo biểu) và mức chênh lệch cho phép trong các công thức kiểm tra tự động được xây dựng trên Hệ thống. Đề nghị đầu mối phụ trách báo cáo thống kê thường xuyên theo dõi, tra cứu thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của NHNN để cập nhật các thông báo của NHNN tại địa chỉ: [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn) chuyên mục *Thống kê tiền tệ ngân hàng/Các văn bản liên quan đến quy định báo cáo thống kê.* |
| 29 | Trong hướng dẫn lập báo cáo tại biểu này có ghi: "Chỉ tiêu tại dòng 1.1.4 tham chiếu theo mã ngành 016, 017". Trong đó, mã ngành 017 (từ 01730 đến 01743 có tên ngành là "Thu mua, chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản\_Lúa, Cà phê, Cao su… và Thu mua, chế biến, bảo quản, tiêu thụ thủy sản\_Tôm, Cá ngừ...). Chúng tôi nhận thấy các mã ngành từ 01730 đến 01743 lặp lại nội dung như chỉ tiêu tại các dòng (i) 3.1 - Thu mua, tiêu thụ (trong nước, xuất khẩu) nông sản, (ii) dòng 3.3 - Thu mua, tiêu thụ (trong nước, xuất khẩu) thủy sản, (iii) dòng 4.1 - Chế biến, bảo quản nông sản, (iv) dòng 4.3 - Chế biến, bảo quản thủy sản. Như vậy, Ngân hàng Nhà nước vui lòng làm rõ: "Đối với các chỉ tiêu Thu mua, tiêu thụ/Chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản chúng tôi sẽ báo cáo vào dòng 1.1.4 hay dòng 3.1/3.3/4.1/4.3." | Bank of Tokyo HCM | Mã ngành 016 là “Hoạt động dịch vụ nông nghiệp”, 017 là “Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan”. Do đó, 02 mã ngành này không lặp lại nội dung tại chỉ tiêu dòng 3.1, 3.3, 4.1. Đề nghị Ngân hàng xem lại cách giải thích mã ngành 016 và 017 tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.  Đối với chỉ tiêu Thu mua, tiêu thụ/Chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản, các TCTD thống kê vào các dòng chỉ tiêu 3.1, 3.3, 4.1, 4.3. |
| 30 | 014-CSTT | Các chỉ tiêu 2(a), 3(a), 4(a):  + “Dư nợ mua, thuê, thuê mua phương tiện đi lại ở nước ngoài” là Mua, thuê, thuê mua phương tiện để đi lại ở nước ngoài hay là Mua, thuê, thuê mua phương tiện để đi lại trong nước nhưng thanh toán cho người bán ở nước ngoài.  + “Dư nợ mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình ở nước ngoài” là Mua đồ dùng ở nước ngoài để dùng trong nước hay là Mua đồ dùng ở nước ngoài để dùng ở nước ngoài hay là mua đồ dùng để dùng trong nước từ người bán ở nước ngoài.  Cột (6): Báo cáo dư nợ cho vay đối với các nhu cầu vốn theo phương thức thấu chi trên tài khoản thanh toán của cá nhân (loại trừ số dư cho vay theo phương thức thấu chi trên tài khoản thanh toán của cá nhân để đáp ứng các nhu cầu vốn tại các cột (1) đến (5)). Như vậy, HLBVN hiểu rằng số dư cho vay theo phương thức thấu chi trên tài khoản thanh toán của cá nhân để đáp ứng các nhu cầu vốn tại các cột (1) đến (5) sẽ được báo cáo tại các cột (1) đến (5). Mong NHNN xác nhận và hướng dẫn trong trường hợp cách hiểu của Ngân hàng chưa phù hợp với quy định tại Biểu 014-CSTT. | Hongleong | - Dư nợ được báo cáo tại các cột 2a, 4a là dư nợ của các khoản cho vay đối với khách hàng vay là Người cư trú của Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN) để thanh toán tiền mua, thuê, thuê mua phương tiện đi lại, mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình được nhập khẩu từ nước ngoài.  - Dư nợ cho vay theo phương thức thấu chi trên tài khoản thanh toán của cá nhân để đáp ứng các nhu cầu vốn tại các cột (1) đến (5) được báo cáo tại các cột (1) đến (5). Dư nợ cho vay theo phương thức thấu chi trên tài khoản thanh toán của cá nhân để đáp ứng các nhu cầu vốn ngoài các nhu cầu vốn tại các cột (1) đến (5) được báo cáo tại cột (6). |
| 31 | Chỉ tiêu yêu cầu cung cấp số liệu dư nợ phục vụ các mục đích tiêu dùng khác nhau “Ở NƯỚC NGOÀI” tại cột (2a), (3a), (4a) (theo file đính kèm)  Cụm từ “ở nước ngoài” ở đây có thể được hiểu là:  1. Dư nợ các chỉ tiêu trên tại Chi nhánh ở nước ngoài của MB (Lào, Campuchia).  2. Dư nợ tại Việt Nam cho các khách hàng phục vụ mục đích tiêu dùng tại nước ngoài. | Quân đội | Dư nợ được báo cáo tại các cột 2a, 3a, 4a là dư nợ của các khoản cho vay đối với khách hàng vay là Người cư trú của Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN) để:  - (i) Thanh toán tiền mua, thuê, thuê mua phương tiện đi lại, mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình **được nhập khẩu từ nước ngoài**;  - (ii) Thanh toán chi phí học tập, chữa bệnh, du lịch, văn hóa, thể dục, thể thao **phát sinh ở nước ngoài**. |
| 32 | NHNN có hướng dẫn về cách xác định nợ xấu như sau: "Nợ xấu được phân loại sau khi tham chiếu nhóm nợ do CIC cung cấp thời điểm gần nhất" → Do hạn gửi báo cáo là ngày 12 trước thời điểm CIC cung cấp thông tin tín dụng, nên số liệu báo cáo chỉ tham chiếu được số liệu CIC từ **tháng trước**  ***Ví dụ***: báo cáo tháng 10.2018 thì CIC gần nhất là tháng 09.2018 → Muốn báo cáo tham chiếu dữ liệu CIC theo đúng tháng báo cáo thì NHNN sẽ phải lùi thời hạn báo cáo (ví dụ như các báo cáo nhóm nợ theo CIC thường báo cáo vào ngày 25). | Bưu điện Liên Việt | Tại phần Hướng dẫn lập Biểu 014-CSTT, NHNN đã hướng dẫn: “Nợ xấu được phân loại sau khi tham chiếu nhóm nợ do Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia (CIC) cung cấp **tại thời điểm gần nhất**”. Theo đó, TCTD thực hiện báo cáo số liệu nợ xấu theo đúng hướng dẫn này của NHNN và tuân thủ quy định về thời hạn gửi báo cáo tại Biểu 014-CSTT Thông tư 11. |
| 33 | Gải thích thuật ngữ “ Dư nợ cho vay” ở mục này. Trong trường hợp này, NH chúng tôi hiêu rằng Dư nợ cho vay chỉ bao gồm các khoản vay được giải ngân như quy định tại điều 5 mục a “cho vay”. | Bank of Tokyo HCM | Theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và mục 4, 5 phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11, cho vay là một trong các hình thức cấp tín dụng, dư nợ cho vay được báo cáo tại Biểu 014-CSTT là dư nợ của các khoản cấp tín dụng dưới hình thức cho vay. |
| 34 | 015-CSTT | Đề nghị NHNN chấp thuận sai số đối với tổng số liệu của từng chi nhánh so với số liệu toàn hệ thống đến 4 đơn vị (tức là nhỏ hơn hoặc tối đa đến 4 triệu đồng). | Hongleong | NHNN (Vụ Chính sách tiền tệ) xây dựng mức chênh lệch cho phép khi kiểm tra tự động chi nhánh - toàn hàng tại Biểu 015-CSTT Thông tư 11 là +/- 10 tỷ đồng. |
| 35 | Trường hợp xây dựng, cải tạo, mua, thuê, thuê mua nhà xưởng để tự sử dụng hoặc để bán, để cho thuê, cho thuê mua, cho thuê lại không nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất có thuộc đối tượng của báo báo cáo này không? Nếu có, nên báo cáo vào khoản mục nào của Biểu 015-CSTT.  Trường hợp xây dựng, cải tạo, mua, thuê, thuê mua nhà xưởng để tự sử dụng hoặc để bán, để cho thuê, cho thuê mua, cho thuê lại nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất thì có phải sẽ báo cáo vào chỉ tiêu 2.2 của Biểu 015-CSTT không? | Hongleong | Biểu 015-CSTT thống kê dư nợ tín dụng bất động sản theo mục đích sử dụng vốn cụ thể tại mẫu biểu, bao gồm: Quyền sử dụng đất; khu công nghiệp, khu chế xuất; văn phòng, cao ốc; nhà hàng, khác sạn; khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; nhà ở; kinh doanh bất động sản khác.  Theo đó, đối với trường hợp xây dựng, cải tạo, mua, thuê, thuê mua nhà xưởng:  - Nếu không nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất để bán, để cho thuê, cho thê mua, cho thuê lại: Thống kê vào chỉ tiêu 2.6 “Kinh doanh bất động sản khác”.  - Nếu nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất để bán, để cho thuê, cho thê mua, cho thuê lại: Thống kê vào chỉ tiêu 2.2 “Khu công nghiệp, khu chế xuất”. |
| 36 | “Nợ xấu được phân loại sau khi tham chiếu nhóm nợ do CIC cung cấp tại thời điểm gần nhất”, thời hạn gửi báo cáo là ngày 12 hàng tháng. Theo thông lệ hiện nay thường nhận đrược thông tin nhóm nợ do CIC cung cấp vào ngày 13-ngày 15 hàng tháng, do đó sẽ không kịp gửi báo cáo có thông tin tham chiếu nhóm nợ CIC tại tháng báo cáo. Đề nghị NHNN làm rõ hơn thời hạn gửi báo cáo/ chỉ tiêu nhóm nợ tham chiếu thông tin CIC của báo cáo này. | An bình | Tại hướng dẫn mẫu biểu đã quy định “Nợ xấu được hiểu theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 và các văn bản sửa đổi, thay thế (nếu có)”. Nợ xấu được phân loại sau khi tham chiếu nhóm nợ do CIC cung cấp tại thời điểm gần nhất. Theo đó, NHNN không yêu cầu TCTD bắt buộc phải sử dụng thông tin nhóm nợ do CIC cung cấp của tháng báo cáo, mà có thể sử dụng thông tin nhóm nợ do CIC cung cấp gần thời điểm báo cáo nhất. |
| 37 | Tên báo cáo là “Dư nợ tín dụng” nhưng nội dung lại yêu cầu phân loại theo thời hạn vạy, mục đích sử dụng vốn vay. Vậy sẽ báo cáo dư nợ tín dụng hay Dư nợ vay? | Bank of Tokyo HCM | Đề nghị TCTD báo cáo dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản theo đúng hướng dẫn tại mẫu biểu. Trong đó, thống kê dư nợ tín dụng theo quy định tại điểm 5 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11. |
| 38 | 022.1-TD | Phần diễn giải phụ lục 1:  - Mục 4, Phân theo thành phần kinh tế có nhắc đến "Bảng 2 Phụ lục 3 Thông tư này"; Phân theo ngành kinh tế có nhắc đến "Bảng 1 Phụ lục 3 Thông tư này" trong khi Thông tư 11 không có Phụ lục 3.  - Cột (3): có bao gồm cả doanh số xác nhận LC xuất khẩu, nhập khẩu) hay không?  - Cột (7): có bao gồm cho vay để thanh toán LC không do đơn vị báo cáo phát hành hay không? | Ngoại Thương | - Thông tư 11 chỉ sửa đổi, bổ sung Thông tư 35 (Không thay thế Thông tư 35). Do đó, TCTD căn cứ Phụ lục 3 Thông tư 35 để thực hiện.  - Cột (3): Có bao gồm doanh số xác nhận L/C xuất, nhập khẩu.  - Cột (7): Có bao gồm cho vay để thanh toán L/C do ngân hàng khác phát hành. |
| 39 | Liên quan đến nội dung báo cáo bảo lãnh tại dòng 3 “ Phân theo ngành kinh tế” được giải thích: việc phân loại bảo lãnh theo ngành kinh tế căn cứ vào mục đích của giao dịch bảo lãnh (theo hợp đồng thương mại giữa bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh). Tuy nhiên, hiện tại việc cấp bảo lãnh của ACB cho khách hàng nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đăng ký kinh doanh chính của khách hàng (Bên được bảo lãnh) và không phân mục đích giao dịch bảo lãnh theo hợp đồng thương mại giữa khách hàng và bên nhận bảo lãnh. Việc phân theo mục đích giao dịch của hợp đồng có thể dẫn đến cùng 1 khách hàng nhưng có nhiều ngành kinh tế khác nhau và/hoặc không theo ngành nghề đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.  Ví dụ: ACB cấp hạn mức bảo lãnh cho khách hàng A (ngành nghề theo ĐKKD là kinh doanh bất động sản). KH A ký hợp đồng 123 với nhà thầu B để thi công (xây dựng) dự án bất động sản 🡪 Trường hợp ACB bảo lãnh cho khách hàng A theo hợp đồng 123: mục đích giao dịch bảo lãnh của hơp đồng là xây dựng, trong khi ngành nghề theo ĐKKD của khách hàng A là kinh doanh bất động sản. | Á Châu | Việc phân loại bảo lãnh theo ngành kinh tế căn cứ mục đích của giao dịch bảo lãnh phản ánh đúng bản chất của dòng vốn tín dụng đổ vào ngành kinh tế đó. Do vậy, TCTD cần rà soát, cập nhật hệ thống thu thập số liệu phù hợp với hướng dẫn và yêu cầu báo cáo của NHNN. |
| 40 | 022.2-TD | Đề nghị làm rõ việc phân loại bảo lãnh theo Người cư trú hoặc Người không cư trú là dựa vào bên được bảo lãnh hay bên nhận bảo lãnh (ví dụ: bên được bảo lãnh là không cư trú, người nhận bảo lãnh là người cư trú thì giao dịch bảo lãnh đó xếp vào loại nào?) | Bank of Tokyo HCM | Việc phân loại bảo lãnh theo thành phần kinh tế căn cứ vào đối tượng khách hàng được bảo lãnh (bên được bảo lãnh). |
| 41 | 025-TTGS | - Dư nợ được xác định theo báo cáo này có bao gồm tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức nước ngoài không?  - Dư nợ trong mẫu báo cáo này có giống khái niệm “Nợ”, “Khoản nợ” trong Thông tư 02/2013/TT-NHNN không? | BIDC HCM, BPCE IOM | Dư nợ tại Biểu 025-TTGS theo quy định tại Điều 1 Thông tư 02/2013/TT-NHNN và bằng tổng nợ (chỉ tiêu I) tại Biểu 026-TTGS. |
| 42 | Dư nợ ở báo cáo được hiểu như thế nào:  1. Được hiểu theo quy định về dư nợ tín dụng tại mục điểm 5 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11.  2. Hay được hiểu theo quy định về "Nợ" tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN: báo cáo sẽ gồm (1) Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụngtrong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài; (2) Cho vay TCTD... | Bưu điện Liên Việt |
| 43 | Theo hướng dẫn tại mục 5 phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11, dư nợ cấp tín dụng không bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác, do đó chúng tôi hiểu là nội dung phải báo cáo trong báo cáo 025 cũng không bao gồm khoản mục Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác. Đề nghị NHNN giải thích và xác nhận để TCTD thực hiện. | Standard Chartered | Dư nợ tại Biểu 025-TTGS theo quy định tại Điều 1 Thông tư 02/2013/TT-NHNN, bao gồm cả **Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và tiền gửi tại TCTD nước ngoài.** |
| 44 | Phần tiêu chí thống kê giống biểu 001 và 003-DBTK chỉ bổ sung thêm cột nợ xấu. Đề nghị bổ sung thêm cột nợ xấu vào biểu 001 và 003-DBTK, huỷ bỏ biểu 25-TTGS nhằm giảm số lượng mẫu biểu báo cáo cho các TCTD. | NHNN  Lâm Đồng | Thống kê nợ và nợ xấu tại Biểu 025-DBTK theo quy định Thông tư 02/2013/TT-NHNN; khác phạm vi thống kê tại Biểu 001, 003-DBTK (theo quy định tại điểm 5 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11). Do đó, không trùng lặp.  NHNN đề nghị đơn vị nghiên cứu kỹ nội dung hướng dẫn tại mẫu biểu để hướng dẫn các TCTD báo cáo. |
| 45 | - Đối với những báo cáo không ghi rõ phân loại nợ theo CIC thì TCTD sẽ mặc định là phân loại theo nhóm nợ thực tế của ngân hàng, hiểu như vậy có đúng không?  - Nếu không đúng, đề nghị ghi chú rõ phân loại nợ theo tiêu chí nào và xem xét thời hạn gửi báo cáo nếu là phân loại nợ theo CIC vì TCTD cần thời gian xử lý báo cáo sau khi CIC cung cấp danh sách khách hàng (các báo cáo phân loại nợ theo CIC của Vụ TTGS thì hạn gửi là ngày 25 hàng tháng). | Bưu điện Liên Việt | Đối với nợ được phân loại tại một số mẫu biểu do Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng phụ trách được hiểu chung là:  - Nợ được phân loại sau khi tham chiếu nhóm nợ do CIC cung cấp theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có) của NHNN.  - Ngoài ra, đối với các báo cáo liên quan đến nợ được phân loại hoặc nhóm nợ, thời hạn gửi báo cáo là ngày 25 hàng tháng, phù hợp với thời gian thực hiện quy trình tham chiếu CIC để phân loại nợ theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN. |
| 46 | 025.2-TTGS  (Thông tư 35) | Dư nợ được xác định theo báo cáo này có bao gồm tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụngtrong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức nước ngoài không? | BIDC Hà Nội | Dư nợ tại Biểu 025-TTGS theo quy định tại Điều 1 Thông tư 02/2013/TT-NHNN và bằng tổng nợ (chỉ tiêu I) tại Biểu 026-TTGS. |
| 47 | 026-TTGS | Chỉ tiêu 1.1.7 “Cấp tín dụng khác”:  - Có bao gồm số dư của nợ mua không?  - Có bao gồm các khoản bảo lãnh và L/C hay không? | Frist bank HCM, ANZ | - Cấp tín dụng khác thuộc Cho vay đối với tổ chức kinh tế, cá nhân (được hạch toán nội bảng) đối với các hình thức cho vay không thuộc các chỉ tiêu từ 1.1.1 đến 1.1.6.  - Chỉ tiêu 1.1.7 “Cấp tín dụng khác”:  + Có bao gồm số dư của nợ mua.  + Không bao gồm các khoản bảo lãnh và L/C. Trong trường hợp TCTD đã thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh thì ghi nhận vào chỉ tiêu 1.1.6. |
| 48 | Đề nghị NHNN làm rõ Khoản đầu tư trái phiếu của các TCTD được phân loại nợ vào mục nào trong phần I? | Quốc tế | Đầu tư trái phiếu của các TCTD được thống kê vào **Mục I “Tổng nợ” - chỉ tiêu 1.4** “Số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết”. |
| 49 | Chỉ tiêu 2.1 “Số dư nợ gốc không có tài sản đảm bảo”. Như vậy, “không có tài sản đảm bảo” có bao gồm những dư nợ được bảo đảm bằng Thư bảo lãnh từ công ty mẹ hoặc bên thứ 3 không?  Đề nghị làm rõ thuật ngữ “tài sản đảm bảo khác” tại chỉ tiêu 4 mục III. Để phân loại với dư nợ không có tài sản đảm bảo, nhưng dư nợ được bảo đảm bằng Thư Bảo lãnh có liệt kê vào chi tiết này không? | Bank of Tokyo HCM | Tài sản bảo đảm cho khoản vay phải có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Ngoài ra, tại Việt Nam chưa có quy định rõ ràng về tài sản bảo đảm liên quan tới các loại thư bảo lãnh. Do đó, tại mẫu biểu này Thư bảo lãnh từ công ty mẹ hoặc bên thứ 3 (trong trường hợp không có đăng ký giao dịch bảo đảm) thì thống kê vào dư nợ không có tài sản bảo đảm.  Đối với Chỉ tiêu tài sản bảo đảm khác, thống kê giá trị tài sản bảo đảm (có đăng ký giao dịch bảo đảm) ngoài các tài sản bảo đảm đã thống kê tại Mục III “Giá trị tài sản bảo đảm” - chỉ tiêu 1, 2, 3. |
| 50 | A. Chỉ tiêu mới 1.6 Các khoản nợ khác của Mục I - Tổng nợ: đề nghị NHNN cho ví dụ cụ thể của các khoản nợ được xếp vào chỉ tiêu này.  B. Tài sản bảo đảm:  1. Các loại tài sản bảo đảm sau được xếp vào tiêu chí 4 Mục III- TSBĐ khác có đúng không?  a. Tiền gửi của khách hàng bằng đồng Việt Nam (Chỉ tiêu 1.1 và 2.1 mục tài sản bảo đảm của Biểu 026-TTGS Thông tư 35).  b. Vàng miếng; tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ (chỉ tiêu 1.2 và 2.2 mục tài sản bảo đảm của Biểu 026-TTGS Thông tư 35).  c. Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác (chỉ tiêu 1.11 và 2.11 mục tài sản bảo đảm của Biểu 026-TTGS Thông tư 35).  d. Phương tiện giao thông ô tô (ô tô hàng hoá và phương tiện phục vụ sản xuất), tàu thủy, máy bay, xe máy.  2. Các loại TSBĐ sau được xếp vào chỉ tiêu 2 Mục III - Giấy tờ có giá (Biểu 026 tại Thông tư 11) có đúng không: các chỉ tiêu từ 1.3 đến 1.9 và 2.3 đến 2.9 Mục III Tài sản bảo đảm của Biểu 026 tại Thông tư 35). | Standard Chartered | A. Chỉ tiêu 6 “Các khoản nợ khác” là nợ được phân loại theo nguyên tắc tại Khoản 5 Điều 9 Thông tư 02/2013/TT-NHNN.  Ví dụ: Các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền, nợ đã bán nhưng bên mua có quyền truy đòi người bán.  B:  1. Chỉ tiêu tài sản bảo đảm khác, thống kê giá trị tài sản bảo đảm ngoài các tài sản bảo đảm đã thống kê tại Mục III “Giá trị tài sản bảo đảm” - chỉ tiêu 1, 2, 3.  2. Các chỉ tiêu từ 1.3 đến 1.9 và từ 2.3 đến 2.9 Mục III “Tài sản bảo đảm” tại Biểu 026 Thông tư 35 được thống kê tương tự vào chỉ tiêu 2 “Giấy tờ có giá” - Mục III “Giá trị tài sản bảo đảm” tại Biểu 026 Thông tư 11. |
| 51 | - NHNN cung cấp mức chênh lệch cho phép khi kiểm tra tính logic giữa các báo cáo, giữa các chỉ tiêu... và mức chênh lệch cho phép giữa số liệu toàn hàng và số liệu tổng hợp từ các Chi nhánh (theo Thông tư 35 thì chỉ cung cấp mức chênh lệch của rất ít các báo cáo) → để TCTD chủ động kiểm tra trước khi gửi đi → không mất thời gian gửi đi gửi lại nhiều lần  - Đối với những báo cáo nhiều chỉ tiêu thì nên gia tăng giới hạn do việc làm tròn (do đã làm tròn khi chia đơn vị ở các chỉ tiêu con nên số tổng sẽ bị làm tròn nhiều lần):  *Ví dụ:* Yêu cầu mục I = (1) = (2) = (3) = (4); nhưng các mục (1) đến (4) là tổng của các mục nhỏ đã được làm tròn khi chia đơn vị triệu đồng, do đó nên cho phép có sự chênh lệch giữa các mục này vì báo cáo này CTD còn phải thực hiện tổng hợp từ tất cả các chi nhánh.  - Một số quy ước về định dạng hoặc điều kiện kiểm tra chéo giữa các báo cáo hiện nay → Kính đề nghị NHNN xem xét điều chỉnh nguyên tắc làm tròn, nguyên tắc lệch tổng số và thành phần, nguyên tắc khớp số giữa 1 số báo cáo hoặc chỉ tiêu trong báo cáo này với báo cáo khác.  - Đề nghị có hướng dẫn và rõ hơn về khái niệm “**Nhóm nợ**” trong từng báo cáo khác nhau. Nhiều báo cáo đều có chỉ tiêu này nhưng có thể cách lấy lại khác nhau, cụ thể ghi rõ hơn là nhóm nợ theo CIC hay nhóm nợ thực tế của Ngân hàng? | Bưu điện Liên Việt | - Để hỗ trợ các đơn vị báo cáo trong quá trình lập báo cáo, NHNN sẽ thông báo đến các TCTD công thức kiểm tra (nội tại biểu, chi nhánh - toàn hàng, chéo biểu) và mức chênh lệch cho phép trong các công thức kiểm tra tự động được xây dựng trên Hệ thống. Đề nghị đầu mối phụ trách báo cáo thống kê thường xuyên theo dõi, tra cứu thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của NHNN để cập nhật các thông báo của NHNN tại địa chỉ: [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn) chuyên mục *Thống kê tiền tệ ngân hàng/Các văn bản liên quan đến quy định báo cáo thống kê.*  - Đối với nợ được phân loại tại các mẫu biểu do Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng phụ trách được hiểu chung là Nợ được phân loại sau khi tham chiếu nhóm nợ do CIC cung cấp theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có) của NHNN. |
| 52 | 027-TTGS | Chỉ tiêu 6 “Cấp tín dụng khác” có bao gồm số dư của nợ mua không? | ANZ | Biểu 027-TTGS chỉ áp dụng đối với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam. Do đó, ngân hàng ANZ không thuộc đối tượng báo cáo. |
| 53 | 029-TTGS | Thông tư 35 chỉ yêu cầu báo cáo dữ liệu chi tiết với khách hàng có nợ xấu trên 1 tỷ đồng nhưng Thông tư 11 lại yêu cầu chi tiết đến từng khách hàng. Hiện nay, số lượng khách hàng theo yêu cầu của báo cáo này tại Home credit rất lớn (số lượng trên 100.000 dòng cho 1 file excel) nhưng giá trị khoản vay lại nhỏ. Theo đó, khi Home credit chuẩn bị dữ liệu để truyền file thì mẫu biểu excel công thức của NHNN có yêu cầu giới hạn số dòng báo cáo hay không? Nếu có giới hạn số dòng thì kính đề nghị quý cơ quan hướng dẫn cách điền dữ liệu để Home cedit có thể truyền được file báo cáo chuẩn xác. | CTTC Home credit | - Hiện tại hệ thống vẫn thu thập và xử lý các báo cáo có dung lượng trên 20Mb, tuy nhiên có thể đôi khi Hệ thống có lỗi trong quá trình xử lý. Vì vậy, khi gặp trường hợp này đơn vị cần thông báo để Cục Công nghệ thông tin phối hợp kiểm tra.  - Để kiểm soát nợ xấu cũng như tổng hợp thông tin tiền thanh tra, việc thu thập toàn bộ thông tin liên quan đến nợ xấu là rất quan trọng vì có thể đối với Home Credit khoản vay của khách hàng nhỏ, nhưng tại TCTD khác, khách hàng đó lại có khoản vay lớn. Do đó, để có bức tranh toàn cảnh về tình hình nợ xấu của cả hệ thống, việc báo cáo toàn bộ là cần thiết. |
| 54 | 029.1-TTGS | Báo cáo chi tiết nợ xấu theo từng khách hàng, làm tròn đến đơn vị triệu đồng, dẫn đến số tổng nợ xấu làm tròn bị lệch. Đề nghị NHNN có giải pháp cho vấn đề này. | Dầu khí Toàn cầu | Để hỗ trợ các đơn vị báo cáo trong quá trình lập báo cáo, NHNN sẽ thông báo đến các TCTD công thức kiểm tra (nội tại biểu, chi nhánh - toàn hàng, chéo biểu) và mức chênh lệch cho phép trong các công thức kiểm tra tự động được xây dựng trên Hệ thống. Đề nghị đầu mối phụ trách báo cáo thống kê thường xuyên theo dõi, tra cứu thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của NHNN để cập nhật các thông báo của NHNN tại địa chỉ: [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn) chuyên mục *Thống kê tiền tệ ngân hàng/Các văn bản liên quan đến quy định báo cáo thống kê.* |
| 55 | Đặc thù của Công ty tài chính là cung cấp các khoản vay nhỏ lẻ, số lượng khách hàng lớn. Trong khi Biểu 029.1, 029.2-TTGS yêu cầu liệt kê chi tiết tất cả khách hàng có nợ xấu dẫn đến lượng dữ liệu báo cáo sẽ rất lớn (Thông tư 35 chỉ yêu cầu liệt kê khách hàng có nợ xấu trên 1 tỷ đồng). | CTTC Prudential | - Hiện tại hệ thống vẫn thu thập và xử lý các báo cáo có dung lượng trên 20Mb, tuy nhiên có thể đôi khi Hệ thống có lỗi trong quá trình xử lý. Vì vậy, khi gặp trường hợp này đơn vị cần thông báo để Cục Công nghệ thông tin phối hợp kiểm tra.  - Để kiểm soát nợ xấu cũng như tổng hợp thông tin tiền thanh tra, việc thu thập toàn bộ thông tin liên quan đến nợ xấu là rất quan trọng vì có thể đối với CTTC Prudential khoản vay của khách hàng nhỏ, nhưng tại TCTD khác, khách hàng đó lại có khoản vay lớn. Do đó, để có bức tranh toàn cảnh về tình hình nợ xấu của cả hệ thống, việc báo cáo toàn bộ là cần thiết. |
| 56 | Cột (17) Trích lập dự phòng cụ thể: Theo hướng dẫn lập báo cáo là số tiền dự phòng cụ thể tổ chức tín dụngđã trích lập cho khoản nợ đến thời điểm báo cáo. Trong trường hợp ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể hàng quý theo báo cáo phân loại nợ của ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý thì số dự phòng trích lập được báo cáo sẽ là số dự phòng được trích lập của cuối quý gần nhất. Ví dụ trên báo cáo tháng 7 thì dự phòng trích lập sẽ là dự phòng trích lập đến cuối tháng 6. Ngân hàng hiểu như vậy có đúng không? | ANZ | Trong trường hợp ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể hàng quý theo báo cáo phân loại nợ của ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý thì số dự phòng trích lập được báo cáo sẽ là số dự phòng được trích lập của cuối quý gần nhất. |
| 57 | 029.2-TTGS | Biểu số 029.2-TTGS: *yêu cầu liệt kê khách hàng có dư nợ và/hoặc xử lý nợ xấu từ ngày 01/01 của năm báo cáo đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo* Với Công ty tài chính, khách hàng vay là cá nhân, giá trị món vay nhỏ nhưng số lượng khách hàng rất lớn, vậy *Công ty tài chính có phải liệt kê hết các khách hàng* ***có nợ xấu không*** *hay chỉ liệt kê các khách hàng* ***có nợ xấu và được xử lý*** *lũy kế từ đầu năm đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo?* | CTTC MB | Thống kê các khách hàng TCTD tiến hành xử lý nợ xấu theo các hình thức tại mẫu biểu từ đầu năm đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. |
| 58 | 030.1-TTGS | Ô chỉ tiêu cột (5) thiếu tên chỉ tiêu. Đề nghị NHNN bổ sung. | Hợp tác xã | Do lỗi soạn thảo văn bản, NHNN bổ sung tên chỉ tiêu cột (5) thành “**Tổng dư nợ**”.  NHNN đã cập nhật nội dung trên tại template báo cáo của Biểu số 030.1-TTGS. |
| 59 | 032-TTGS | Đề nghị giải thích nội dung cần báo cáo tại cột (4) - Tổng nợ? Tổng nợ ở đây có được hiểu là "Dư nợ cấp tín dụng" theo quy định tại điểm 5, phần 2 - Phụ lục 2 hay không? | Bưu điện Liên Việt | Tổng nợ ở báo cáo được hiểu theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN. |
| 60 | Đề nghị cung cấp danh sách tên các tập đoàn, tổng công ty nhà nước | Bank of Tokyo HN | Danh sách tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước theo quy định của Chính phủ về tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước. |
| 61 | 034-TTGS | Chỉ tiêu tại cột (6), (15) nêu “Trong đó: số tiền bán có kỳ hạn giấy tờ có giá”: Vậy có thống kê giá trị giấy tờ có giá bán kỳ hạn của các khoản giấy tờ có giá mà TCTD mua kỳ hạn không?  Nếu cột (6), (15) không lấy phần này thì cột (7), (16) có cần loại bỏ phần này ra không? | Kỹ Thương | NHNN (CQTTGSNH) cần quan tâm, theo dõi số tiền mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với lần đầu tiên TCTD mua. Trường hợp TCTD mua có kỳ hạn giấy tờ có giá sau đó bán lại cho bên thứ 3 thì không cần báo cáo vào cột (6), (15).  Ví dụ: TCTD mua có kỳ hạn giấy tờ có giá 100 triệu 🡪 báo cáo tại cột (7) số tiền là 100 triệu. Việc sau đó TCTD bán số giấy tờ có giá này cho bên thứ 3 không ảnh hưởng tới số liệu báo cáo tại cột (6), (7). |
| 62 | Đề nghị hướng dẫn cụ thể một số nội dung sau:  - Cột *(16) - Số tiền mua có kỳ hạn giấy tờ có giá* được lấy theo giá trị theo dõi trên tài khoản 20 hay tài khoản ngoại bảng?  - Các cột (8), (9), (10) và (19) có bao gồm “*Số tiền mua có kỳ hạn giấy tờ có giá”* không? | Đại Dương | - Công văn 5645/NHNN-TCKT ngày 04/9/2012 về việc hướng dẫn hạch toán kế toán nghiệp vụ cho vay, đi vay; mua, bán kỳ hạn GTCG giữa các TCTD. Theo đó, TCTD ghi nhận số tiền mua kỳ hạn GTCG vào **tài khoản 205** “Chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và GTCG khác”.  - Cột (8), (9), (10), (19): Có bao gồm Số tiền mua có kỳ hạn giấy tờ có giá (nếu có). Đề nghị các TCTD nghiên cứu kỹ hướng dẫn lập báo cáo:  + Cột (8): Thống kê doanh số (số tiền) đã mua chứng khoán nợ trong kỳ báo cáo (**bao gồm cả số chứng khoán nợ mua theo hợp đồng mua bán có kỳ hạn,…**).  + Cột (9): Thống kê doanh số (số tiền) đã bán chứng khoán nợ trong kỳ báo cáo (**bao gồm cả số chứng khoán nợ bán theo hợp đồng mua bán có kỳ hạn,…**). |
| 63 | Tại Thông tư 11, bổ sung thêm các cột 6, 7, 15, 16 “Số tiền mua (bán) có kỳ hạn giấy tờ có giá” nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể.  Đề nghị làm rõ thuật ngữ: “Số tiền bán có kỳ hạn giấy tờ có giá” tại mục 6, “số tiền mua có kỳ hạn giấy tờ có giá” tại mục 7, “số tiền bán có kỳ hạn giấy tờ có giá (kỳ này)” tại mục 15. | Đại Chúng, Bank of Tokyo HCM | - Các thuật ngữ về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn GTCG giữa các TCTD được quy định tại **Thông tư số**[**21/2012/TT-NHNN**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-21-2012-tt-nhnn-quy-dinh-ve-hoat-dong-cho-di-vay-mua-ban-co-ky-han-141193.aspx) ngày 18/6/2012 của NHNN quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Văn bản hợp nhất số 38/VBHN-NHNN ngày 12/7/2016 của NHNN quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Số tiền mua/bán có kỳ hạn GTCG được NHNN hướng dẫn hạch toán theo quy định tại Công văn 5645/NHNN-TCKT ngày 04/9/2012. |
| 64 | 1. Cột 8 và cột 16, cột 9 và cột 15 có bị trùng lặp không?  2. Cột 16 có bao gồm cả hai trường hợp: hợp đồng mua kỳ hạn giấy tờ có giá chưa kết thúc và đã kết thúc trước ngày cuối cùng của kỳ báo cáo không? Tương tự với cột 15 cho các hợp đồng bán kỳ hạn giấy tờ có giá?  3. Trong trường hợp hợp đồng mua kỳ hạn giấy tờ có giá chưa kết thúc trước ngày cuối cùng của kỳ báo cáo, thì có phải báo cáo vào Số dư chứng khoán nợ cột 12, 13, 14 không? Tương tự với cột 15, cho các hợp đồng bán kỳ hạn giấy giờ có giá chưa kết thúc trước ngày cuối cùng của kỳ báo cáo? | Citibank | 1. Cột (8) và cột (9) phản ánh doanh số, cột (15) và (16) phản ánh số dư. Do đó, không có sự trùng lặp về yêu cầu báo cáo.  2. Cột (15), (16): Thống kê các hợp đồng mua/bán có kỳ hạn giấy tờ có giá **còn hiệu lực tại ngày cuối cùng của kỳ báo cáo**.  3. Báo cáo số dư các hợp đồng mua bán kỳ hạn giấy tờ có giá còn hiệu lực tại ngày cuối cùng của kỳ báo cáo. |
| 65 | 040-TTGS | Đề nghị NHNN cho biết nguyên tắc làm tròn số đối với khoản mục Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ so với Tổng nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước (%)? | Ngoại Thương | Các trường/cell đều có quy định về độ dài tối đa được phép. Đối với dạng dữ liệu kiểu số, nếu vượt quá độ dài cho phép, Hệ thống sẽ tự cắt để đảm bảo đúng quy định. Ví dụ, nếu độ dài của trường này cho phép tối đa 2 chữ số thập phân, nên khi số liệu sau phần nguyên là 3 số thì Hệ thống sẽ tự cắt để lấy giá trị 2 số sau phần nguyên. Vì vậy các đơn vị cần căn cứ vào độ dài dữ liệu của từng cột/cell để chủ động nhập dữ liệu cho chính xác (làm tròn hay không làm tròn do đơn vị tự quyết định để số liệu đảm bảo chính xác về nghiệp vụ). |
| 66 | Cách xác định giá trị ghi sổ của trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. | Standard Chartered | Cách xác định giái trị ghi sổ của trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh là giá trị được ghi nhận tại hệ thống tài khoản kế toán của TCTD (do bộ phận kế toán tại TCTD ghi sổ). |
| 67 | 042-DBTK | Template không đổi, vậy sự thay đổi ở đây có phải ở mục báo cáo số dư huy động vốn của tổ chức không phải TCTD được thay đổi ở điểm 10, phần 2, phụ lục 2, Thông tư 11 hay không? | Standard Chartered | Phần 4. Hướng dẫn lập báo cáo tại Biểu 042-DBTK: NHNN chỉ sửa cụm từ “Thống kê số dư tiền gửi” thành “Thống kê số dư **huy động vốn**” để nội dung hướng dẫn lập báo cáo phù hợp với tên báo cáo “Báo cáo huy động vốn từ khách hàng theo loại hình sản phẩm”. |
| 68 | Thông tư 11 thay đổi cách phân chia thời hạn theo định kỳ năm = 365 ngày. Trong khi đó có một số báo cáo về tiền gửi yêu cầu phân loại theo tháng, vậy những khoản tiền gửi đang ở định kỳ ngày chuyển sang định kỳ tháng như thế nào? Lúc này một tháng có phải bằng 30 ngày hay không? | IBK HCM | - Điểm 1, 2, 3 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11 quy định về thời hạn tín dụng.  - Việc phân chia thời hạn đối với các khoản tiền gửi, TCTD nghiên cứu về phương pháp tính lãi trên hợp đồng nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa TCTD với khách hàng. Theo đó, khoản 1 Điều 4 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa TCTD với khách hàng quy định 1 tháng là 30 ngày. |
| 69 | 043-CSTT | Tại chỉ tiêu VI. Trạng thái Vốn khả dụng cuối ngày, cột 3, Hướng dẫn bổ sung của NHNN ghi chú: “Trạng thái vốn khả dụng cuối ngày hôm trước (VI của ngày hôm trước) được xác định bằng mức chênh lệch giữa số dư tiền gửi bằng VND của TCTD tại NHNN vào cuối ngày hôm trước so với số tiền phải dự trữ bắt buộc bình quân còn lại trong những ngày tiếp theo”.  Như vậy, số tiền phải DTBB bình quân còn lại trong những ngày tiếp theo sẽ cố định để tính toán cho một kỳ báo cáo hay thay đổi hàng ngày theo mức phải DTBB còn thiếu?  Ví dụ: Tại kỳ báo cáo 11/06-20/06:  - DTBB bình quân phải dự trữ trong tháng là 1200 tỷ.  - Trong 10 ngày đầu, đã duy trì mức dự trữ 1000 tỷ/ngày => DTBB còn thiếu trong 20 ngày tiếp theo là 1300/ngày.  - Giả sử, Ngày 11: DTBB cuối ngày 1400 tỷ => DTBB còn thiếu 19 ngày tiếp theo là ~ 1295 tỷ/ngày.  - Ngày 12: DTBB dự kiến cuối ngày là 1500 tỷ => DTBB còn thiếu 18 ngày tiếp theo là ~ 1284 tỷ/ngày.  - Ngày 13: DTBB dự kiến cuối ngày là 1300 tỷ => DTBB còn thiếu 17 ngày tiếp theo là ~ 1283 tỷ/ngày.  - Ngày 14: DTBB dự kiến cuối ngày là 1200 tỷ => DTBB còn thiếu 16 ngày tiếp theo là ~ 1288 tỷ/ngày.             ….  Như vậy, số tiền phải DTBB bình quân còn lại trong những ngày tiếp theo dùng để tính toán cho kỳ 11/06-20/06 sẽ lấy số cố định là 1300 tỷ/ngày hay biến thiên theo từng ngày (Ngày 11 là 1295 tỷ, Ngày 12 là 1284 tỷ, Ngày 13 là 1283 tỷ….).  Tại cột VI. Trạng thái Vốn khả dụng cuối ngày = Tổng số dư cuối ngày tại NHNN. Như vậy, trong các kỳ báo cáo tiếp theo, OCB có thể điều chỉnh luôn cách tính theo Hướng dẫn của Thông tư 11, hay vẫn giữ nguyên cách tính cũ để nhất quán với Thông tư 35 trước đây. | Phương Đông | Số tiền phải dự trữ bắt buộc bình quân còn lại trong những ngày tiếp theo sẽ cố định để tính toán cho 1 kỳ báo cáo.  Khi Thông tư 11 có hiệu lực thì các TCTD sẽ báo cáo theo như hướng dẫn tại Thông tư 11. |
| 70 | Theo hướng dẫn cột (3) như sau: Trạng thái vốn khả dụng cuối ngày hôm trước (VI của ngày hôm trước) được xác định bằng mức chênh lệch giữa số dư tiền gửi bằng VND của TỔ CHỨC TÍN DỤNGtại NHNN vào cuối ngày hôm trước so với số tiền phải dự trữ bắt buộc bình quân còn lại trong những ngày tiếp theo”.  1. Theo thông báo về số tiền dự trữ bắt buộc bình quân thường được NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố gửi ra khoảng ngày 10 đến ngày 20 hàng tháng thì cho kỳ báo cáo đầu tiên và thứ 2 của tháng (kỳ từ ngày 1 đến ngày 10 của tháng, hoặc ngày 11 đến ngày 20 nếu qua ngày 11 tổ chức vẫn chưa nhận được thông báo dự trữ bắt buộc của NHNN) thì số này được lấy thế nào?  2. Số dư tiền gửi bằng VND của TCTD tại NHNN vào cuối ngày hôm trước so với số tiền phải dự trữ bắt buộc bình quân còn lại trong những ngày tiếp theo - NHNN có thể giải thích cụ thể hơn bằng ví dụ cụ thể như sau:  Số dư tiền gửi bằng VND của ngày t-1 = 500 tỷ, số tiền dự trữ bắt buộc bình quân theo thông báo của NHNN là 700 tỷ, thì trạng thái vốn khả dụng là -200 tỷ có đúng không; tại kỳ báo cáo thứ 2 (từ ngày 11 đến ngày 20) thì xác định như thế nào? Số tiền phải dự trữ bắt buộc bình quân còn lại trong những ngày tiếp theo lấy ở đâu có cần xác nhận của NHNN không? | Standard Chartered | 1. Trong trường hợp chưa có số phải DTBB theo thông báo của NHNN thì TCTD ước số phải DTBB của tháng thực hiện theo hướng dựa vào số phải DTBB của tháng trước và tốc độ tăng huy động vốn VND của tháng trước.  2. Ví dụ:  + Tại kỳ 1, số dư tiền gửi bằng VND của ngày t-1 = 500 tỷ, số tiền dự trữ bắt buộc bình quân theo thông báo của NHNN là 700 tỷ, thì trạng thái vốn khả dụng là - 200 tỷ.  + Tại kỳ 2, các TCTD tự tính số tiền phải DTBB bình quân còn lại trong những ngày tiếp theo dựa trên số phải DTBB trong kỳ, số dư tiền gửi bình quân đã thực hiện của kỳ 1, tổng số ngày trong tháng và tổng số ngày đã duy trì số dư tiền gửi trong tháng. |
| 71 | 047-CSTT | Báo cáo có bao gồm các khoản phát hành Giấy tờ có giá cho các đối tượng là TCTD hay không? Nếu không bao gồm thì đối tượng xác định ở đây là sơ cấp hay thứ cấp đối với trái phiếu ghi danh? (Ghi chú: GTCG vô danh chỉ xác định được đối tượng sơ cấp).  ***Ví dụ:*** Phát hành GTCG tháng 1 cho Doanh nghiệp A -> Tính vào báo cáo. Sang tháng 2 nếu doanh nghiệp A bán lại cho TCTD B thì GTCG này có tính vào báo cáo hay không? | Bưu điện Liên Việt | Theo hướng dẫn tại Biểu số 047-CSTT thì “*Thống kê lãi suất các khoản tiền gửi/hoặc cho vay, mà TCTD nhận tiền gửi/hoặc cho vay đối với các tổ chức, cá nhân trên thị trường 1, phát sinh trong kỳ báo cáo và được xác định (quy đổi) thống nhất theo mức lãi suất trả sau*…..”; theo đó chỉ tiêu 13 “Lãi suất huy động bằng PHGTCG loại dưới 12 tháng”, chỉ tiêu 14 “Lãi suất huy động bằng PHGTCG loại từ 12 tháng trở lên”: Thống kê lãi suất của các khoản huy động bằng PHGTCG phát sinh trong kỳ báo cáo (tháng báo cáo), **không bao gồm khoản PHGTCG cho các đối tượng TCTD**.  Đối với ví dụ đơn vị nêu: Theo hướng dẫn trên, lãi suất phát hành GTCG tháng 1 cho DN A được đưa vào báo cáo tháng 1 (tháng phát sinh). Tháng 2 nếu doanh nghiệp A bán lại cho TCTD B thì lãi suất của GTCG này không được đưa vào báo cáo. |
| 72 | Theo hướng dẫn tại báo cáo, chỉ áp dụng đối với các khoản cho vay. Khoản cho vay theo chế độ kế toán của ngân hàng bao gồm cả các khoản bao thanh toán. Trong khi theo hướng dẫn tại Thông tư 11, bao thanh toán được tách ra thành 1 khoản riêng. Vậy các khoản bao thanh toán có thuộc phạm vi báo cáo của mẫu biểu này không? | Bank of Tokyo HN | Biểu 047-CSTT yêu cầu thống kê lãi suất **các khoản cho vay**. Do đó, các khoản bao thanh toán **không thuộc phạm vi báo cáo** tại mẫu biểu này. |
| 73 | 050, 051-TT | Dòng 2.2.1 và 2.2.2 và 2.2.3 và 2.2.4 cột 1, 2, 5, 6 là màu xám theo quy định TCTD không điền số liệu vào. Nhưng dòng 2.2 là tổng 2.2.1+2.2.2+2.2.3+2.2.4 thì không tô màu xám, vậy TCTD có phải điền số liệu vào không? | BIDC HCM | Phần Ghi chú đã nêu: TCTD không điền số liệu vào các ô màu xám. Do đó, TCTD phải điền dữ liệu vào tất cả các dòng/cột không tô màu xám (như dòng 2.2, 3.2, 4.2,…). |
| 74 | Thay đổi ở đây có phải là loại các giao dịch qua CITAD tại cổng NHNN hay không? | Standard Chartered | - Theo quy định tại Thông tư 35, Biểu 050 và 051-TT, TCTD không báo cáo các giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng do NHNN vận hành.  - Việc sửa đổi Biểu 050-TT tại Thông tư 11 nhằm hủy bỏ các dòng (cột) NHNN đã không yêu cầu thu thập tại Thông tư 35 do thực tế trong quá trình thực hiện Thông tư 35, các đơn vị phản ánh là gặp khó khăn trong việc thống kê số liệu.  - Việc sửa đổi Biểu 051-TT tại Thông tư 11 nhằm rà soát, hủy bỏ thêm một số đối tượng báo cáo không phát sinh giao dịch. |
| 75 | Ngoài hệ thống Citad, hiện ngân hàng thực hiện chuyển tiền qua hệ thống Vietcombank Money, Mục “3. Thanh toán điện tử qua TCTD khác” Biểu 050-TT có thống kê khoản: (i) Điều chuyển vốn của ngân hàng; (ii) Lãi tiền gửi Vietcombank chi trả; (iii) Các khoản giải ngân của khách hàng vay; (iv) Các khoản cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng. | Nonghyup | Theo hướng dẫn của Chỉ tiêu 3 “Thanh toán điện tử qua TCTD khác”, TCTD sẽ báo cáo toàn bộ các giao dịch thanh toán điện tử thông qua TCTD khác (không loại trừ đối với nhóm giao dịch nào). Theo đó, các giao dịch như đơn vị liệt kê sẽ được thống kê vào chỉ tiêu giao dịch của bản thân TCTD. |
| 76 | 052-TT | Thay đổi cụm từ *“- Phản ánh số lượng giao dịch và giá trị giao dịch thanh toán, chuyển tiền nội địa và quốc tế đến/đi qua Hệ thống SWIFT của tổ chức tín dụngbáo cáo theo quốc gia trong kỳ báo cáo”* thành cụm từ *“- Phản ánh số lượng giao dịch và giá trị giao dịch thanh toán, chuyển tiền đến/đi qua Hệ thống SWIFT của tổ chức tín dụngbáo cáo theo quốc gia trong kỳ báo cáo”.* Theo đó, trường hợp HLBVN chuyển tiền qua Swift cho Ngân hàng A (ở Việt Nam) có tài khoản tại Ngân hàng B (ở nước ngoài), việc xác định mã quốc gia để báo cáo là theo quốc gia Ngân hàng A hay theo quốc gia của Ngân hàng B nơi Ngân hàng A mở tài khoản nhận tiền. | Hongleong | - Trong trường hợp đơn vị đề cập, theo quy định tại Thông tư, mã quốc gia được xác định theo quốc gia của người thụ hưởng. Nếu người thụ hưởng là Ngân hàng A thì giao dịch này sẽ được báo cáo tại Chỉ tiêu 4 “Thanh toán nội địa qua Hệ thống SWIFT” của Biểu 050-TT.  - Ngân hàng không thực hiện báo cáo theo quốc gia của Ngân hàng B là nơi Ngân hàng A mở tài khoản nhận tiền. |
| 77 | Đề nghị làm rõ “riêng các giao dịch của TCTD báo cáo với các quốc gia khác nhưng chuyển qua ngân hàng trung gian tại Việt Nam được báo cáo theo mã quốc gia là Việt Nam”. Theo cách hiểu của ngân hàng chúng tối, nếu MUFG thực hiện các giao dịch chuyển tiền cho các khách hàng ra nước ngoài thông qua ngân hàng trung gian tại Việt Nam thì vẫn phải báo cáo theo hướng dẫn. | Bank of Tokyo HN | Đúng như cách hiểu của Ngân hàng Bank of Tokyo chi nhánh Hà Nội, các giao dịch chuyển tiền cho khách hàng nước ngoài thông qua trung gian tại Việt Nam sẽ được thống kê theo mã quốc gia là Việt Nam. |
| 78 | 053, 059-TT | Đề nghị NHNN cung cấp chi tiết hướng dẫn cho báo cáo giao dịch qua QR Code. | Citibank | Các đơn vị thực hiện thống kê số lượng và giá trị các giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt nội địa được khách hàng thực hiện bằng các ứng dụng riêng trên điện thoại di động để thực hiện thanh toán qua QR Code (Mã phản hồi nhanh). Đây là các giao dịch mà khách hàng thanh toán qua tài khoản bằng việc sử dụng chức năng mới Thanh toán bằng **mã QR - QR Pay thông qua việc** tích hợp vào ứng dụng E-Mobile Banking của các ngân hàng. Khách hàng sử dụng camera điện thoại quét mã QR để thực hiện nhanh một số giao dịch như chuyển khoản, thanh toán trong phạm vi nội địa. |
| 79 | Chỉ tiêu 3.4: Thống kê số lượng và giá trị các giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt nội địa được khách hàng thực hiện qua POS/EFTPOS/EDC. Như vậy, chỉ tiêu này bao gồm các giao dịch tại ATM/POS của Maritime Bank và ATM/POS của các ngân hàng khác. | Hàng Hải | Đúng như cách hiểu của Ngân hàng Hàng Hải, các chỉ tiêu này thống kê số lượng và giá trị các giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt nội địa của khách hàng mở tài khoản thanh toán tại tổ chức báo cáo thực hiện giao dịch qua ATM, POS/EFTPOS/EDC của tổ chức báo cáo và các ngân hàng khác. |
| 80 | Thông tin tại Biểu 53-TT và Biểu 59-TT mục "số lượng giao dịch" và "giá trị giao dịch" của Thẻ nội địa và thẻ quốc tế hiện đang giống nhau => Đề nghị NHNN xem xét giảm bớt chỉ tiêu tại một biểu để giảm bớt khối lượng cho NHTM. | Kỹ Thương | - Biểu 053-TT: Thống kê số lượng giao dịch và giá trị giao dịch *thanh toán không dùng tiền mặt nội địa* được TCTD báo cáo thực hiện, phân theo 03 tiêu chí: Phương tiện thanh toán (trong đó có phương tiện thanh toán là thẻ ngân hàng), phương thức xử lý, các kênh giao dịch thanh toán.  - Biểu 059-TT: Thống kê số lượng giao dịch và giá trị*“giao dịch thẻ” trong nội địa và ra nước ngoài* do TCTD báo cáo phát hành và đang lưu hành và có phát sinh giao dịch trong kỳ báo cáo, theo loại thẻ bao gồm thẻ ghi nợ nội địa, thẻ tín dụng nội địa, thẻ trả trước nội địa, thẻ nội địa khác (ngoài thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng và thẻ trả trước nội địa), thẻ ghi nợ quốc tế, thẻ tín dụng quốc tế, thẻ trả trước quốc tế và thẻ quốc tế khác (ngoài thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng và thẻ trả trước quốc tế).  “*Giao dịch thẻ” ở đây được hiểu là việc sử dụng thẻ để gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển tiền, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, thanh toán hóa đơn hoặc sử dụng các dịch vụ tài chính khác do tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ cung ứng; không bao gồm các giao dịch thu phí của tổ chức tín dụngphát hành thẻ, các giao dịch không phát sinh giá trị tiền tệ như: vấn tin, sao kê,...”.*  Do đó, tiêu chí thống kê tại Biểu 053 và 059-TT là khác nhau, đề nghị TCTD thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 11. |
| 81 | 054-TT | Chỉ tiêu 1.3, cột 1 và 2: Có liệt kê các giao dịch chuyển tiếp Inpay (giao dịch chuyển tiếp từ BIDC Campuchia đến các ngân hàng khác ở Việt Nam), chuyển vốn đầu tư, chuyển tiền 1 chiều cá nhân không? | BIDC Hà Nội, HCM | Các giao dịch chuyển tiền từ Ngân hàng BIDC (Ngân hàng mẹ) đến BIDC Hồ Chí Minh và BIDC Hà Nội để các chi nhánh này chuyển tiếp cho các ngân hàng khác ở Việt Nam thông qua các hệ thống hoặc kênh thanh toán của các ngân hàng tại Việt Nam (như Hệ thống của Vietcombank), bao gồm cả giao dịch chuyển vốn và giao dịch chuyển tiền một chiều sẽ được BIDC Hồ Chí Minh và BIDC Hà Nội thống kê tại Chỉ tiêu 1.3 “Chuyển tiền khác”. |
| 82 | Bỏ phần nội dung báo cáo biên mậu so với cũ nhưng trong mục chuyển tiền khác thì có liệt kê các giao dịch thanh toán biên mậu bằng Internet Banking hay không? | Bưu điện Liên Việt | Theo quy định cũ, giao dịch thanh toán biên mậu được bao gồm trong tổng giao dịch thanh toán nhập khẩu, xuất khẩu. Việc sửa đổi Biểu 054-TT tại Thông tư 11 nhằm **hủy bỏ yêu cầu thống kê riêng các giao dịch thanh toán biên mậu**, không làm ảnh hưởng đến tiêu chí thống kê của các chỉ tiêu khác.  Theo đó, giao dịch thanh toán biên mậu không thống kê vào chỉ tiêu 1.3 “Chuyển tiền khác”. |
| 83 | 055-TT | - Chỉ tiêu 1.2: Thống kê các giao dịch được thực hiện bằng thẻ quốc tế do ngân hàng ở nước ngoài phát hành. Như vậy, việc cập nhật mã PIN này thế nào để phân biệt được thẻ quốc tế do TCTD tại Việt Nam phát hành và do ngân hàng nước ngoài phát hành?  - Chỉ tiêu 2.2: Thống kê các giao dịch được thực hiện bằng thẻ quốc tế do ngân hàng ở nước ngoài phát hành. Như vậy, việc cập nhật mã PIN này thế nào để phân biệt được thẻ quốc tế do TCTD tại Việt Nam phát hành và do ngân hàng nước ngoài phát hành? | Hàng Hải | - Chỉ tiêu 1.2 và Chỉ tiêu 2.2:  + Đối với Thẻ quốc tế do các TCTD trong nước phát hành: Các giao dịch thẻ qua thiết bị chấp nhận thẻ của Ngân hàng Hàng Hải, nếu Ngân hàng Hàng Hải phân biệt được loại thẻ thì thống kê số liệu vào từng mục theo loại thẻ (ghi nợ, tín dụng, trả trước), còn các giao dịch thẻ mà Ngân hàng Hàng Hải không nhận được được loại thẻ thì sẽ đưa vào chỉ tiêu 1.1.2.4 “Thẻ khác”.  + Đối với Thẻ quốc tế do tổ chức nước ngoài phát hành: Với vai trò là ngân hàng thanh toán, khi chấp nhận thanh toán thẻ tại các thiết bị chấp nhận thẻ (ATM/POS/EFTPOS/EDC) thì Ngân hàng Hàng Hải có quyền yêu cầu Tổ chức thẻ quốc tế phát hành cung cấp danh mục mã BIN để nhận diện được ngân hàng phát hành tại Việt Nam (nhận diện cả về tổ chức và quốc gia). Để phục vụ cho việc quyết toán và bù trừ giữa ngân hàng thanh toán và ngân hàng phát hành, các tổ chức thẻ quốc tế đều có các quy định về mã nhận diện thẻ của tổ chức thuộc quốc gia nào phát hành, do đó các ngân hàng thanh toán đều có thể nắm được các quy định mã thẻ để phục vụ cho việc tra soát với ngân hàng phát hành. |
| 84 | Chỉ tiêu 5: Thống kê tổng số lượng (món) và tổng giá trị các giao dịch rút tiền mặt bằng thẻ (thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước, thẻ khác) phát sinh trong kì báo cáo. Thống kê áp dụng đối với thẻ do tổ chức tín dụngbáo cáo phát hành. Vui lòng làm rõ: Giao dịch rút tiền mặt phát sinh trong kì báo cáo tại cây ATM của tổ chức tín dụngbáo cáo hay tại cả những cây ATM của các tổ chức tín dụngkhác?  - Trong phần “Giao dịch khác” (\*\*), tổ chức tín dụngbáo cáo có cần báo cáo tổng số lượng (món) và tổng giá trị các giao dịch nộp tiền mặt tại cây ATM của tổ chức tín dụngbáo cáo không? | HSBC | - Chỉ tiêu 5: Thống kê tổng số lượng (món) và tổng giá trị các giao dịch rút tiền mặt bằng thẻ (thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước, thẻ khác) phát sinh trong kì báo cáo. Thống kê áp dụng đối với thẻ do TCTD báo cáo phát hành. Như vậy, các đơn vị thực hiện báo cáo số lượng và giá trị các giao dịch rút tiền mặt bẳng thẻ do TCTD phát hành tại ATM của TCTD báo cáo và tại cả ATM của các TCTD khác.  - Trong phần “Giao dịch khác” (\*\*), TCTD thống kê các giao dịch tài chính khác mà không phải là các giao dịch rút tiền, chuyển khoản, thanh toán hàng hóa, dịch vụ đã thống kê tại các cột (1), (2), (3) và (4), do đó bao gồm tổng số lượng (món) và tổng giá trị các giao dịch nộp tiền mặt tại cây ATM của TCTD báo cáo. |
| 85 |  | - Chỉ tiêu 6: Thống kê tổng số lượng (món) và tổng giá trị các giao dịch rút tiền mặt bằng các PTTT khác (ngoài Séc, thẻ đã được thống kê ở chỉ tiêu 4 và 5) từ các tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại TCTD báo cáo phát sinh trong kỳ báo cáo. Thống kê áp dụng đối với TCTD báo cáo (hoặc chi nhánh của TCTD báo cáo) trả tiền hoặc giữ tài khoản của khách hàng trả tiền. Phương thức thanh toán khác bao gồm: hối phiếu, lệnh phiếu, thư tín dụng, giấy rút tiền mặt. Như vậy, theo yêu cầu của NHNN, TCTD phải thống kê số liệu bao gồm cả các giao dịch rút tiền tại quầy (nghĩa là TCTD lấy tổng giao dịch rút tiền trừ đi chỉ tiêu 4 và 5). | Hàng Hải | Chỉ tiêu 6: Thống kê tổng số lượng (món) và tổng giá trị các giao dịch rút tiền mặt bằng các phương tiện thanh toán khác (ngoài Séc, thẻ đã được thống kê ở chỉ tiêu 4 và 5) từ các tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại TCTD báo cáo phát sinh trong kỳ báo cáo. Thống kê áp dụng đối với TCTD báo cáo (hoặc chi nhánh của TCTD báo cáo) trả tiền hoặc giữ tài khoản của khách hàng trả tiền. Phương thức thanh toán khác bao gồm: hối phiếu, lệnh phiếu, thư tín dụng, giấy rút tiền mặt. Như vậy, theo yêu cầu của NHNN, TCTD thống kê số liệu bao gồm cả các giao dịch rút tiền tại quầy chính là giấy rút tiền mặt. Do đó, TCTD báo cáo thống kê số liệu bao gồm cả các giao dịch rút tiền tại quầy chính là giấy rút tiền mặt tại quầy. |
| 86 | 059-TT | Yêu cầu báo cáo thêm chỉ tiêu “Giao dịch thẻ lưu hành phát sinh trong kỳ báo cáo”, chỉ tiêu “giao dịch thẻ” có bao gồm giao dịch trên thẻ thực hiện qua kênh ngân hàng điện tử (internet banking) hay kênh ngân hàng di động (mobile banking) không? | Hongleong | “Giao dịch thẻ” ở đây được hiểu là việc sử dụng thẻ để gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển tiền, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, thanh toán hóa đơn hoặc sử dụng các dịch vụ tài chính khác do tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ cung ứng; không bao gồm các giao dịch thu phí của TCTD phát hành thẻ, các giao dịch không phát sinh giá trị tiền tệ như: vấn tin, sao kê,...  Như vậy, có thể hiểu là thống kê số lượng và giá trị “giao dịch thẻ” của các tổ chức phát hành được thực hiện qua các kênh khác nhau bao gồm cả các kênh Internet Banking và Mobile Banking. |
| 87 | Chỉ tiêu 6: Theo chúng tôi, Mục (\*) này là thẻ quốc tế thay vì nội địa. | Citibank | Do sơ suất trong quá trình soạn thảo văn bản, NHNN điều chỉnh chỉ tiêu 6 như sau:  6 “Thẻ tín dụng quốc tế”  *Trong đó (\*):* Thẻ tín dụng **quốc tế** phát hành cho cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng.  NHNN đã cập nhật nội dung trên tại template báo cáo của Biểu 059-TT. |
| 88 | Đề nghị lãm rõ cách tính cho tiêu chí ở cột 5 & 6: Số lượng (món) và Giá trị (Triệu VND) của “Giao dịch thẻ” phát sinh trong kỳ báo cáo.  Ngân hàng hiểu rằng đây là số lượng và giá trị các “giao dịch thẻ” do tổ chức tín dụng phát hành phát sinh trong kỳ báo cáo nhằm làm rõ/cụ thể cho tiêu chí dữ liệu ở  cột số 4. Đề nghị NHNN hướng dẫn để Ngân hàng thực hiện báo cáo được đầy đủ & chính xác. | HSBC | - Cột (5) và (6): Thống kê số lượng và giá trị giao dịch của các loại thẻ (do tổ chức tín dụng báo cáo phát hành) có phát sinh trong kỳ báo cáo (bao gồm cả các phát sinh trong nội địa và ra nước ngoài).  *“Giao dịch thẻ” ở đây được hiểu là việc sử dụng thẻ để gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển tiền, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, thanh toán hóa đơn hoặc sử dụng các dịch vụ tài chính khác do tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ cung ứng; không bao gồm các giao dịch thu phí của tổ chức tín dụngphát hành thẻ, các giao dịch không phát sinh giá trị tiền tệ như: vấn tin, sao kê,...”.*  Cột (4): Thống kê số lượng thẻ có phát sinh “giao dịch thẻ” trong kỳ báo cáo (số liệu được tính cộng dồn từ thời điểm ngày đầu kỳ báo cáo đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của kỳ báo cáo). |
| 89 | 063-TT | Thống kê danh sách ATM ngừng (hoặc dự kiến ngừng) hoạt động quá 24h và ATM được khắc phục tình trạng ngừng hoạt động quá 24h phát sinh trong kỳ báo cáo. Như vậy, ATM ngừng hoạt động đã được khắc phục theo đúng dự kiến thì cập nhật như thế nào? Ghi vào cột nào trong biểu báo cáo? | Hàng Hải | Hướng dẫn tại Biểu 063-TT là đối với những ATM ngừng hoạt động quá 24h đã được khắc phục, hoạt động trở lại nhưng thời điểm ATM thực tế hoạt động lại khác với thời điểm dự kiến hoạt động lại (tại cột (13)), theo đó TCTD sẽ cập nhật vào cột (17).  Những ATM ngừng hoạt động đã được khắc phục theo đúng dự kiến thì không phải cập nhật thông tin. |
| 90 | 067, 068, 069-QLNH | Đối với các giao dịch vay bằng hàng trên báo cáo 067, 068, 069-QLNH ghi giá trị hàng nhập khẩu, vậy các giao dịch nhập khẩu này có báo cáo ở các Biểu 054-TT và 073-QLNH không? | BIDC Hà Nội, HCM | 1. Liên quan đến Biểu 054-TT: Các mẫu biểu liên quan đến doanh số xuất  nhập khẩu tại Thông tư 35 (sửa đổi tại Thông tư 11) có tiêu chí thống kê khác nhau. TCTD báo cáo xem xét yêu cầu báo cáo cụ thể tại từng mẫu biểu để thực hiện báo cáo.  Theo đó, Biểu 054-TT thống kê ***toàn bộ*** các giao dịch thanh toán xuất nhập khẩu (bao gồm cả thanh toán biên mậu) theo phương thức thanh toán (chuyển tiền, Nhờ thu, Thư tín dụng), trong đó, phương thức Nhờ thu và Thư tín dụng đã phân theo phương thức trả ngay và trả chậm. Vì vậy, các giao dịch thanh toán nhập khẩu đã thống kê tại các mẫu biểu khác theo tiêu chí khác vẫn được thống kê tại Biểu 054-TT.  2. Liên quan đến Biểu 073-QLNH: Doanh số thanh toán nhập khẩu theo Biểu 073-QLNH áp dụng với tất cả các khoản thanh toán hàng hóa nhập khẩu (**không phân biệt trả ngay hay trả chậm**), và chỉ là doanh số thanh toán nhập khẩu với **nước có chung biên giới**.  - Trong khi đó*,* Biểu 067, 068, 069-QLNH báo cáo về vay, trả nợ nước ngoài trong đó bao gồm vay nước ngoài với hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm. Cách xác định khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, ngày rút vốn của khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm đã được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 05/2016/TT-NHNN ngày 15/4/2016 (Thông tư 05). Biểu 067, 068, 069-QLNH thu thập tất cả số liệu rút vốn, trả nợ liên quan đến khoản vay nước ngoài bằng tiền và vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm **không phân biệt bên cho vay thuộc quốc gia có chung biên giới hay không***.*  Do đó, đề nghị đơn vị nghiên cứu kỹ nội hàm số liệu báo cáo, bản chất của các nghiệp vụ liên quan để xác định số liệu thuộc phạm vi theo dõi, báo cáo theo quy định tại Thông tư 35, Thông tư 11 và các văn bản hướng dẫn liên quan. |
| 91 | 067, 068-QLNH | Đề nghị NHNN hướng dẫn thêm về chỉ tiêu “Vay bằng hàng” và các cột (2), (3), (4) | BIDC Hà Nội, HCM | ***Cách ghi chép chỉ tiêu*“*Vay bằng hàng” tại các biểu báo cáo:***  - Qua trao đổi với các NHTM, việc ghi chép các khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm chủ yếu gặp khó khăn đối với việc ghi chép các khoản ***rút vốn*** đối với các *khoản vay bằng hàng* (khoản vay nước ngoài phát sinh từ hợp đồng nhập khẩu hàng hóa trả trậm) sử dụng phương thức thanh toán T/T và Nhờ thu. Khó khăn này phát sinh do đối với các trường hợp này, NHTM chỉ biết thông tin về việc rút vốn khi khách hàng đến yêu cầu ngân hàng thanh toán, nên số liệu rút vốn thường chỉ mang tính lịch sử, việc rút vốn (nhập khẩu hàng hóa) có thể đã xảy ra ở các kỳ báo cáo trước.  - Đối với các hợp đồng nhập khẩu hàng hóa sử dụng phương thức L/C hoặc phương thức khác mà ngân hàng kiểm soát bộ chứng từ trước cả khi hàng hóa được nhập khẩu, ngân hàng có thể cung cấp thông tin chính xác về việc rút vốn xảy ra trong kỳ báo cáo. Do đó, phần hướng dẫn này tập trung vào việc hướng dẫn ghi chép báo cáo khoản vay dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm sử dụng phương thức thanh toán T/T, nhờ thu.  - Khi khách hàng xuất trình bộ chứng từ để thanh toán khoản vay dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ vào chứng từ thanh toán do doanh nghiệp cung cấp (tờ khai hải quan đã thông quan), quy định tại Thông tư 05/2016/TT-NHNN để xác định thời điểm doanh nghiệp rút vốn khoản vay nước ngoài và thực hiện báo cáo như sau:  ***Đối với các báo cáo theo Biểu 067, 068-QLNH:***  Khi nhận được yêu cầu chuyển tiền thanh toán của khách hàng, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện ghi chép tại Biểu 067-QLNH (hoặc Biểu 068-QLNH tùy trường hợp áp dụng) như sau:  - Ngân hàng ghi số tiền khách hàng yêu cầu chuyển để thanh toán (dư nợ khoản vay nước ngoài được trả trong kỳ báo cáo) vào **Cột (4) - Trả nợ gốc**; **đồng thời**, ghi tương ứng số tiền này vào:  + **Cột (2) - Rút vốn** để ghi nhận số rút vốn nếu việc rút vốn xảy ra trong kỳ báo cáo.  + **Cột (3) - Khác** để ghi nhận số rút vốn đã xảy ra ở thời điểm không nằm trong kỳ báo cáo. |
| 92 | 073-QLNH | Phần ghi chú: quy định Danh sách các tỉnh biên giới đất liền, tuy nhiên:  **Điểm 2. Yêu cầu số liệu báo cáo**  **-** Thông tư 11 quy định báo cáo theo từng chi nhánh. Tuy nhiên, website chương trình báo cáo Thông tư 35 của NHNN hiện tại đã giới hạn phạm vi báo cáo chỉ áp dụng đối với các CN thuộc các tỉnh biên giới đất liền được liệt kê tại biểu này. Đề nghị làm rõ có cần báo cáo theo từng chi nhánh hay chỉ báo cáo số liệu của các chi nhánh thuộc các tỉnh biên giới đất liền?  - Số liệu báo cáo theo loại tệ USD và các ngoại tệ khác có bao gồm các giao dịch thanh toán **không qua** các chi nhánh thuộc các tỉnh biên giới đất liền không (hàng hóa đi qua cửa khẩu Móng Cái thì có thuộc phạm vi báo cáo không)? Ví dụ Chi nhánh Hà Nội thanh toán đồng USD trực tiếp cho 1 ngân hàng Trung Quốc (không qua Chi nhánh thuộc tỉnh biên giới đất liền) bằng kênh SWIFT nhưng hàng hóa đi qua cửa khẩu Móng Cái thì có thuộc phạm vi báo cáo không?  **Điểm 4**. **Hướng dẫn lập báo cáo**  Các cột (4), (5), (6) có phải là doanh số xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ *qua cửa khẩu biên giới đất liền* không? Vì cột (3) thì có giải thích rõ nội dung này. | Ngoại Thương | - Đối tượng áp dụng là các NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (báo cáo số liệu toàn hàng và từng chi nhánh TCTd trong hệ thống) được phép hoạt động ngoại hối.  Số liệu được thống kê qua tất cả các chi nhánh bao gồm chi nhánh NHTM tại khu vực biên giới và chi nhánh NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nội địa có hoạt động thanh toán trong thương mại biên giới bằng đồng USD và bản tệ (CNY, VND). Do đó, chi nhánh Hà Nội thanh toán bằng USD cho ngân hàng Trung Quốc bằng kênh SWIFT nhưng hàng hóa đi qua cửa khẩu Móng Cái thuộc phạm vi số liệu thống kê.  - Cột (4), (5), (6) tương tự cột (3): Là doanh số xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ qua cửa khẩu biên giới đất liền. |
| 93 | Tại mục 4: hướng dẫn lập báo cáo NHNN yêu cầu các TỔ CHỨC TÍN DỤNGthống kê doanh số các giao dịch thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ qua các cửa khẩu biên giới đất liền phân theo từng quốc gia có chung đường biên giới (Lào, Campuchia, Trung Quốc), trong đó bao gồm tất cả các giao dịch thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ qua các cửa khẩu biên giới đất liền. Maritime Bank đang gặp vướng mắc đối với chiều điện TT TTR về vì trên bề mặt chứng từ (MT103; MT202 và MT910) không có thông tin để nhận biết hàng xuất khẩu qua phương thức vận tải nào (hàng không, đường biển, đường bộ). Hơn nữa, theo quy định hiện hành không bắt buộc khách hàng xuất trình chứng từ trước khi hạch toán báo cáo vào tài khoản khách hàng đối với tiền về qua phương thức TT TTR. Vì vậy, Maritime Bank không thể lọc phân tách được điện TT theo hình thức TTR (MT103; MT202 và MT910) chiều về qua đường biên giới đất liền.  Đề nghị NHNN có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp này của Maritime Bank. | Hàng Hải | Điều 16 Nghị định 70/2014/NĐ-CP quy định các TCTD được phép có trách nhiệm kiểm tra, lưu giữ chứng từ chứng minh giao dịch khi cung ứng dịch vụ ngoại hối cho khách hàng.  Qua trao đổi với một số ngân hàng (trong đó có Agribank là ngân hàng có mạng lưới và doanh số thanh toán tại các tỉnh biên giới lớn nhất), Hội sở các ngân hàng này hướng dẫn các chi nhánh trong hệ thống thống kê thủ công số liệu này (liên hệ điện thoại, email, tại quầy… để yêu cầu khách hàng gửi bản chụp tờ khai hoặc hợp đồng xuất khẩu/chứng từ liên quan khác để thu thập thông tin), sau đó tập hợp số liệu toàn hệ thống. Do đó, ngân hàng Hàng Hải có thể tham khảo kinh nghiệm của Ngân hàng Agribank trong việc thống kê số liệu Biểu 073-QLNH. |
|  | Đối với các ngân hàng không có chi nhánh mở tại các tỉnh biên giới đất liền với Lào, Campuchia và Trung Quốc được liệt kê trong hướng dẫn lập báo cáo của biểu thì không phải lập và nộp báo cáo này. Ngân hàng hiểu như vậy có đúng không? | ANZ | Cách hiểu của ANZ và Citibank không đúng. Như đã giải thích vướng mắc của VCB ở trên, **toàn bộ các NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối có hoạt động thanh toán thương mại biên giới đều thuộc đối tượng báo cáo** bao gồm cả ngân hàng không có chi nhánh mở tại các tỉnh biên giới. |
| 94 | Hiện nay, Citibank không có chi nhánh tại các tỉnh biên giới đất liền như trong hướng dẫn của mẫu 073-QLNH. Như vậy, Citibank có cần phải báo cáo theo Thông tư 11 không? | Citibank |
| 95 | 075-QLNH | - Người cư trú ở đây có bao gồm tổ chức hay không?  - Trường hợp công ty du học đại diện cho du học sinh chuyển tiền học phí thì tính là tổ chức hay cá nhân chuyển tiền du học?  - Trường hợp công ty du lịch chuyển tiền cho đại lý du lịch ở nước ngoài thì tính là tổ chức chuyển tiền hay đại diện cho cá nhân đi du lịch chuyển tiền? | Bưu điện Liên Việt | Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP quy định: “***Người cư trú là công dân Việt Nam*** *được mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho các mục đích: a) Học tập, chữa bệnh ở nước ngoài; b) Đi công tác, du lịch, thăm viếng ở nước ngoài…”.*Căn cứ quy định nêu trên, Biểu 075-QLNH thống kê số liệu chuyển tiền của Người cư trú là công dân Việt Nam ra nước ngoài cho các mục đích theo quy định trong đó bao gồm: số liệu cá nhân trực tiếp chuyển, mang ra nước ngoài hoặc cá nhân chuyển thông qua các đại diện là các tổ chức như công ty du học, công ty du lịch,… |
| 96 | 083-CSTT | Dòng số 14 Ngoại tệ khác (quy USD) theo hướng dẫn của NHNN; các loại ngoại tệ khác (ngoại tệ khác chỉ báo cáo đối với ngoại tệ có trạng thái lớn hơn 0.5% vốn tự có). Từng loại ngoại tệ khác (ngoài 13 loại ngoại tệ liệt kê tên cụ thể có trạng thái lớn hơn 0.5% vốn tự có, yêu cầu TCTD quy USD, sau đó cộng tổng và báo cáo chung số liệu tổng đó tại dòng (14) Ngoại tệ khác (quy USD)” ví dụ trường hợp một loại ngoại tệ khác A có trạng thái dương bằng 0.7% vốn tự có, ngoại tệ khác B có trạng thái âm bằng 0.6% vốn tự có, cộng tổng 2 ngoại tệ đó lại thì trạng thái dương 0.1% khi đó không thỏa yêu cầu trạng thái lớn hơn 0.5% vốn tự có, TCTD sẽ báo cáo trường hợp trên như thế nào? | Sài gòn thương tín | Trường hợp như ví dụ Ngân hàng Sài gòn thương tín đưa ra:  Phần Ghi chú cột (13), (14) nêu “Không ghi dấu dương/âm (+/-)”. Do đó, trường hợp một loại ngoại tệ khác A có trạng thái dương bằng 0.7% vốn tự có, ngoại tệ khác B có trạng thái âm bằng 0.6% vốn tự có đều phải báo cáo (do không phân biệt trạng thái dương, âm, 0,6% vẫn thỏa mãn lớn hơn 0.5% vốn tự có). Như vậy, nếu cộng tổng trạng thái 2 ngoại tệ nhỏ hơn 0,5 % vốn tự có thì vẫn phải báo cáo (yêu cầu từng loại ngoại tệ có trạng thái lớn hơn 0,5% vốn tự có, không yêu cầu số tổng lớn hơn 0,5%). |
| 97 | - Tỷ giá quy đổi trạng thái được hiểu như thế nào? Là tỷ giá được quy định tại điểm 2 phần 1 phụ lục 2 có đúng không?  - Tỷ giá giữa VND và USD lấy tỷ giá bình quân giữa mua và bán có đúng không?  - Tỷ giá giữa VND và ngoại tệ khác là tỷ giá bán giao ngay chuyển khoản, mua giao ngay chuyển khoản hay tỷ giá trung bình giao ngay? | Quốc tế | (i) Việc quy đổi tỷ giá áp dụng cho các biểu nêu trên, đặc biệt là Biểu 083-CSTT (tỷ giá quy đổi trạng thái ngoại tệ) áp dụng theo quy định tại điểm 2a Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư 11: Tỷ giá giữa VND và các loại ngoại tệ: Là tỷ giá được xác định tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo theo nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ ra đồng Việt Nam quy định tại Chế độ báo cáo tài chính.  Theo đó, đề nghị các TCTD thực hiện theo đúng hướng dẫn nêu trên, thực hiện theo quy định Chế độ báo cáo tài chính hiện hành.  (ii) Đối với kiến nghị của BIDV về việc trong thời gian chưa nhận được công văn trả lời của NHNN, cho phép BIDV tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư 07:  Về vấn đề này, đề nghị BIDV và các tất cả các TCTD thực hiện việc quy đổi tỷ giá tại 6 mẫu biểu báo cáo nêu trên theo đúng quy định và hướng dẫn của NHNN tại Công văn số 2347/NHNN-DBTK ngày 12/4/2018 về việc thay đổi hướng dẫn tỷ giá áp dụng để lập báo cáo theo Thông tư 35 từ ngày 16/4/2018. Theo đó, kể cả khi Thông tư 11 chưa có hiệu lực, thì theo hướng dẫn tại Công văn 2347/NHNN-DBTK nêu trên, việc quy đổi tỷ giá cho các biểu tại Thông tư 35 (Trừ Biểu số 109, 110, 111, 112, 113, 115, 116-TTGS) được áp dụng căn cứ theo quy định tại Thông tư 22/2017/TT-NHNN (Tỷ giá VND và các loại ngoại tệ: là tỷ giá được xác định tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo dựa theo nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ ra đồng Việt Nam quy định tại Chế độ báo cáo tài chính). Vì vậy, việc áp dụng quy đổi tỷ giá của các TCTD trên Thông tư 35 từ ngày 16/4/2018 (được nêu rõ tại công văn 2347/NHNN-DBTK) căn cứ vào quy định tại Thông tư 22 nêu trên (việc thực hiện theo Thông tư 07 không còn phù hợp với nội dung hướng dẫn nêu trên).  Yêu cầu BIDV và các TCTD thực hiện theo đúng hướng dẫn và quy định của NHNN. |
| 98 | - Trong nội dung hướng dẫn lập báo cáo tại Phụ lục 1 Thông tư 11 quy định: Báo cáo trạng thái ngoại tệ cuối ngày báo cáo theo quy định tại Thông tư 07/2012/TT-NHNN, theo đó tỷ giá dược xác định (tại Khoản 3, Điều 2 Thông tư 07):  + Tỷ giá giữa đồng VN và đô la Mỹ: Là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố vào cuối ngày báo cáo.  + Tỷ giá giữa đồng VN và các loại ngoại tệ khác: là tỷ giá bán giao ngay chuyển khoản của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vào cuối ngày báo cáo.  - Trong khi đó tại tiết a, mục 2, Phần 1, Phụ lục 2, Thông tư 11 quy định tỷ giá áp dụng đối với tất cả báo cáo là: tỷ giá được xác định tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo dựa theo nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ ra đồng VN quy định tại Chế độ báo cáo tài chính (Tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của kỳ báo cáo). Như định, quy định về tỷ giá tại 2 văn bản (Thông tư 07 và Thông tư 11) hiện chưa thống nhất. Do đó, BIDV đề nghị: (i): NHNN có hướng dẫn cụ thể về việc xác định tỷ giá quy đổi trạng thái tại biểu 083-TTGS thực hiện theo Thông tư 07 hay Thông tư 11; (ii): Trong thời gian chưa nhận được công văn trả lời của NHNN, cho phép BIDV tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư 07. | Ngân hàng BIDV |
| 99 | Cột (10) tỷ giá quy đổi trạng thái là tỷ giá quy định theo hướng dẫn tại Thông tư 07/2012/TT-NHNN hay tỷ giá quy đổi theo quy định tại Thông tư 11/2018/TT-NHNN. | ANZ |
| 100 | Tỷ giá quy đổi trạng thái là tỷ giá quy đổi quy định trong Thông tư 07? | Standard Chartered |
| 101 | 092-TD | Các trường hợp dưới đây liệu có thuộc diện phải báo cáo theo biểu 092-TD không?  1. Trường hợp nếu trong kỳ báo cáo, OCB bán khoản nợ nào đó cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) hoặc mua khoản nợ nào đó từ Công ty này;  2. Trường hợp nếu trong kỳ báo cáo, OCB bán khoản nợ nào đó cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đó hoặc mua khoản nợ từ bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đó đều theo hình thức mua đứt bán đoạn, mua hoặc bán không có sự truy đòi;  3. Trường hợp nếu trong kỳ báo cáo, OCB mua lại khoản nợ đã bán cho VAMC trước đó, sau đó cũng trong kỳ báo cáo, OCB đem khoản nợ mua về này bán cho cá nhân hoặc tổ chức khác. | Phương Đông | - NHNN đính chính hướng dẫn lập báo cáo tại Biểu 092-TD như sau: “Báo cáo tình hình **bán** nợ của các TCTD theo quy định về mua, bán nợ tại Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế khác có liên quan”.  - Biểu số 092-TD “Báo cáo tình hình bán nợ” của các TCTD theo quy định về mua, bán nợ tại Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 và các văn bản sửa đổi khác có liên quan. Theo đó: Khoản nợ được mua, bán là khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay và khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh theo hợp đồng cấp tín dụng đã ký của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đang được theo dõi hạch toán nội bảng, ngoại bảng tại bảng cân đối kế toán hoặc đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán của bên bán nợ. Như vậy, báo cáo tại Biểu 092-TD bao gồm các khoản nợ mua, bán nợ theo quy định, không phân biệt cụ thể mua, bán nợ có truy đòi hay mua, bán nợ không có truy đòi. Riêng trường hợp trong kỳ báo cáo phát sinh bán nợ có truy đòi thì báo cáo thống kê số dư khoản nợ đã bán trong kỳ báo cáo mà người mua có quyền truy đòi vào cột (18) tại Biểu 092-TD.  1. VAMC không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 (Điểm 2, Điều 1). Do đó, Biểu 092-TD không thống kê các khoản mua, bán nợ giữa các TCTD với VAMC.  2. Biểu 092-TD thống kê tình hình bán nợ theo từng đối tượng mua, không thống kê tình hình mua nợ. Trường hợp OCB bán nợ theo hình thức mua đứt bán đoạn, bán nợ không có truy đòi thì OCB vẫn báo cáo khoản nợ được bán trong kỳ báo cáo đó và giá trị cột (18) bằng "0".  3. Trường hợp trong kỳ báo cáo, OCB bán khoản nợ đã mua lại từ VAMC cho tổ chức, cá nhân khác và việc bán nợ được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09 thì khoản bán nợ đó vẫn được báo cáo như các khoản bán nợ thông thường khác. |
| 102 | 097-TTGS | Góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác trong mục II:  Tiêu chí/cơ sở để phân loại: II.1. Góp vốn đầu tư dài hạn và II.2. Góp vốn mua cổ phần khác | Quân đội | II.1 “Góp vốn đầu tư dài hạn”: Thống kê các khoản hạch toán trên tài khoản 34 “Góp vốn, đầu tư dài hạn”.  II.2 “Góp vốn, mua cổ phần khác”: Thống kê các khoản hạch toán trên các tài khoản chứng khoán vốn. |
| 103 | Góp vốn mua cổ phần của TCTD báo cáo và công ty con, liên kết vào một doanh nghiệp.  Liệt kê tên các doanh nghiệp kèm theo giá trị đầu tư, tỷ lệ góp vốn như nào trong trường hợp 1 doanh nghiệp có lớn hơn 2 công ty con/công ty liên kết và trường hợp có MB và 2 công ty con/công ty liên kết cùng góp vốn vào.  TH1: Doanh nghiệp X có công ty con A góp vốn theo mệnh giá trị 5 tỷ đồng, công ty B góp vốn theo mệnh giá trị 10 tỷ đồng.  TH2: Doanh nghiệp Y có MB góp vốn 5 tỷ đồng, công ty con A của MB góp vốn 3 tỷ đồng, công ty con B của MB góp vốn 2 tỷ đồng. | Quân đội | TCTD báo cáo thông tin chi tiết đối với từng trường hợp góp vốn cụ thể, và báo cáo thống kê theo các tiêu chí lần lượt từ cột (2) trở đi. |
| 104 | Chỉ tiêu II.1 Góp vốn đầu tư dài hạn: Thông tin này đã có tại Biểu 099-TTGS. Đề nghị NHNN xem xét thông tin tại mẫu Biểu 099-TTGS, bỏ bớt yêu cầu tin cần báo cáo tại Biểu 097-TTGS. | Kỹ Thương | Khoản 48 Điều 2 Thông tư 11 quy định: Thay thế Biểu số 097-TTGS, Biểu số 098-TTGS và Biểu số 099-TTGS Phần 3 Phụ lục 1 Thông tư 35 bằng Biểu số 097-TTGS Phần 3 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 11. |
| 105 | 100-TTGS, 101-TTGS, 102-TTGS, 103-TTGS, 104-TTGS, 105-TTGS, 182-TTGS | - Phần tỷ lệ sở hữu cổ phần nhỏ nằm trong khoảng 0%-1% lấy 3 chữ số phần thập phân. Vậy lấy 3 số sau phần thập phân có được phép làm tròn không?  - Thông tin về MST của cổ đông: hiện tại MB lấy Thông tin trên cơ sở số ĐKSH do VSD cung cấp để báo cáo ( số ĐKSH này có thể là mã số doanh nghiệp, giấy phép thành lập, tradingcode đối với cổ đông nước ngoài, số ĐKKD…), vì vậy MB không có căn cứ để kê khai toàn bộ theo MST mà sẽ kê khai theo số ĐKSH cổ đông đã đăng ký với VSD.  - Các thông tin về người liên quan, người đại diện phần vốn góp... liên quan đến cổ đông hiện tại MB không có thông tin chính thống do đó không có cơ sở cung cấp. MB sẽ chỉ báo cáo các thông tin do cổ đông cung cấp trực tiếp cho MB tại từng thời kỳ. | Quân đội | - Phần lấy sau 3 số thập phân được phép làm tròn.  - Đề nghị MB cung cấp thông tin MST cổ đông theo đúng yêu cầu của báo cáo. Không kê khai theo số ĐKSH mà cổ đông đăng ký với VSD.  - NHNN đề nghị MB chủ động phối hợp với các cổ đông để thu thập thông tin người có liên quan theo đúng quy định của pháp luật. |
| 106 | 101-TTGS | Thống kê tất cả nhóm cổ đông khác (không bao gồm nhóm cổ đông ở mục I), vậy hai nhóm này khác nhau ở điểm nào và định nghĩa về nhóm cổ đông khác này được quy định tại luật nào? | Quân đội | - Nhóm cổ đông ở mục I là nhóm cổ đông có liên quan tới cổ đông lớn của MB.  - Nhóm cổ đông khác (không bao gồm nhóm cổ đông ở mục I) là nhóm cổ đông có sở hữu cổ phần tổng số trên 5% VĐL của MB.  Điểm khác nhau giữa hai nhóm là:  - Mục I: Thống kê các nhóm cổ đông lớn của MB và người có liên quan của cổ đông lớn đó.  - Mục II: Khống kê các nhóm cổ đông có sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của MB (Không bao gồm nhóm cổ đông ở mục I). |
| 107 | Thông tin về cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của TCTD báo cáo sở hữu cổ phần tại TCTD “khác” tại cột 18, cột 19, cột 20 rất khó thực hiện vì TCTD không chủ động được số liệu mà phải lấy số liệu từ cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn. Do đó, ảnh hưởng đến việc gửi báo cáo đúng hạn sang NHNN. Đề xuất NHNN nên bỏ các nội dung này trong mẫu biểu báo cáo. | Hàng Hải | Nội dung yêu cầu báo cáo tại các cột (18), (19), (20) trên cơ sở quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi quy định: “… Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác”. Mặt khác, đây là nội dung yêu cầu báo cáo áp dụng đối với tất cả các TCTD cổ phần. Do đó, để có đủ thông tin báo cáo, NHNN yêu cầu Ngân hàng Hàng Hải chủ động phối hợp với các cổ đông lớn của mình để thu thập thông tin và xử lý kịp thời nhằm đảm bảo báo cáo kịp thời và chính xác số liệu. |
| 108 | 104, 105-TTGS | Yêu cầu thống kê Cổ phần mà cổ đông đã cầm cố thế chấp. Tuy nhiên, danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Việt Nam cung cấp không có thông tin về cầm cố thế chấp của cổ đông nên việc lấy số liệu về cầm cố thế chấp là khó khăn. | Quân đội | Đối với việc thu thập thông tin về cầm cố thế chấp của cổ đông: Đề nghị ngân hàng khai thác thông tin từ dư nợ cho vay của các cổ đông qua Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC). |
| 109 | 104-TTGS, 182-TTGS | Yêu cầu thống kê tất cả các cổ đông là Tập đoàn tổng công ty Nhà nước, DN Nhà nước, DN do Nhà nước sở hữu trên 50% VĐL. Tuy nhiên, Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp không có thông tin tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại các DN. Nên vấn đề xác định đối tượng báo cáo là khó khăn.  Hiện tại MB chỉ báo cáo trên cơ sở cổ đông chủ động cung cấp thông tin từng thời kỳ. Đề nghị NHNN đưa ra hướng dẫn cụ thể/giải pháp để đơn vị thực hiện. | Quân đội | Ngân hàng Quân đội cần yêu cầu các cổ đông cung cấp thông tin theo yêu cầu báo cáo tại từng thời kỳ theo quy định của pháp luật hiện hành. |
| 110 | 109, 110, 111, 112, 113, 115, 116-TTGS | Theo hướng dẫn lập báo cáo tại Phụ lục 1 Thông tư 11, các biểu trên được áp dụng tỷ giá theo quy định của NHNN về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động, khác với tỷ giá đang được áp dụng để lập báo cáo tài chính, khác với quy định về tỷ giá hạch toán hiện hành. Trong khi đó, tính toán tỷ lệ theo hai loại tỷ giá trên không chênh lệch đáng kể, vì vậy việc áp dụng tỷ giá khác với tỷ giá hạch toán nêu trên gây lãng phí nguồn lực, tăng tác nghiệp tại TCTD. Để thuận tiện trong tính toán, BIDV đề nghị NHNN xem xét điều chỉnh nguyên tắc xác định tỷ giá tính toán các chỉ số an toàn phù hợp với tỷ giá đang sử dụng để lập báo cáo tài chính (hiện nay quy định tại Thông tư 22/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017). | Đầu tư | - Do các chỉ tiêu áp dụng tỷ giá theo quy định của NHNN về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng là các chỉ tiêu tuân thủ, việc áp dụng tỷ giá khác sẽ làm sai lệch các tỷ lệ này. Do đó, NHNN không có cơ sở để cảnh báo đối với các TCTD sát ngưỡng vi phạm cũng như xử lý các TCTD vi phạm.  - NHNN đã nghiên cứu và nhất trí về việc cần thống nhất quy định về tỷ giá tại các mẫu biểu báo cáo. Do đó, ngày 31/7/2018, NHNN đã ban hành Thông tư số 16/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Khoản 1 Điều 1 quy định về tỷ giá để tính toán các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn. |
| 111 | Theo Công văn 2347/NHNN-DBTK ngày 12/04/2018, NHNN có hướng dẫn tỷ giá áp dụng để lập báo cáo theo Thông tư 35/2015/TT-NHNN. 7 báo cáo liệt kê ở đây được yêu cầu tính theo tỷ giá trung tâm của NHNN.  Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rằng điều này không hợp lý vì toàn bộ dữ liệu tính toán và quản lý các tỷ lệ đảm bảo an toàn được chiết xuất từ Bảng cân đối tài khoản kế toán để đảm bảo tính nhất quán với các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và tránh các chênh lệch phát sinh (nếu có).  Bên cạnh đó, hệ thống kế toán của ngân hàng cũng không thể đáp ứng yêu cầu duy trì đồng thời 2 bộ tỷ giá khác nhau để lập báo cáo tài chính và tính toán các tỷ lệ đảm bảo an toàn.  Đề nghị NHNN xem xét lại. | Bank of Tokyo HCM |
| 112 | 1. Việc quy định thời hạn gửi báo cáo tại Biểu A00251 - Bảng cân đối tài khoản hàng ngày và các Biểu 109, 110, 112, 113-TTGS đang gây khó khăn cho Đơn vị thực hiện khi thực hiện báo cáo dự trữ thanh khoản. Cụ thể, việc tính toán báo cáo thanh khoản căn cứ vào dữ liệu báo cáo cân đối tài khoản. Tuy nhiên, báo cáo cân đối tài khoản ngày cuối tháng và cuối năm được gửi trễ ngày so với thông thường, nhưng báo cáo dự trữ thanh khoản thì không được lùi kỳ hạn tương ứng. Do đó, việc thực hiện báo cáo sẽ gặp khó khăn trong việc phối hợp các phòng ban thực hiện, đồng thời ảnh hưởng đến tính chính xác của báo cáo.  Đề xuất: các báo cáo có liên quan với nhau trong dữ liệu tính toán có kỳ hạn gửi thống nhất để đảm bảo dữ liệu báo cáo cuối cùng được chính xác.  2. Thời hạn gửi báo cáo không thay đổi so với quy định của Thông tư 35 trong khi quy định mới về tỷ giá quy đổi của Thông tư 19 (khác tỷ giá hạch toán của các TCTD) làm phát sinh khối lượng công việc tương đối lớn, đòi hỏi nhiều thời gian tính toán hơn --> Đề xuất điều chỉnh giãn thời hạn gửi báo cáo xuống 15 giờ hàng ngày. | Ngoại thương, CTTC MB | 1. Trong thời gian tới, NHNN sẽ nghiên cứu, cân nhắc việc đẩy nhanh thời hạn gửi báo cáo Bảng cân đối TKKT ngày cuối tháng, ngày cuối năm.  2. Ngày 31/7/2018, NHNN đã ban hành Thông tư số 16/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Khoản 1 Điều 1 quy định về tỷ giá để tính toán các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn. |
| 113 |  | Hướng dẫn lập báo cáo bổ sung các quy định về tỷ giá quy đổi cho khớp với quy định quy đổi trong Thông tư 19/2017/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 36/2014/NHNN; tuy nhiên OCB nhận thấy các quy định tỷ giá quy đổi trong Thông tư 11 vừa được thêm vào (và các quy định tỷ giá sử dụng trong Thông tư 19/2017/TT-NHNN) chưa phù hợp với quy định quy đổi trong Thông tư 22/2017/NHNN về quy định tỷ giá quy đổi khi lập báo cáo tài chính. Ví dụ: tại điều 1 mục 15 Thông tư 19/2017/TT-NHNN quy định tài sản thanh khoản cao được quy định tại Phụ lục 3 với các mục được lấy theo cân đối kế toán và tổng nợ phải trả cũng là khoản mục Tổng nợ phải trả trên cân đối kế toán được quy đổi theo Thông tư 22 sử dụng tỷ giá bình quân mua bán các loại tiền tệ của TCTD trong ngày; trong khi trong chính điều 1 mục 15 lại quy định tỷ giá quy đổi theo tỷ giá trung tâm, tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam và một số ngoại tệ khác do NHNN công bố hằng ngày hoặc theo tỷ giá do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán trong trường hợp không có tỷ giá trung tâm, tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam và một số ngoại tệ khác.  Ví dụ: tổng nợ phải trả báo cáo trong bộ Thông tư 11 có thể khác nhau nếu các mẫu biểu khác quy đổi theo Thông tư 22 nhưng tổng nợ cho mẫu B109 lại sử dụng tỷ giá trung tâm NHNN. Để đảm bảo số liệu đối chiếu khớp đúng giữa các chỉ tiêu báo cáo theo quy định Thông tư 11 và Thông tư 22, đề nghị NHNN có thêm văn bản hướng dẫn điều chỉnh tỷ giá sử dụng cho Thông tư 11/2018/TT-NHNN và Thông tư 19/2017/TT-NHNN theo tỷ giá quy đổi trong Thông tư 22/2017/NHNN để đồng nhất số liệu báo cáo trong bộ báo cáo Thông tư 11/2018/TT-NHNN. | Phương Đông | - Các chỉ tiêu tại các mẫu biểu khác nhau có tiêu chí thống kê khác nhau. Do đó, không phải chỉ tiêu nào cũng có thể so sánh, đối chiếu giữa các mẫu biểu.  - NHNN đã nghiên cứu và nhất trí về việc cần thống nhất quy định về tỷ giá tại các mẫu biểu báo cáo. Do đó, ngày 31/7/2018, NHNN đã ban hành Thông tư số 16/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Khoản 1 Điều 1 quy định về tỷ giá để tính toán các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn. |
| 114 | 110, 111, 112, 113-TTGS | Số liệu của tiền VND và ngoại tệ quy ra VND của các biểu này được thể hiện trên cùng một mẫu báo cáo hay hai mẫu riêng biệt | BPCE IOM | Số liệu của tiền VND và ngoại tệ quy ra VND của các biểu này được thể hiện trên cùng một mẫu báo cáo. |
| 115 | 111-TTGS | Quy ước khoảng thời gian "đến 12 tháng" theo quy định tại mẫu biếu này được hiểu là 360 hay 365 ngày? Tương tự đối với các khoản thời gian "đến 1 tháng", "đến 3 tháng", "đến 6 tháng". | Ngoại Thương | - Điểm 1, 2, 3 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11 quy định về thời hạn tín dụng.  - Việc phân chia thời hạn đối với các khoản tiền gửi, TCTD nghiên cứu về phương pháp tính lãi trên hợp đồng nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa TCTD với khách hàng. Theo đó, khoản 1 Điều 4 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa TCTD với khách hàng quy định 1 tháng là 30 ngày. |
| 116 | 111, 115-TTGS | Đề nghị NHNN hướng dẫn về thời điểm chốt số liệu báo cáo trong trường hợp ngày cuối tháng là ngày nghỉ/ngày lễ. | Ngoại Thương | Thời điểm chốt số liệu để lập báo cáo được quy định cụ thể tại từng mẫu biểu báo cáo hoặc tại các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan. Trong trường hợp không quy định cụ thể tại mẫu biểu báo cáo hoặc tại các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan, ngày chốt số liệu là **ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo**. |
| 117 | 116-TTGS | Nguyên tắc làm tròn số đối với khoản mục Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn (%). Trường hợp tỷ lệ là 18.445% theo logic sẽ được làm tròn lên 18.45% nhưng đường truyền của NHNN không cho phép làm tròn lên mà chỉ cho phép nhập số báo cáo là 18.44%. | Ngoại Thương | Các trường/cell đều có quy định về độ dài tối đa được phép. Đối với dạng dữ liệu kiểu số, nếu vượt quá độ dài cho phép, hệ thống sẽ tự cắt để đảm bảo đúng quy định. Như vậy, với ví dụ đơn vị nêu thì độ dài của trường này cho phép tối đa 2 chữ số thập phân, nên khi số liệu là 18.445 thì Hệ thống sẽ tự cắt để lấy giá trị 18.44. Vì vậy các đơn vị cần căn cứ vào độ dài dữ liệu của từng cột/cell để chủ động nhập dữ liệu cho chính xác (làm tròn hay không làm tròn do đơn vị tự quyết định để số liệu đảm bảo chính xác về nghiệp vụ). |
| 118 | Định nghĩa nợ quá hạn trong nội dung tính khoản cho vay trung dài hạn. Nợ quá hạn xác định theo ngày quá hạn? Trong trường hợp khách hàng có nhiều khoản vay, 1 khoản bị quá hạn, và khách hàng bị nợ từ nhóm 2 trở lên thì các khoản vay còn lại dù chưa quá hạn có bị tính là nợ quá hạn hay không? Trong trường hợp khách hàng vẫn nợ nhóm 1 thì xác định khoản vay nào là nợ quá hạn? | Standard Chartered | - Nợ quá hạn được xác định theo quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN (Thông tư 19/2017/TT-NHNN).  - Trong trường hợp khách hàng có nhiều khoản vay, chỉ khoản vay nào quá hạn theo quy định tại Thông tư 19 mới tính vào tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn. |
| 119 | 119.1-TTGS, 120.3-TTGS | - Tại mẫu báo cáo 119.1 không có nội dung trong Cột “Tên chỉ tiêu”, “Khoản mục”, “Mã số”, “hệ số rủi ro”.  - Tại mẫu báo cáo 120.3 không có nội dung trong cột “Cấu phần”.  - Tuy nhiên, tại “Hướng dẫn lập báo cáo” có hướng dẫn: TCTD thự chiện theo quy định hiện hành về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  -> Chi nhánh chỉ báo cáo, liệt kê những khoản mục mà Chi nhánh có phát sinh theo thông tư quy định về các về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động  “Mã số” lấy tại quy định nào? | BIDC Hồ Chí Minh, Hà Nội | NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đã xây dựng template báo cáo theo định dạng tĩnh, bao gồm đầy đủ các chỉ tiêu. Do đó, các TCTD sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin điền thông tin, số liệu theo template được NHNN đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của NHNN (tương tự trường hợp Biểu 160-TTGS), đảm bảo các chỉ tiêu tuân thủ theo quy định tại Thông tư 19/2017/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). |
| 120 | Hiện các chỉ tiêu theo các báo cáo trên đang được thực hiện theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN. Vậy ngân hàng sẽ chỉ liệt kê những chỉ tiêu nào có phát sinh hay phải liệt kê hết tất cả các chỉ tiêu như trong bảng biểu quy định tại Thông tư 19/2017/TT-NHNN. | Hongleong |
| 121 | Cột “Cấu phần”, “Tên chỉ tiêu” và “Khoản mục” đều không có nội dung chi tiết. Điều này gây khó khăn khi báo cáo số liệu cho NHNN. Chúng tôi không biết những thông tin nào trong quy định về giới hạn tỷ lệ đảm bảo an toàn phải đưa vào nội dung báo cáo và nội dung nào không phải đưa. Đề nghị NHNN nêu rõ cụ thể nội dung cần báo cáo cho 2 mẫu biểu trên | Mizuho HN |
| 122 | 119.1, 119.2, 120.1, 120.2-TTGS | Đối với các cấu phần vốn hoặc mục tài sản có rủi ro theo liệt kê tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư này mà ngân hàng không phát sinh và có giá trị bằng 0 thì có phải liệt kê vào trong các biểu này không? | ANZ | NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đã xây dựng template báo cáo theo định dạng tĩnh, bao gồm đầy đủ các chỉ tiêu. Do đó, các TCTD sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin điền thông tin, số liệu theo template được NHNN đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của NHNN (tương tự trường hợp Biểu 160-TTGS), đảm bảo các chỉ tiêu tuân thủ theo quy định tại Thông tư 19/2017/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).  Đối với số liệu KPS thì để trống (để phân biệt với số liệu bằng 0). |
| 123 | 119.2, 120.1, 120.2-TTGS | - Hiện các chỉ tiêu theo các báo cáo trên đang được thực hiện theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN. Vậy ngân hàng sẽ chỉ liệt kê những chỉ tiêu nào có phát sinh hay phải liệt kê hết tất cả các chỉ tiêu như trong bảng biểu quy định tại Thông tư 19/2017/TT-NHNN.  - Chênh lệch tỷ giá hối đoái: là tài khoản 6313 - chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo tài chính? | Hongleong, Standard Chartered | - NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đã xây dựng template báo cáo theo định dạng tĩnh, bao gồm đầy đủ các chỉ tiêu. Do đó, các TCTD sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin điền thông tin, số liệu theo template được NHNN đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của NHNN (tương tự trường hợp Biểu 160-TTGS), đảm bảo các chỉ tiêu tuân thủ theo quy định tại Thông tư 19/2017/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).  - Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Là tài khoản 6313 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo tài chính”. |
| 124 | 121-TTGS | Cấu phần “Lợi nhuận luỹ kế chưa phân phối” được tính trên bảng cân đối kế toán là lợi nhuận chưa kiểm toán hay đã qua kiểm toán? | IBK HCM | Cấu phần lợi nhuận lũy kế chưa phân phối được thống kê theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN. TCTD báo cáo Giá trị lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) theo số liệu được phản ánh trên sổ sách kế toán của TCTD tại thời điểm báo cáo. Trong trường hợp có số liệu đã kiểm toán thì báo cáo theo số liệu đã kiểm toán. |
| 125 | 122-TTGS | Chỉ tiêu “cấp tín dụng khác” có bao gồm các khoản bảo lãnh và L/C hay không? | Frist Bank HCM | Cột (10) “Dư nợ cấp tín dụng khác”:  - Bao gồm các khoản cấp tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, ngoài các khoản cấp tín dụng đã được thống kê tại cột (5), (6), (7), (8), (9), và (11).  - Không bao gồm các khoản bảo lãnh và L/C. Trong trường hợp TCTD đã thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh thì ghi nhận vào cột (11). |
| 126 | Cột (12) Phân loại nợ được hướng dẫn là ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị 1, 2, 3, 4, 5. Đây là kết quả phân loại nợ nội bộ của ngân hàng hay là kết quả phân loại nợ đã tham chiếu nhóm nợ do CIC cung cấp. | ANZ | Đối với phân loại nợ tại các biểu do Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng phụ trách được hiểu chung là kết quả phân loại nhóm nợ sau khi tham chiếu nhóm nợ do CIC cung cấp theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có) của NHNN. |
| 127 | 126-TTGS | 1. Có bắt buộc nhập tên của các khách hàng có số dư tiền gửi lớn hay không. Nếu không cần nhập tên thì có bắt buộc nhập số CMT (với KH cá nhân) và Mã số thuế (với KH tổ chức) hay không?  2. Biểu 126 chỉ báo cáo về số dư tiền gửi sao vẫn phải báo cáo số dư tiền vay của 20 khách hàng tổ chức tín dụng lớn nhất? => xem lại mẫu biểu vì không có chỗ tách riêng số dư vay và nhận tiền gửi. | Ngoại Thương,  Á Châu | 1. Biểu 126-TTGS không yêu cầu điền tên khách hàng gửi tiền (giữ nguyên tên chỉ tiêu Khách hàng lớn thứ 1,…., Khách hàng lớn thứ 100).  TCTD phải điền đầy đủ thông tin MST/CMT/hộ chiếu tại cột (3). Cột (2) chỉ ghi tên chỉ tiêu, không ghi cụ thể tên khách hàng.  2. Thực chất chỉ tiêu này là huy động trên thị trường liên ngân hàng, tuy nhiên, để TCTD không bị nhầm lẫn nên biểu thiết kế là số dư vay/nhận tiền gửi. |
| 128 | Mục 3: Số dư vay/nhận tiền gửi của 20 khách hàng là tổ chức tín dụngkhác lớn nhất (=3.1+….+3.20)  1. Giải thích thuật ngữ “Số dư vay” ở mục này . Có phải “Số dư vay/nhận tiền gửi” được định nghĩa theo Thông tư 21/2012/TT-NHNN (18/6/2012) và Thông tư 01/2013/TT-NHNN(7/1/2013) không?  + “Số dư vay” có bao gồm hoạt động gửi tiền (kỳ hạn tối đa 3 tháng) và hoạt động cho vay (kỳ hạn trên 3 tháng) không?  + “Nhận tiền gửi” có bao gồm hoạt động nhận tiền gửi (kỳ hạn tối đa 3 tháng) và hoạt động đi vay (kỳ hạn trên 3 tháng) không?  2. Nếu 1 khách hàng tổ chức là tổ chức tín dụngvừa có số dư vay vừa có số dư nhận tiền gửi thì cột “Số dư” sẽ là tổng cộng lại của 2 phần này?  3. Mục 3 được đề cập trên đây có bao gồm giao dịch nhận vốn, chuyển vốn giữa MUFG HNI và MUFG HCM hoặc ngược lại không? | Bank of Tokyo HCM | 1. Giao dịch vay và nhận tiền gửi là 2 hoạt động khác nhau và được quy định cụ thể tại Thông tư 21/2012/TT-NHNN.  2. Đối với cùng 1 khách hàng có cả số dư vay và nhận tiền gửi của TCTD khác, thì báo cáo tổng số dư của 2 khoản mục này đối với cùng 1 khách hàng.  3. Giao dịch nhận vốn, chuyển vốn giữa 2 chi nhánh MUFG tại Việt Nam có tính chất là một giao dịch cho/đi vay hoặc gửi/nhận tiền theo quy định tại Thông tư 21/2012/TT-NHNN và không được hạch toán vào tài khoản 519 “Thanh toán giữa các đơn vị trong từng ngân hàng” thì phải báo cáo tại mục 3 Biểu này. |
| 129 | Tại phần hướng dẫn lập báo cáo của mẫu biểu, NHNN yêu cầu xác định các khoản tiền gửi được hạch toán theo quy định của pháp luật về hệ thống tài khoản của các TCTD hiện hành. Vậy, số dư tiền gửi của khách hàng đưa vào thống kê trong báo cáo này có bao gồm phần số dư của chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng phát hành không? Đề xuất NHNN có hướng dẫn cụ thể về các khoản tiền gửi được hạch toán tại các tài khoản kế toán nào? | Hàng Hải | - Do các chỉ tiêu áp dụng tỷ giá theo quy định của NHNN về giới hạn, tỷ lệ bải đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng là các chỉ tiêu tuân thủ, việc áp dụng tỷ giá khác sẽ làm sai lệch các tỷ lệ này. Vì vậy, NHNN không có cơ sở để cảnh báo đối với các TCTD sát ngưỡng vi phạm cũng như xử lý các TCTD vi phạm.  - NHNN đã nghiên cứu và nhất trí về việc cần thống nhất quy định về tỷ giá tại các mẫu biểu báo cáo. Do đó, ngày 31/7/2018, NHNN đã ban hành Thông tư số 16/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Khoản 1 Điều 1 quy định về tỷ giá để tính toán các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn. |
| 130 | 128.1-TTGS | - Tại cột 9/10: Việc thu thập các thông tin về Mã số thuế và CMND/số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ của các khách hàng là rất khó khăn vì theo các quy định pháp luật hiện hành thì khách hàng của Ngân hàng không bắt buộc phải cung cấp các thông tin này. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị NHNN xem xét không bắt buộc báo cáo các thông tin này.  - Đề nghị làm rõ yêu cầu dữ liệu cho các cột 14, 15, 16, 17, 27, 28 sẽ điền thông tin từng khoản vay của khách hàng hay tổng giá trị các khoản vay của khách hàng. | HSBC | - TCTD cần nghiên cứu các giải pháp để thu thập và có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các thông tin về báo cáo tài chính của khách hàng vì đây là các thông tin cơ bản để đánh giá xếp hạng tín dụng khách hàng.  - TCTD điền thông tin tổng giá trị các khoản vay của khách hàng tại từng chi nhánh của TCTD báo cáo. |
| 131 | - Đề nghị được giữ nguyên cột "Mã CIF của khách hàng" trong biểu báo cáo số 128.1-TTGS như trước đây theo Thông tư 35. Lí do duy trì các thông tin báo cáo của khách hàng được lấy theo mã CIF, tránh tốn thời gian và chi phí nâng cấp hệ thống quá nhiều và liên tục.  - Trường hợp các khoản vay có tài sản bảo đảm là chứng nhận tiền gửi tiết kiệm và/hoặc chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn thì cần phân loại tài sản bảo đảm vào "Giấy tờ có giá" có đúng không? | Hongleong | - NHNN hủy bỏ việc yêu cầu báo cáo "Mã CIF của khách hàng" là để giảm thiểu thông tin cho TCTD phải báo cáo. Do mã CIF chỉ có ý nghĩa tại TCTD, không có ý nghĩa đối với hoạt động quản lý, giám sát của NHNN.  - Trường hợp các khoản vay có tài sản bảo đảm là chứng nhận tiền gửi tiết kiệm và/hoặc chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn thì thống kê tài sản bảo đảm vào "Giấy tờ có giá". |
| 132 | 1. Dư nợ tại 1.1, 1.2 phân theo Giấy nhận nợ hay Hợp đồng tín dụng?  2. Khách hàng được xử lý nợ trong kỳ được hiểu như thế nào?  3. Giấy tờ có giá cột (20) có bao gồm Sổ tiết kiệm, Hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản tiền gửi, tiền ký quỹ? Nếu không các loại TSBĐ này sẽ được xếp vào mục Khác (21)?  4. Lãi dự thu có yêu cầu khớp với tài khoản 39, và tài khoản 94 trên bảng cân đối kế toán hay không? | Dầu khí Toàn cầu, Đại Dương | 1. Phân theo hợp đồng tín dụng.  2. Xử lý nợ là các hình thức làm giảm dư nợ gốc của khoản nợ (không bao gồm trường hợp chuyển nhóm nợ).  3. Theo quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm,…).  4. Đề nghị TCTD đọc kỹ tên tiêu đề cột (27), (28). |
| 133 | Trên thực tế, một khách hàng có thể có nhiều hơn 01 hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng. Trong trường hợp khách hàng có nhiều hợp đồng tín dụng, chúng tôi phải báo cáo số liêu chi tiết từng hợp đồng của khách hàng cho thông tin tại cột 13 - Hạn mức tín dụng của khách hàng hay có thể gộp lại thành hạn mức với giá trị lớn hơn? | Bank of Tokyo HCM | Báo cáo số liệu tổng hạn mức tín dụng của khách hàng. |
| 134 | Đề nghị làm rõ các thông tin trên các cột tên chi nhánh, mã chi nhánh. Ngân hàng tôi hiểu các thông tin này chỉ áp dụng với các TCTD có đúng không? | Bank of Tokyo HN | Cột tên chi nhánh, mã chi nhánh (mã 8 số do Cục Công nghệ thông tin - NHNN cấp) là để phản ánh chi nhánh của TCTD báo cáo có phát sinh quan hệ tín dụng với khách hàng. |
| 135 | 128.3-TTGS | - Đề nghị làm rõ cột “Lãi chưa thu đến thời điểm bàn giao TSBĐ cho TCTD”. Nếu khách hàng bàn giao TSBĐ cho ngân hàng ngay tại thời điểm bắt đầu khoản cho vay thì lãi chưa thu được coi bằng 0. Ngoài ra, TSBĐ nếu là bảo lãnh bên thứ 2 thì có cần báo cáo trong báo cáo này không?  - Trong trường hợp 1 khoản vay được bảo đảm với nhiều TSBĐ và được bàn giao tại nhiều thời điểm khác nhau thì thời điểm nào sẽ là căn cứ xác định thời điểm chuyển giao TSBĐ cho ngân hàng. | Bank of Tokyo HN | - Bàn giao tài sản đảm bảo được hiểu là việc chuyển giao quyền sở hữu tài sản đảm bảo từ khách hàng sang cho TCTD được toàn quyền sử dụng và định đoạt.  Vậy thời điểm bàn giao TSĐB được hiểu là thời điểm chính thức chuyển giao quyền sở hữu TSĐB từ khách hàng sang TCTD theo thủ tục và quy định của pháp luật để TCTD tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.  - Là thời điểm khách hàng bàn giao toàn bộ TSBĐ cho ngân hàng. |
| 136 | 128.4-TTGS | Cột (12):  1. Các văn bản, chứng từ cam kết đưa ra của bảo lãnh có phải là hợp đồng bảo lãnh hay không?.  2. Đề nghị NHNN hướng dẫn cụ thể hơn về nội dung phải điền ở cột (12). Điền văn bản áp dụng (ví dụ: Thông tư 07/2015/TT-NHNN, …) hay điền số bút toán của khoản bảo lãnh tại hệ thống nội bộ của ngân hàng?  3. Maritime Bank đang hiểu số liệu tại cột này là số tham chiếu của từng cam kết về bảo lãnh, LC (bao gồm trả ngay và trả chậm) mà giá trị từng cam kết này từ 500 triệu đồng trở lên? Vậy, cách hiểu của Maritime Bank như vậy có đúng không? | Frist Bank HCM,  Dầu khí Toàn cầu, Sài Gòn,  Hàng Hải | 1. Các văn bản, chứng từ cam kết đưa ra của bảo lãnh: Là văn bản được tổ chức tín dụng phát hành dưới hình thức thư bảo lãnh hoặc hợp đồng bảo lãnh.  2. Điền thông tin về số hợp đồng chứng từ, cam kết giữa TCTD và khách hàng.  Ví dụ: Số: 35/HĐ-PTQ thì báo cáo tại cột (12) là **35/HĐ-PTQ**.  3. Không đúng. Cột (12) yêu cầu điền thông tin về số hợp đồng chứng từ, cam kết giữa TCTD và khách hàng.  Ví dụ: Số: 35/HĐ-PTQ thì báo cáo tại cột 12 là **35/HĐ-PTQ**. |
| 137 | Cột (12) cụ thể là đơn vị báo cáo phải cung cấp thông tin gì ở cột này (loại văn bản, tên văn bản, số văn bản…)? Biểu này hiện chỉ yêu cầu báo cáo chi tiết đến khách hàng và Chi nhánh bảo lãnh/phát hành L/C --> trường hợp 1 chi nhánh phát hành nhiều bảo lãnh/LC cho 1 khách hàng thì cột (12) sẽ điền như thế nào? | Ngoại Thương | - Trường hợp 1 chi nhánh phát hành nhiều bảo lãnh/LC cho 1 khách hàng thì TCTD báo cáo mỗi hợp đồng bảo lãnh/LC là 1 dòng, mỗi dòng này ứng với 1 số hợp đồng. TCTD sẽ báo cáo tương ứng thông tin từ cột (12) đến cột (14). Và báo cáo lặp lại mã chi nhánh phát hành bảo lãnh/LC tại cột (3).  - Cột (3): Ghi theo mã 8 số do Cục Công nghệ thông tin - NHNN cấp. |
| 138 | Các văn bản, chứng từ cam kết đưa ra tại cột (12) và (13) là “thư bảo lãnh/CKBL” hay “thỏa thuận cấp bảo lãnh”: Cần làm rõ nội dung này. | Á Châu, IBK HCM | Các văn bản, chứng từ cam kết đưa ra được quy định tại Thông tư 07/2015/TT-NHNN và Thông tư 13/2017/TT-NHNN.  Cam kết bảo lãnh được giải thích tại Khoản 12 Điều 3 Thông tư 07/2015/TT-NHNN. |
| 139 | - Cột 13 “Số tiền tổ chức tín dụngcam kết tại các văn bản, chứng từ cam kết đưa ra”:  + Maritime Bank đang hiểu là giá trị cam kết bảo lãnh, LC tương ứng với cam kết tại cột 12. Vậy, cách hiểu của Maritime Bank như vậy có đúng không?  + Hiểu là tổng số tiền cam kết nêu trên văn bản bảo lãnh/ LC (bao gồm dung sai) đúng không?  - Cột 14 “Tài sản bảo đảm/ kỹ quỹ”: Maritime Bank đang theo dõi ký quỹ riêng cho từng cam kết, nhưng tài sản đảm bảo (bằng tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, tài sản hay tín chấp) dùng chung theo hạn mức cấp cho một khách hàng, không tách riêng từng cam kết. Vì vậy, Maritime Bank đang chưa hiểu số liệu tại cột này được ghi nhận như thế nào?  Đề nghị NHNN có hướng dẫn cụ thể tại các cột 13 và 14 của biểu này. | Hàng Hải, Đại Dương, Bank of Tokyo HCM, Citibank | **-** Cột (13): Điền thông tin là **Số tiền TCTD cam kết tại các văn bản, chứng từ cam kết đưa ra** tương ứng với số hợp đồng tại Cột (12).  - Cột (14): Ghi giá trị tài sản đảm bảo/ký quỹ. Ghi nhận theo tỷ trọng tương ứng với đối với từng cam kết. |
| 140 | Cột (13) “Số tiền tổ chức tín dụng cam kết tại các văn bản, chứng từ cam kết đưa ra”: Nếu không có cam kết riêng cho cấp tín dụng với LC và BL thì báo cáo mục này như thế nào, có thể sử dụng số dư của LC, BL tại thời điểm phát hành là số cam kết không?  TCTD nếu không có cam kết về số tiền cấp riêng cho LC, BL; mà chỉ có cam kết cho tổng cấp tín dụng đối với khách hàng. Do vậy không thể xác định được mức cam kết cấp LC, BL cũng như liệt kê khách hàng báo cáo. | Kỹ Thương | Trong trường hợp TCTD cam kết mọi nghĩa vụ trả thay, bảo lãnh cho khách hàng (Bên được bảo lãnh) thì cột (13) điền số tiền ghi trên hợp đồng của Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh.  Ví dụ: Khách hàng A mở LC tại TCTD và được TCTD cam kết cho tổng mức cấp tín dụng là 500 triệu. Khách hàng này (bên được bảo lãnh) phát sinh 3 hợp đồng với bên nhận bảo lãnh có giá trị hợp đồng lần lượt là 100 triệu, 150 triệu và 200 triệu. TCTD (bên bảo lãnh) cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện mọi nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh 🡪 Không ghi rõ số tiền bảo lãnh ở từng thư bảo lãnh thì cột (13) điền giá trị hợp đồng của bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh lần lượt là 100, 150, 200 triệu (mỗi giá trị ghi trên 1 dòng theo số các thư bảo lãnh). |
| 141 | - Một khách hàng có phát sinh 2 món về Bảo lãnh, L/C trong cùng 1 chi nhánh tại TCTD thì báo cáo 1 dòng hay 2 dòng khác nhau?  - Trường hợp báo cáo gom lại thành 1 dòng thì Cột 12 **“Các văn bản, chứng từ cam kết đưa ra” g**hi nhận như thế nào? (khi 1 số văn bản đại diện hay ghi tất cả - và cách ghi nhận tất cả như thế nào?) | Sài Gòn | Thống kê theo khách hàng (cột (2)) và các văn bản chứng từ cam kết đưa ra (cột (12)).  Do đó, nếu cột (12) phát sinh nhiều hơn 1 văn bản chứng từ cam kết thì điền thông tin mỗi văn bản chứng từ cam kết ở một dòng. |
| 142 | 129-TTGS | Hiện tại, giữa HLBVN và ngân hàng mẹ phát sinh các giao dịch liên quan đến việc thu hộ/chi hộ, thanh toán phí dịch vụ mà ngân hàng mẹ cung cấp, đối với số dư phải thu/phải trả phát sinh từ các giao dịch giữa HLBVN và ngân hàng mẹ có phải liệt kê vào báo cáo không, nếu có thì liệt kê vào mục nào trong báo cáo cho đúng bản chất. | Hongleong | - Các giao dịch liên quan đến thu hộ/chi hộ (hạch toán trên tài khoản 519 “Thanh toán khác giữa các đơn vị trong từng ngân hàng”), ngân hàng báo cáo tại Biểu 135-TTGS “Báo cáo giao dịch thanh toán trên tài khoản thanh toán khác giữa các đơn vị trong từng ngân hàng” quy định tại Thông tư 35.  - Đối với số dư phải thu, phải trả ngân hàng phải báo cáo vào biểu này. |
| 143 | Đề nghị NHNN giải thích rõ thêm chi nhánh NH nước ngoài có phải thực hiện báo cáo này không? Vì theo quy định ngân hàng mẹ của chi nhánh NH nước ngoài không phải là công ty mẹ của ngân hàng. | IBK HCM | Đối tượng áp dụng của Biểu 129-TTGS là các tổ chức tín dụng (trừ Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân). Do đó, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng báo cáo.  Trong trường hợp không phát sinh số liệu, đơn vị gửi báo cáo KPS. |
| 144 | 132-TTGS | Đề nghị NHNN có hướng dẫn cụ thể các khoảng thời gian đến 1 tháng, 1-3 tháng, 3-6 tháng, 6-12 tháng, 1-5 năm và trên 5 năm tương ứng với bao nhiêu ngày? | Ngoại Thương | Tiết a, b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa TCTD với khách hàng quy định như sau:  “a. Một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày”.  “b. Một tháng là ba mươi ngày”.  Do đó, đề nghị các TCTD căn cứ quy định trên để xác định số ngày tương ứng với khoảng thời gian cần thống kê. |
| 145 | 132-TTGS; 110-TTGS; 112-TTGS; 113-TTGS; 133-TTGS. | - Trong các biểu mẫu báo cáo theo Thông tư 35, Maritime Bank nhận thấy biểu 132-TTGS phản ánh tương tự với các biểu 110-TTGS, 112-TTGS và 113-TTGS về cùng một nội dung liên quan đến khe hở dòng tiền thanh khoản, chi tiết như sau:  + Với các biểu 110-TTGS (Báo cáo tài sản có tính thanh khoản cao), 112-TTGS (Báo cáo dòng tiền vào) và 113-TTGS (Báo cáo dòng tiền ra) được thực hiện theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN và các thông tư sửa đổi bổ sung liên quan, có hướng dẫn cụ thể nguyên tắc xác định các khoản mục theo yêu cầu.  + Trong khi đó, với biểu 132-TTGS (Báo cáo rủi ro thanh khoản) lại được thực hiện theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN và Thông tư 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Quyết định 16 (Khoản 47, mục IX-Quản lý rủi ro tài chính, thuộc phần Thuyết minh báo cáo tài chính). Theo đó, nguyên tắc thực hiện là theo chế độ kế toán.  Do vậy, căn cứ vào các cơ sở hướng dẫn khác nhau: Maritime Bank đang ứng xử khác nhau trong việc phân bổ dòng tiền thanh khoản với cùng một khoản mục, chi tiết như sau:  1. Đối với Trái phiếu Chính phủ:  - Tại biểu 110-TTGS sẽ được ghi nhận vào Tài sản thanh khoản cao theo Thông tư 36 (tương đương với việc phân bổ dòng tiền vào kỳ dưới 1 tháng).  - Tuy nhiên, tại biểu 132-TTGS cùng khoản mục này lại được ghi nhận theo ngày đáo hạn do áp dụng cách phân bổ theo chế độ kế toán.  2. Đối với tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng và tổ chức kinh tế:  - Biểu 113-TTGS sẽ được ghi nhận vào ngày tiếp theo đối với phần tiền gửi không kỳ hạn bị rút ra trung bình của 30 ngày liền kề trước ngày tính toán (theo Thông tư 36)  - Tuy nhiên, tại biểu 132-TTGS thì khoản mục này sẽ được ghi nhận vào kỳ trong vòng 1 tháng toàn bộ số dư tiền gửi không kỳ hạn (theo chế độ ghi nhận của kế toán).  Vậy kính đề nghị NHNN làm rõ: cách hiểu trên của Maritime Bank khi ứng xử khác nhau giữa 02 nhóm mẫu biểu trên có đúng không?  3. Hơn nữa, biểu 133-TTGS chưa có hướng dẫn cụ thể về số liệu báo cáo.  Đề nghị NHNN nên có hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc lấy số liệu cho các biểu 132-TTGS, 133-TTGS nhằm đảm bảo phản ảnh đồng nhất trạng thái rủi ro thanh khoản của TCTD thông qua 02 nhóm mẫu biểu này. | Hàng Hải | 1, 2: Hai nhóm mẫu biểu này phục vụ cho mục đích khác nhau:  - Nhóm Biểu 110, 112, 113-TTGS: NHNN thu thập thông tin nhằm giám sát, đánh giá chấp hành các tỷ lệ đảm bảo an toàn hệ thống của TCTD.  - Nhóm Biểu 132, 133-TTGS: NHNN thu thập thông tin nhằm đánh giá theo chế độ tài chính kế toán.  Do đó, đối với từng hạng mục trong các báo cáo, TCTD phải thực hiện theo hướng dẫn lập biểu và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.  3. TCTD thực hiện theo chế độ tài chính - kế toán hiện hành (Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN và Thông tư 49/2014/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác nếu có). |
| 146 | 135-TTGS | 1. Đề nghị NHNN làm rõ thế nào là giao dịch chuyển vốn/nhận vốn giữa đơn vị báo cáo với các đơn vị khác trong cùng hệ thống.  2. Biểu 135-TTGS là báo cáo nhận vốn/chuyển vốn, khác với nhận tiền gửi và đi vay trong Biểu 134-TTGS đúng không? | Bank of Tokyo HCM | 1. Giao dịch chuyển vốn/nhận vốn giữa đơn vị báo cáo với các đơn vị khác trong cùng hệ thống là các nghiệp vụ về giao dịch điều chuyển vốn giữa Hội sở chính đối với chi nhánh của TCTD hoặc điểu chuyển vốn giữa các chi nhánh trong cùng hệ thống TCTD với nhau để phục vụ cho họat động của TCTD.  2. Theo hướng dẫn tại mẫu biểu báo cáo:  Biểu 134-TTGS: Thống kê số dư chi tiết đến từng giao dịch tín dụng giữa đơn vị báo cáo theo từng tổ chức tín dụng khác ở nước ngoài trong kỳ báo cáo, bao gồm các giao dịch về nhận tiền gửi, đi vay, gửi tiền, cho vay và các giao dịch nhận/cấp tín dụng khác (chỉ thống kê các giao dịch có số dư tại cuối kỳ báo cáo).  Biểu 135-TTGS: Báo cáo chi tiết từng giao dịch vốn nội bộ giữa đơn vị báo cáo với các đơn vị khác trong cùng hệ thống (giữa Trụ sở chính với chi nhánh khác cùng hệ thống hoặc giữa Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với ngân hàng mẹ và các chi nhánh/đơn vị khác cùng Ngân hàng mẹ).  Khoản 14 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.”  Do vậy, Ngân hàng cần căn cứ vào nội dung, nguyên tắc giao dịch của các giao dịch vốn nội bộ (Nhận/chuyển vốn, thu/chi hộ, phải trả/phải thu khác trong nội bộ) để có báo cáo phù hợp. |
| 147 | 155-TTGS | Số liệu báo cáo này hiện nay theo chúng tôi hiểu là lấy lũy kế từ đầu năm cho tới thời điểm báo cáo có đúng không? | Bank of Tokyo HN | Số liệu báo cáo này lấy lũy kế từ đầu năm cho tới thời điểm báo cáo. |
| 148 | 160-TTGS | Hướng dẫn lập Bảng cân đối tài khoản kế toán quy đổi theo từng loại ngoại tệ giữa Thông tư 22/2017/TT-NHNN và Thông tư 11/2018/TT-NHNN hiện tại có điểm khác nhau như sau về số dư tài khoản ngoại tệ quy đổi ra VNĐ: Đề nghị NHNN hướng dẫn để VIB có thể thực hiện đúng.  Thông tư 11/2018/TT-NHNN: Tỷ giá giữa VND và USD: TCTD áp dụng tỷ giá trung tâm do NHNN công bố tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo.  Thông tư 22/2017/TT-NHNN (ngày 29/12/2017: Quy đổi theo tỷ giá giao ngay (đối với vàng quy đổi theo tỷ giá bình quân mua và bán vàng) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của tháng, quý, năm của tổ chức tín dụngnếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của tháng, quý, năm. | Quốc tế | Phần hướng dẫn lập báo cáo tại Biểu 160-TTGS quy định: “Theo chế độ, tài chính, kế toán hiện hành”.  Bên cạnh đó, Thông tư 11 quy định tỷ giá giữa VND và USD (không quy định theo tỷ giá trung tâm). Do đó, đề nghị đơn vị nghiên cứu kỹ hướng dẫn tại Thông tư 11. |
| 149 | 162-TTGS | Ở khoản 1 mục XII tài sản có khác của Thông tư 11 có thêm chi tiết Điểm c “tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD, đang chờ xử lý”. Theo mẫu B02 Bảng cân đối kế toán của Thông tư 49/2014/TT-NHNN thì “Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD, đang chờ xử lý” (TK của NHNN là 387) nằm ở khoản 4 tài sản có khác. Như vậy Khoản 1 và Khoản 4 của Mục XII tài sản có khác ở Bảng cân đối kế toán theo Thông tư 49 và Bảng cân đối kế toán theo Thông tư 11 sẽ không thống nhất về mặt số liệu. | Xuất Nhập khẩu | NHNN sẽ nghiên cứu tiếp thu, sửa đổi tại các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung Thông tư 11. Hiện tại, NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) sẽ không áp dụng công thức kiểm tra trong mẫu biểu đối với khoản mục này để đảm bảo TCTD vẫn gửi được báo cáo. |
| 150 | 131, 132, 133, 162, 165, 168, 169, 170-TTGS | Tại mục “Đối tượng áp dụng” của các báo cáo trên không đề cập đến báo cáo giữa niên độ hợp nhất. Đối với các ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam trên thực tế không có báo cáo hợp nhất để thực hiện. Do vậy, chúng tôi hiểu rằng ngân hàng sẽ gửi báo cáo không phát sinh đối với các biểu báo cáo trên đây, đề nghị làm rõ? | Hongleong | Trong trường hợp này đơn vị thực hiện gửi báo cáo KPS. |
| 151 | 172-TT | 1. Thống kê số định danh khách hàng có tài khoản thanh toán đang hoạt động, không bao gồm *những tài khoản đã hết hạn sử dụng* … => Những tài khoản đã hết hạn sử dụng là những tài khoản như thế nào?  2.  Dữ liệu báo cáo được tính lũy kế đến thời điểm 31/12 hàng năm => Là dữ liệu chốt tại thời điểm 31/12 hàng năm? | Dầu khí Toàn cầu | - Những tài khoản đã hết hạn sử dụng là những tài khoản đã bị đóng/hủy bỏ theo yêu cầu của chủ tài khoản hoặc do tổ chức mở tài khoản rà soát (theo định kỳ) và không có giao dịch trong thời gian dài (sau khi đã thông báo với chủ tài khoản).  - Dữ liệu báo cáo là danh sách các tài khoản thanh toán của cá nhân được đơn vị báo cáo xác định là đang hoạt động tại thời điểm 31/12 hàng năm. Các tài khoản thanh toán này có thể được mở từ những năm trước năm báo cáo. |
| 152 | Trường hợp 1 khách hàng mở tài khoản thanh toán tại nhiều chi nhánh trên địa bàn khác nhau thì sẽ tách ra từng dòng báo cáo riêng hay báo cáo như thế nào? Ví dụ: Khách hàng A mở tài khoản thanh toán ở Hà Nội và Hòa Bình thì tách riêng ra 2 dòng báo cáo là Hà Nội và Hòa Bình hay như thế nào? | Bưu điện Liên Việt | Tổ chức báo cáo lập danh sách các khách hàng mở tài khoản thanh toán tại mình. Nếu trường hợp 1 khách hàng (có cùng mã ID, năm sinh, giới tính) mở tài khoản thanh toán tại nhiều chi nhánh trên các địa bàn tỉnh, thành phố khác nhau thì sẽ tách ra từng dòng báo cáo riêng.  Ví dụ: Khách hàng A (có cùng mã ID, năm sinh, giới tính) mở tài khoản thanh toán ở Hà Nội và Hòa Bình thì tách riêng ra 2 dòng báo cáo là Hà Nội và Hòa Bình. |
| 153 | - Tại cột (2) “số định danh khách hàng”: Maritime Bank đang thực hiện mở tài khoản lương bí mật cho CBNV, vì vậy, số định danh được khai báo cho các tài khoản này không phải là số Giấy CMND, số Hộ chiếu, căn cước công dân… Vậy, số định danh do Maritime Bank cấp có được coi là giấy tờ khác không?  Nếu không được chấp nhận thì các khách hàng này có loại khỏi báo cáo không?  - Tại cột 4 “năm sinh”: Hồ sơ tài khoản lương của CBNV Maritime Bank đều có chung thông tin ngày sinh là 12/07/1991. Nếu lấy thông tin này sẽ không chính xác.  Nếu Cột (2) đã loại bỏ các CIF của tài khoản CBVN Maritime Bank thì không gặp vướng mắc này.  - Tại cột 5” Tên tỉnh, thành phố”: Nếu 1 khách hàng mở tài khoản tại nhiều Chi nhánh của Maritime Bank (thuộc nhiều tỉnh/thành phố khác nhau) thì sẽ lấy thông tin của tỉnh/thành phố của chi nhánh nào?  - Ngoài ra, dữ liệu được tích lũy đến 31/12 hàng năm nên dữ liệu rất lớn, không thể xuất ra file Excel để kiểm tra và đối chiếu. | Hàng Hải | - Ngân hàng Hàng Hải đang thực hiện mở tài khoản lương bí mật cho CBNV thực chất cũng là tài khoản thanh toán của cá nhân. Theo quy định tại Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 về Hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (được sửa đổi tại Thông tư 32/2016/TT-NHNN ngày 26/12/2016) quy định: Hồ sơ mở đối với tài khoản thanh toán của cá nhân gồm có: Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán lập theo mẫu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản, Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn, giấy khai sinh (đối với cá nhân là công dân Việt Nam chưa đủ 14 tuổi), thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh (đối với cá nhân là người nước ngoài) của chủ tài khoản. Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán cá nhân phải có đủ những nội dung về chủ tài khoản như Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại; số thẻ căn cước công dân hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn thời hạn, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại; thuộc đối tượng người cư trú hay người không cư trú. *Do đó, việc thống kê số định danh khách hàng gắn với số tài khoản lương của CBCNV là có thể thực hiện đúng theo quy định của Biểu mẫu 172-TT, không thống kê theo số định danh do Ngân hàng Hàng Hải cấp.*  - Tổ chức báo cáo lập danh sách các Khách hàng mở tài khoản thanh toán tại mình. Nếu trường hợp 1 khách hàng (có cùng mã ID, năm sinh, giới tính) mở tài khoản thanh toán tại nhiều chi nhánh trên các địa bàn tỉnh, thành phố khác nhau thì sẽ tách ra từng dòng báo cáo riêng.  - NHNN (Vụ Thanh toán) đã nghiên cứu giải pháp để xử lý vướng mắc này. Theo định hướng, năm 2018, các tổ chức báo cáo sẽ báo cáo đầy đủ danh sách khách hàng mở tài khoản thanh toán tại đơn vị theo Biểu số 172-TT. Từ năm 2019 trở đi, TCTD sẽ chỉ thực hiện báo cáo các tài khoản mới mở và có thay đổi các thông tin về ID, giới tính, năm sinh và địa chỉ mở. Đồng thời, với các dữ liệu báo cáo lớn (hơn 10MB), NHNN sẽ có hướng dẫn riêng để các đơn vị thực hiện báo cáo. |
| 154 | 173-QLNH | Tài khoản vốn tự doanh là tài khoản như thế nào? Có những đặc điểm nào nhận dạng là tài khoản vốn tự doanh? Tài khoản vốn tự doanh có khác gì so với tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài. | IBK HCM | Khoản 4 Điều 3 Thông tư 10/2016/TT-NHNN hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số [135/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-135-2015-nd-cp-quy-dinh-dau-tu-gian-tiep-ra-nuoc-ngoai-299597.aspx) ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài quy định “Tài khoản vốn tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng ngoại tệ là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của tổ chức tự doanh mở tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi được phép liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (sau đây gọi là tài khoản tự doanh)”.  Ngoài ra, các TCTD cần tham khảo thêm Thông tư 10/2016/TT-NHNN về hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số [135/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-135-2015-nd-cp-quy-dinh-dau-tu-gian-tiep-ra-nuoc-ngoai-299597.aspx) ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và Nghị định 135/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài để nghiên cứu trong quá trình lập báo cáo |
| 155 | 175-QLNH | Các thông tin này từ trước đến nay VCB không quản lý, các doanh nghiệp cũng không có nghĩa vụ xuất trình cho VCB về các nội dung này nên không có cơ sở dữ liệu để thực hiện báo cáo. | Ngoại thương | Khoản 1 điều 12 Thông tư 10/2016/TT-NHNN hướng dẫn Nghị định 135/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài quy định: *Sau khi được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu phát hành ở nước ngoài, tổ chức thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu phải mở 01 (một) tài khoản thực hiện chương trình để thực hiện các giao dịch thu, chi theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 12* Thông tư 10/2016/TT-NHNN.  Điều 36 Thông tư 10/2016/TT-NHNN quy định: *Tổ chức tín dụng được phép nơi tổ chức tự doanh mở tài khoản tự doanh, tổ chức nhận ủy thác mở tài khoản nhận ủy thác,* ***tổ chức thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu mở tài khoản thực hiện chương trình*** *phải báo cáo tình hình thu, chi trên tài Khoản tự doanh, tình hình thu, chi trên tài Khoản nhận ủy thác, tình hình thu, chi trên tài Khoản thực hiện chương trình theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*  Do vậy, báo cáo nêu trên phù hợp với quy định tại Thông tư 10. Trường hợp TCTD không phát sinh số liệu thì báo cáo không phát sinh. |
| 156 | 176, 177-QLNH | Báo cáo này trùng biểu 006-QLNH của công văn 6643. Đề nghị NHNN hướng dẫn có cần phải thực hiện báo cáo cho 3 mẫu biểu cùng lúc hay sẽ có hướng dẫn thay thế. | Citibank | Sau một thời gian báo cáo ổn định tại Công văn 6643/NHNN-DBTK, Biểu 006N và 007N-QLNH được kế thừa (yêu cầu báo cáo không thay đổi), đưa vào bổ sung tại Thông tư 11 (là Biểu 176-QLNH thay thế Biểu 006N-QLNH, Biểu 177-QLNH thay thế Biểu 007N-QLNH).  Hai báo cáo trên đã được hủy bỏ tại Công văn 6643/NHNN-DBTK (do Công văn 3941/NHNN-DBTK ngày 30/5/2018 thay thế Công văn 6643/NHNN-DBTK từ ngày 01/10/2018 không còn quy định Biểu 006N, 007N-QLNH). |
| 157 | Báo cáo 176-QLNH và 177-QLNH có thay thế 006N-QLNH và 007N-QLNH (theo Công văn 6643/NHNN-DBTK ngày 5/9/2016 - Báo cáo ngoài Thông tư 35) không? | Bank of Tokyo HCM, Citibank |
| 158 | 182-TTGS | Lũy kế thoái vốn ở đây có được hiểu là chênh lệch sở hữu cổ phần giữa thời điểm cuối kỳ và đầu kỳ ? Do hiện tại MB đã niêm yết trên TTCK nên không giám sát được các giao dịch mua bán trong kỳ của cổ đông, do đó rất khó xác định số cp thoái từng tháng mà chỉ lấy được số dư cuối tháng. | Quân đội | Lũy kế thoái vốn ở đây không được hiểu là chênh lệch sở hữu cổ phần giữa thời điểm cuối kỳ và đầu kỳ mà được hiểu là phần sở hữu cổ phần đã giảm đi lũy kế từ đầu năm đến thời điểm báo cáo. Tại báo cáo này, số liệu thoái vốn chỉ yêu cầu báo cáo phần thoái vốn của DNNN và người có liên quan tại TCTD theo số liệu thống kê thì lượng DNNN sở hữu tại TCTD không quá lớn và ít biến động do đó yêu cầu NH chủ động thực hiện và báo cáo theo đúng quy định và nội dung báo cáo. |
| III | **Phụ lục 2** | | |  |
|  | **Phần 1** | | |  |
| 1 | Điểm 2 | Việc tính toán tỷ giá theo nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ ra đồng Việt Nam quy định tại Chế độ báo cáo tài chính trên thực tế khá phức tạp do thời điểm cuối ngày không cụ thể. Các giao dịch có thể thực hiện tự động trên hệ thống sau giờ giao dịch chính thức.  Kiến nghị NHNN quy định theo hướng đối với tỷ giá giữa VND và USD thì theo một tỷ giá cụ thể (ví dụ như tỷ giá liên ngân hàng do NHNN công bố), các tỷ giá khác do Tổng Giám đốc (Giám đốc) TCTD quy định tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo. | Citibank | Nhằm đảm bảo số liệu báo cáo thống kê phù hợp với số liệu báo cáo tài chính, ngày 12/4/2018, NHNN đã ban hành Công văn số 2347/NHNN-DBTK hướng dẫn các TCTD quy định về tỷ giá áp dụng để lập báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư 35/2015/TT-NHNN cho phù hợp với Thông tư 22/2017/TT-NHNN từ kỳ báo cáo ngày 16/4/2018.  Hướng dẫn tỷ giá áp dụng để lập báo cáo thống kê đã được quy định tại Điểm 2 Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư 11. |
| 2 | Điểm 3 | Nguyên tắc làm tròn số: Đề nghị NHNN có hướng dẫn về nguyên tắc làm tròn số đối với các khoản mục có đơn vị là %. | Ngoại thương | Các trường/cell đều có quy định về độ dài tối đa được phép. Đối với dạng dữ liệu kiểu số, nếu vượt quá độ dài cho phép, Hệ thống sẽ tự cắt để đảm bảo đúng quy định. Ví dụ, nếu độ dài của trường này cho phép tối đa 2 chữ số thập phân, nên khi số liệu sau phần nguyên là 3 số thì Hệ thống sẽ tự cắt để lấy giá trị 2 số sau phần nguyên. Vì vậy các đơn vị cần căn cứ vào độ dài dữ liệu của từng cột/cell để chủ động nhập dữ liệu cho chính xác (làm tròn hay không làm tròn do đơn vị tự quyết định để số liệu đảm bảo chính xác về nghiệp vụ). |
|  | **Phần 2** | | |  |
| 3 | Điểm 1, 2, 3 | Mục 1, 2, 3: Định nghĩa tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn: đề nghị NHNN hướng dẫn làm rõ khoảng thời gian 1 năm, 5 năm theo quy định tại Thông tư này tương ứng với bao nhiêu ngày. | Ngoại thương | Tiết a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa TCTD với khách hàng quy định “Một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày”  Do đó, đề nghị các TCTD căn cứ quy định trên để xác định số ngày tương ứng với khoảng thời gian cần thống kê. |
| 4 | Điểm 5 | Dư nợ tín dụng bao gồm phát hành thẻ tín dụng, như vậy số tiền dư nợ tín dụng là số tiền hạn mức của thẻ tín dụng hay dư nợ của thẻ tín dụng. | BPCE IOM | Dư nợ tín dụng bao gồm phát hành thẻ tín dụng, là dư nợ của thẻ tín dụng. |
| 5 |  | "Đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp" trong mục hướng dẫn về "Dư nợ cấp tín dụng" tại điểm 5, Phần 2, Phụ lục 2 của Thông tư 11 chỉ bao gồm mệnh giá trái phiếu hay bao gồm phụ trội (+), chiết khấu (-),… | Bưu điện Liên Việt | Giá trị trái phiếu bao gồm chiết khấu (-), phụ trội (+). |
| 6 |  | Đề nghị làm rõ mục g) Các nghiệp vụ cấp tín dụng khác:  - Có bao gồm thư tín dụng và bảo lãnh ngân hàng đã phát hành (nhưng chưa được trả thay) không?  - Có bao gồm hoạt động mua nợ và cho vay theo hợp đồng ủy thác mà ngân hàng không chịu rủi ro không? | Bank of Tokyo HCM, ANZ | Mục g) Các nghiệp vụ cấp tín dụng khác: Có bao gồm hoạt động mua nợ. Không bao gồm:  - Thư tín dụng và bảo lãnh ngân hàng đã phát hành (nhưng chưa được trả thay) do đã được phản ánh tại mục đ) Các khoản trả thay cá nhân, tổ chức trong trường hợp cá nhân, tổ chức được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán.  - Cho vay theo hợp đồng ủy thác mà ngân hàng không chịu rủi ro. |
| 7 |  | Đề nghị NHNN hướng dẫn cụ thể về “Dư nợ tín dụng” cho các báo cáo 001, 002, 003, 006-DBTK, 006.2-TD, 007-DBTK, 009-TD, 015-CSTT, 026-TTGS, 122-TTGS, 128.3-TTGS, 129-TTGS… (Bank of Tokyo HCM). | Bank of Tokyo HCM | Đề nghị các đơn vị nghiên cứu kỹ nội dung hướng dẫn lập báo cáo tại từng mẫu biểu:  Ví dụ:  - Biểu số 001, 002, 003, 006, … dư nợ tín dụng quy định tại điểm 5 Phần 2 Phụ lục 2 Thông tư 11.  - Biểu 026-TTGS dư nợ tín dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN.  - Biểu 122-TTGS theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN,… |
| IV | **Phụ lục 3 Thông tư 35/2015/TT-NHNN** | | |  |
| 1 | **Bảng 1 “Mã ngành kinh tế”** | NHNN hướng dẫn chung về phân ngành kinh tế tại Bảng 1 |  | Mã ngành kinh tế nêu tại Bảng 1 “Mã ngành kinh tế” Phụ lục 3 Thông tư 35/2015/TT-NHNN là mã ngành kinh tế cấp 1. Các TCTD thực hiện thống nhất phân ngành kinh tế đến cấp 5, nội dung cụ thể của từng ngành kinh tế được quy định tại **Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam**. |
| V | **Phụ lục 4** | | |  |
| 1 |  | Nếu 1 khách hàng là công ty TNHH/Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài, không có vốn đầu tư/cổ phần của nhà nước, thì theo Phụ lục 4, sẽ phân loại khách hàng vào Công ty TNHH/Công ty cổ phần khác hay Công ty có vốn đầu tư nước ngoài. | Nonghyup | - Nếu 1 khách hàng là công ty TNHH, không có vốn đầu tư/cổ phần của nhà nước thì thống kê vào Công ty TNHH khác.  - Nếu 1 khách hàng là Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài, không có vốn đầu tư/cổ phần của nhà nước thì thống kê vào Công ty cổ phần khác. |
| V | **Ý kiến khác** | | |  |
| 1 |  | Đề nghị NHNN cung cấp Bảng so sánh các chỉnh sửa thông tin chi tiết cho từng báo cáo. | Citibank | Để đảm bảo tính chính xác của số liệu báo cáo, NHNN yêu cầu các TCTD cần nghiên cứu kỹ các quy định tại Thông tư để thực hiện. |
| 2 | Công văn 6643/NHNN-DBTK ngày 05/9/2016 | NHNN yêu cầu TCTD báo cáo một số báo cáo bổ sung Thông tư 35 như Công văn 6643/NHNN-DBTK ngày 5/9/2016, đề nghị NHNN hướng dẫn có cần tiếp tục gửi các báo cáo bổ sung này khi Thông tư 11 có hiệu lực thi hành không? | JP Morgan | Ngày 30/5/2018, NHNN đã ban hành Công văn 3941/NHNN-DBTK yêu cầu TCTD báo cáo thay thế Công văn 6643/NHNN-DBTK. Do đó, khi Công văn 3941/NHNN-DBTK có hiệu lực thi hành ngày 01/10/2018, các TCTD dừng thực hiện báo cáo theo Công văn 6643/NHNN-DBTK. |
| 3 | Công văn 10492/NHNN-DBTK ngày 25/12/2017 | Trong Thông tư 11/2018/TT-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 35 không thấy NHNN đề cập đến hai biểu: Biểu 1-TTGS và Biểu 2-TTGS theo Công văn 10492/NHNN-DBTK. Vì vậy, khi Thông tư 11/2018/TT-NHNN có hiệu lực, TCTD vẫn phải gửi báo cáo theo Công văn 10492. NHNN nên hợp nhất báo cáo theo Công văn 10492 vào hệ thống báo cáo Thông tư 11. | Hàng Hải | Khi Thông tư 11 có hiệu lực thi hành ngày 01/10/2018, các TCTD dừng thực hiện gửi báo cáo theo Công văn số 10492/NHNN-DBTK. |
| 4 | Công văn 10265/NHNN-DBTK ngày 18/12/2017 | Các báo cáo tại Thông tư 11 trùng với các mẫu biểu báo cáo theo Công văn 10265/NHN-DBTK (Biểu 1-DBTK, 2-DBTK, 3-TD, 4-TD, 5-CSTT). Đề nghị NHNN giải đáp?  Trong Thông tư 11/2018/TT-NHNN, CV 3941/NHNN-DBTK không thấy NHNN đề cập đến việc hủy bỏ các biểu báo cáo theo Công văn 10265. Vì vậy, khi Thông tư 11/2018/TT-NHNN có hiệu lực, TCTD vẫn phải gửi báo cáo theo CV10265. | Shinhan  Việt Nam,  Hàng Hải | Khi Thông tư 11 có hiệu lực thi hành ngày 01/10/2018, các TCTD dừng thực hiện gửi báo cáo theo Công văn số 10265/NHNN-DBTK. |
| 5 | Công văn 8338/NHNN-TTGS | Hiện tại, có một số báo cáo ngân hàng đang thực hiện gửi qua đường truyền file điện tử (e-portal) theo yêu cầu dưới Thông tư 35, như công văn 8338/NHNN-TTGS và không được liệt kê trong danh sách các báo cáo theo Thông tư 11/2018/TT-NHNN. Vậy ngân hàng có thể ngừng thực hiện các báo cáo yêu cầu tại công văn trên sau khi Thông tư 11/2018/TT-NHNN có hiệu lực? | Hongleong | Công văn 8338/NHNN-TTGSNH được NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) ban hành nhằm triển khai thực hiện theo Nghị quyết 42 của Quốc hội về xử lý nợ xấu. Công văn 8338/NHNN-TTGSNH độc lập hoàn toàn so với Thông tư 11.  Do đó, **các TCTD tiếp tục thực hiện báo cáo tại Công văn 8338/NHNN-TTGSNH khi Thông tư 11 có hiệu lực thi hành.** |
| VI | **Công văn 3941/NHNN-DBTK** | | |  |
| 1 | 001N-TD | Đối tượng khách hàng báo cáo:  1. Mẫu biểu áp dụng cho 1 khách hàng (KH) khi vượt ngưỡng 15% vốn tự có (VTC)?  2. Nếu Khách hàng được cấp hạn mức tín dụng > ngưỡng, nhưng dư nợ giải ngân chưa vượt ngưỡng -> có thuộc đối tượng báo cáo ở Công văn này ko?  3. Mẫu biểu chỉ báo cáo các khoản vay xin cấp vượt thôi hay toàn bộ khoản vay của KH (ví dụ KH có tổng dư nợ 3 khoản vay cũ < 15% VTC, KH được duyệt cấp thêm khoản vay thứ 4, tổng dư nợ 4 khoản vay > 15% VTC và chỉ báo cáo khoản thứ 4 hay BC cả 4 khoản?)  4. Cột (15): Sao kê tài sản bảo đảm (TSĐB) chỉ theo dõi TSĐB theo KH, không chi tiết theo khế ước/khoản vay. Vậy điền thông tin cột (15) như thế nào? | Kỹ Thương, Việt Nam Thịnh vượng | 1. Biểu 001N-TD áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn 15% và các khoản cấp tín dụng vượt 25% vốn tự có do TCTD đề nghị và đã được NHNN phê duyệt theo quy định tại Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng.  2. Các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được NHNN phê duyệt nhưng dư nợ chưa vượt giới hạn vẫn thuộc đối tượng báo cáo.  3. Thống kê các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được NHNN phê duyệt (Khách hàng cho vay vượt giới hạn báo cáo theo Biểu 002N-TD Công văn 3941/NHNN-BDTK).  4. Cột (15): Theo quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN, khi xem xét cấp tín dụng đối với khoản vay của khách hàng, ngân hàng và khách hàng thỏa thuận về biện pháp bảo đảm tiền vay. Do đó, ​khi cho vay, ngân hàng phải nắm được khoản vay có TSBĐ hay không? Trường hợp có TSBĐ thì hình thức là gì (điền vào cột (14)) và giá trị bao nhiêu (điền vào cột (15)).  Do đó, đề nghị ngân hàng rà soát và báo cáo đầy đủ thông tin theo yêu cầu tại mẫu biểu báo cáo. |
| 2 | Chúng tôi hiểu là giao dịch Xác nhận thư tín dụng phát hành bởi Ngân hàng khác không phải báo cáo theo bảng này. Đề nghị NHNN giải thích những loại giao dịch nào cần báo cáo cho cột 7 của báo cáo này. | Bank of Tokyo HCM | - Trường hợp Bank of Tokyo HCM xác nhận thư tín dụng do một TCTD khác phát hành mà không phát sinh nghĩa vụ nhận nợ của khách hàng tại  Bank of Tokyo HCM​ thì không thuộc đối tượng báo cáo của mẫu biểu này. - Tổng mức dư nợ cấp tín dụng xác định theo quy định tại Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng và Khoản 21, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng. |
| 3 | 002N-TD | 1. Mẫu biểu áp dụng cho KH và người liên quan nếu vượt ngưỡng 25% Vốn tự có?  2. Mẫu 002 khi báo cáo về nhóm KHLQ thì chỉ báo cáo những KH có nghĩa vụ tín dụng tại TCB thôi hay báo cáo toàn bộ người liên quan của KH (kể cả không có dư nợ hoặc không có ID tại TCB)?  3. Mẫu 002 đối với những nhóm trùng nhau thì báo cáo nhóm nào?  Ví dụ: Nếu cấp tín dụng cho công ty D làm cho 2 nhóm sau bị vượt giới hạn 25% VTC thì BC nhóm nào?  Nhóm 1:  STT Tên Công ty Mối quan hệ Dư nợ tại TCB  1. Công ty A KH chính 100  2. Công ty B Cty con của A 10  3. Công ty C Cty con của A 20  4. Công ty D Cty con của A 0  => Tổng dư nợ nhóm 130  Nhóm 2  STT Tên Công ty Mối quan hệ Dư nợ tại TCB  1. Công ty B KH chính 10  2. Công ty A Cty mẹ của B 100  3. Công ty C Cty anh em của B 20  4. Công ty D Cty anh em của B 0  5. Công ty E Cty con của B 0  => Tổng dư nợ nhóm 130 | Kỹ Thương | 1. Mẫu biểu áp dụng đối với:  - Khách hàng được phép cho vay vượt 15% vốn tự có.  - Khách hàng và người có liên quan được phép cho vay vượt 25% vốn tự có theo quy định tại Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng.  2. Báo cáo đối với tất cả người có liên quan (xác định theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng) có dư nợ tín dụng tại TCTD.  3. Báo cáo đối với khách hàng đã được NHNN phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn và người có liên quan của khách hàng đó. |
| 4 | Cột (5): hiểu như sau có đúng không: Giới hạn cấp tín dụng cho 1 nhóm khách hàng liên quan theo quy định là 25% vốn tự có tương đương với ~ 9000 tỷ, nhưng nhóm khách hàng A xin được cấp cho 1 nhóm khách hàng là 9500 tỷ và đã được phê duyệt thì tại cột (5) ghi giá trị là 9500 tỷ có đúng không? | Kỹ Thương | Đơn vị đã hiểu đúng. |
| 5 | Cột (6), (7), (8), (9):  + Tổng dư nợ cấp tín dụng thực tế (ví dụ hạn mức cấp cho KH là 100 tỷ nhưng mới giải ngân 50 tỷ thì giá trị cột (6) = 50 tỷ)?  + Tổng dư nợ cấp tín dụng đã loại trừ hay chưa loại trừ theo điều 128 Luật các tổ chức tín dụng? (ví dụ được loại trừ các khoản cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng khác). | Cột (6), (7), (8), (9):  + Tổng dư nợ cấp tín dụng thực tế đến thời điểm báo cáo.  + Tổng mức dư nợ cấp tín dụng xác định theo quy định tại Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 21, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng. |
| 6 | Cột (10) được hiểu là (10) = (5) – (9) có đúng không? | Không đúng.  Ví dụ: Trường hợp khoản vay đã giải ngân xong và đang trong giai đoạn thu nợ thì Cột (10) ≠ (Cột (5) - Cột (9)) (do cột (10) = 0). |
| 7 | Cột (12) là nhóm nợ tại TCB hay CIC? | Nhóm nợ là kết quả TCTD phân loại nhóm nợ sau khi tham chiếu nhóm nợ do CIC cung cấp tại thời điểm gần nhất theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có) của NHNN. |
| 8 | Cột (13) Dự phòng được hiểu là "quỹ dự phòng bao gồm cả dự phòng chung và dự phòng cụ thể” có đúng không? | Cột (13): Dự phòng được hiểu là quỹ dự phòng bao gồm cả dự phòng chung và dự phòng cụ thể. |
| 9 | Cột (14) Nếu 1 khách hàng có nhiều hình thức bảo đảm thì điền như thế nào? Có thể điền nhiều hình thức cách nhau bằng dấu phẩy ví dụ: cầm cố, ký quỹ. | Điền các hình thức bảo đảm và cách nhau bằng dấu phẩy. |
| 10 | Cột (15):  - Có phải là Giá trị định giá TSĐB không?  - Trường hợp số dư ký quỹ của bảo lãnh > số dư bảo lãnh thì điền vào giá trị nào? | Cột (15):  - Giá trị TSBĐ là giá trị định giá TSBĐ tại thời điểm gần nhất.  - Trường hợp số dư ký quỹ của bảo lãnh lớn hơn số dư bảo lãnh thì điền giá trị số dư ký quỹ của bảo lãnh. |
|  | Chúng tôi hiểu là giao dịch Xác nhận thư tín dụng phát hành bởi Ngân hàng khác không phải báo cáo theo bảng này. Vui lòng giải thích những loại giao dịch nào cần báo cáo cho cột 7 của báo cáo này. | Bank of Tokyo HCM | Tổng mức dư nợ cấp tín dụng xác định theo quy định tại Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 21, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng. |
| 11 | 004N-TD | NHNN hướng dẫn một số chỉ tiêu tại Biểu 004N-TD cho phù hợp với Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg |  | Ngày 06/7/2018 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Quyết định này thay thế Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam **từ ngày 20/8/2018**. Do đó, NHNN hướng dẫn các TCTD thực hiện Biểu 004N-TD như sau:  “- Các chỉ tiêu sau đây được tham chiếu theo mã ngành tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:  + Chỉ tiêu tại dòng 1.1 tham chiếu theo mã ngành 01110;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.2 tham chiếu theo mã ngành 01260;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.3 tham chiếu theo mã ngành 01250;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.4 tham chiếu theo mã ngành 01240;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.5 tham chiếu theo mã ngành 01230;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.6 tham chiếu theo mã ngành 01140;  + Chỉ tiêu tại dòng 1.7 tham chiếu theo mã ngành 01270;  - Đối với những chỉ tiêu không nằm trong mã ngành thuộc Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, các TCTD báo cáo số liệu theo phân ngành do TCTD theo dõi”. |
| 12 | 005N-TD | Theo Khoản 6 Phần 2 Phụ lục 2 ban hành kèm Thông tư 11, tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) đã được thay đổi so với Thông tư 35. Hiện tại TCTD vẫn đang xác định Khách hàng SME dựa trên tiêu chí cũ tại Thông tư 35, vì vậy TCTD cần thực hiện xác định, phân loại lại KH SME dựa trên tiêu chí xác định mới. Để phục vụ cho việc TCTD thực hiện rà soát thông tin, cập nhật dữ liệu khách hàng, kính đề nghị NHNN làm rõ quy định về tiêu chí xác định Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thông tư 11. Cụ thể, bên cạnh việc áp dụng tiêu chí mới với những khách hàng mới phát sinh quan hệ với TCTD kể từ ngày 01/10/2018 thì tiêu chí mới này có áp dụng với những trường hợp sau đây hay không:  1. Khách hàng đã phát sinh quan hệ với VPBank trước 1/10/2018.  2. Khách hàng chỉ phát sinh quan hệ huy động vốn, mở tài khoản… mà không phát sinh quan hệ tín dụng với TCTD.  3. Khách hàng không còn quan hệ tín dụng với TCTD trước ngày 01/10/2018 và Khách hàng còn quan hệ tín dụng nhưng đang được xử lý nợ xấu. | Việt Nam Thịnh vượng | Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với Biểu 006.2-TD được thực hiện trên toàn bộ khách hàng mới và khách hàng cũ đã phát sinh dư nợ tại tổ chức tín dụng (bao gồm tất cả các khách hàng có dư nợ tại thời điểm báo cáo, kể cả trường hợp đang được xử lý nợ xấu). Đối với khách hàng chỉ có quan hệ huy động vốn, mở tài khoản, mà không có dư nợ tín dụng tại tổ chức tín dụng thì không thuộc phạm vi báo cáo tại mẫu biểu. |
| 13 | 007N-TD | 1. Đề nghị thêm cột Nợ ngoại bảng, sau cột nhóm.  2. Cột (9) - Thời hạn còn lại của khoản nợ (tính theo đơn vị ngày): Nên hướng dẫn lại như sau:  - Thời hạn còn lại của khoản nợ chưa đến hạn trả nợ cuối cùng: Tính từ ngày bán nợ đến ngày đến hạn cuối cùng của khoản nợ.  - Thời hạn còn lại của khoản nợ đã quá hạn thời hạn trả nợ cuối cùng: Tính từ ngày đến hạn cuối cùng của khoản nợ đến ngày bán nợ. | Ngoại thương | 1. Hiện tại trong phạm vi biểu báo cáo này chỉ báo cáo các giao dịch mua bán nợ trong nội bảng. Tuy nhiên, NHNN sẽ nghiên cứu, tiếp thu trong các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Công văn 3941: Bổ sung thêm cột Nợ ngoại bảng.  Trong phạm vi báo cáo này chỉ báo cáo các giao dịch mua bán nợ trong nội bảng.  2. NHNN hướng dẫn các đơn vị cụ thể như sau:  - Thời hạn còn lại của khoản nợ chưa đến hạn trả nợ cuối cùng: Tính từ ngày bán nợ đến ngày đến hạn cuối cùng của khoản nợ.  - Thời hạn còn lại của khoản nợ đã quá hạn thời hạn trả nợ cuối cùng: Tính từ ngày đến hạn cuối cùng của khoản nợ đến ngày bán nợ. |
| 14 | Các trường hợp dưới đây liệu có thuộc diện phải báo cáo theo Biểu 007N-TTGS không?  1. Trường hợp nếu trong kỳ báo cáo, OCB bán khoản nợ nào đó cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) hoặc mua khoản nợ nào đó từ Công ty này;  2. Trường hợp nếu trong kỳ báo cáo, OCB bán khoản nợ nào đó cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đó hoặc mua khoản nợ từ bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đó đều theo hình thức mua đứt bán đoạn, mua hoặc bán không có sự truy đòi;  3. Trường hợp nếu trong kỳ báo cáo, OCB mua lại khoản nợ đã bán cho VAMC trước đó, sau đó cũng trong kỳ báo cáo, OCB đem khoản nợ mua về này bán cho cá nhân hoặc tổ chức khác. | Phương Đông | Biểu 007N-TTGS:  1. Không bao gồm các khoản mua/bán nợ cho VAMC.  2. Báo cáo cả 2 trường hợp mua đứt bán đoạn, mua hoặc bán không có quyền truy đòi.  3. Không báo cáo các khoản mua/bán nợ cho VAMC. Có báo cáo các khoản nợ bán cho tổ chức, cá nhân khác. |
| 15 | 008, 009N-QLNH | Báo cáo 008N-QLNH và 009N-QLNH (theo Công văn 6643/NHNN-DBTK ngày 5/9/2016 - Báo cáo ngoài Thông tư 35) vẫn tiếp tục thực hiện, có đúng không? | Bank of Tokyo HCM | Theo Điểm 2.1 Công văn số 3941/NHNN-DBTK nêu: *“Công văn này thay thế Công văn số 6643/NHNN-DBTK từ ngày 01/10/2018”*. Do đó, các báo cáo theo Công văn số 6643/NHNN-DBTK sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/10/2018.  Báo cáo 008N-QLNH và 009N-QLNH tại Công văn số 6643/NHNN-DBTK ngày 5/9/2016 đã được thay thế bằng Biểu 008N-QLNH và 009N-QLNH tại Công văn 3941/NHNN-DBTK (nội dung của báo cáo không thay đổi). |
| 16 | 010N-HTQT | Đề nghị NHNN làm rõ các định nghĩa sau:  - Giao dịch thuộc đối tượng trong báo cáo “Hợp tác song phương”, giao dịch thanh toán qua các tài khoản Nostro mở tại nước ngoài có thuộc đối tượng báo cáo?  - Ngân hàng đã thiết lập quan hệ đại lý.  - Số đại lý (đối tác). | Bank of Tokyo HCM | - Giao dịch thuộc đối tượng trong báo cáo “Hợp tác song phương” là giao dịch thanh toán, chuyển tiền có một bên tham gia là Người cư trú theo quy định của Pháp lệnh ngoại hối với đối tác tại một quốc gia, vùng lãnh thổ cụ thể. Giao dịch qua tài khoản Nostro có đặc điểm như trên thì sẽ thuộc đối tượng báo cáo.  - Cột (3) yêu cầu các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo thống kê số lượng ngân hàng đã thiết lập quan hệ đại lý tại quốc gia đối tác, cụ thể là thống kê về số lượng ngân hàng đại lý mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã ký kết hợp đồng đại lý để thực hiện các hoạt động ngân hàng đại lý như mô tả tại Điều 8 Thông tư 41/2011/TT-NHNN. |
| 17 | Ngân hàng Bangkok Bank có mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng đại lý ở nước ngoài là ngân hàng mẹ ở Thái Lan và các chi nhánh của ngân hàng mẹ tại Mỹ, Nhật Bản, Hồng Kông. Vậy, doanh số trên các tài khoản thanh toán này Ngân hàng Bangkok Bank sẽ báo cáo trên Biểu 010N-HTQT. | Bangkok Bank | 1. Mục đích của báo cáo là thống kê doanh số giao dịch thanh toán, chuyển tiền một chiều giữa giao dịch của Người cư trú của Việt Nam (quy định tại Pháp lệnh ngoại hối) với đối tác ở quốc gia tương ứng.  Ví dụ: doanh nghiệp A ở Việt Nam thanh toán hợp đồng nhập khẩu với doanh nghiệp B ở Nam Phi qua Bangkok Bank, mặc dù Bangkok Bank mở tài khoản thanh toán tại chi nhánh ngân hàng mẹ ở Mỹ, Nhật, Hongkong để thanh toán cho toàn bộ thị trường còn lại bao gồm cả thị trường Nam Phi nhưng tài khoản của người thụ hưởng mở tại Ngân hàng C tại Nam Phi thì sẽ tính doanh số cho thị trường Nam Phi.  Riêng về nội dung báo cáo số lượng ngân hàng đại lý (định nghĩa tại Điều 8 Thông tư 41/2011/TT-NHNN): Mục đích báo cáo để khảo sát độ bao phủ của ngân hàng báo cáo trong việc thực hiện các hoạt động thanh toán, chuyển tiền với từng quốc gia đối tác, do vậy đề nghị Bangkok Bank báo cáo số ngân hàng đại lý do chi nhánh Bangkok Bank thiết lập thông qua việc ký kết hợp đồng đại lý với ngân hàng tại quốc gia tương ứng.  2. Theo như trên, tên và mã quốc gia tại cột (1) và (2) sẽ là quốc gia của ngân hàng thụ hưởng (nơi mà doanh nghiệp đối tác có tài khoản giao dịch).  3. Số liệu tại cột (4) và (5) là số liệu tổng của cả **giao dịch thanh toán**(giao dịch thanh toán và chuyển tiền liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ) chuyển đi và nhận về thực hiện theo quy định tại Điều 7 Pháp lệnh ngoại hối. Cột (6) là thống kê các giao dịch **chuyển tiền một chiều** thực hiện theo quy định tại Điều 8 Pháp lệnh ngoại hối, không phải **giao dịch thanh toán,**giao dịch chuyển tiền về Việt Nam vàgiao dịch chuyển tiền ra khỏi Việt Nam đã có quy định quản lý và thực hiện rõ ràng nên đề nghị Bangkok Bank tách biệt chiều ra và chiều vào. |
| 18 | 015N-TTGS | 1. Việc thay đổi thời hạn gửi báo cáo không hợp lý, do nhóm nợ báo cáo phải là nhóm nợ đã được điều chỉnh theo thông tin CIC cung cấp nên phải ngày 25 hàng tháng mới có được thông tin này. Nếu vẫn giữ nguyên thời hạn báo cáo thì phải hướng dẫn nhóm nợ tại các cột (6), (7), (9), (10) là nhóm nợ tại chính TCTD bị điều chỉnh theo nhóm nợ do CIC cung cấp.  2. Bên cạnh đó, cột (6), (7), (9), (10) về nhóm nợ khách hàng trước và sau khi cơ cấu đều có thể nhận giá trị từ 1-5 nên đề nghị NHNN hướng dẫn lại, đặc biệt là cơ cấu khác không được giữ nguyên nhóm nợ thì giá trị 5 cho cột (10) hoàn toàn có khả năng xảy ra. | Ngoại thương | 1. Để triển khai kịp thời các giải pháp giải quyết vấn đề trọng tâm của ngành ngân hàng là xử lý nợ xấu, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết (trình Ban lãnh đạo NHNN) để điều chỉnh lại thời gian phân loại nhóm nợ.  Tại báo cáo này, TCTD sử dụng kết quả phân loại nợ thời điểm gần nhất (đã tham chiếu CIC) để báo cáo.  2. Đối với cột (7) không có trường hợp giữ nguyên nợ nhóm 5 sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ.  Đối với cột (10), trên cơ sở tiếp thu ý kiến của TCTD, NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) sẽ bỏ công thức kiểm tra giá trị nhóm nợ, cho phép TCTD điền nhóm 5 tại cột này.  **3. NHNN chỉnh sửa, hướng dẫn đối với cột (7), cột (10) như sau:**  “Cột (7), cột (10): Nhóm nợ (có giá trị 1, hoặc 2, hoặc 3, hoặc 4, **hoặc 5**) của khoản nợ sau khi tiến hành cơ cấu”. |
| 19 | Các khoản nợ đã được cơ cấu trước khi ngân hàng mua có phải báo cáo trong biểu này không? | ANZ | TCTD không phải báo cáo. |
| 20 | 1. Phần nợ được cơ cấu: là yêu cầu báo cáo tổng dư nợ của khách hàng được cơ cấu hay là chỉ Tổng cơ cấu nợ của các khoản nợ cơ cấu (ví dụ: khách hàng có 2 khoản vay LD1: 1 tỷ được cơ cấu, LD2: 500 tr, thẻ: 100 tr thì báo cáo sẽ là 1 tỷ đồng hay là 1,6 tỷ đồng.  2. Nhóm nợ của các khoản sau khi cơ cấu thì vẫn có trường hợp Khách hàng bị nhóm 5 nhưng trong yêu cầu của báo cáo thì max chỉ đến nhóm nợ 4. | Việt Nam  Thịnh vượng | 1. Chỉ báo cáo phần nợ cơ cấu (1 tỷ).  **2. NHNN chỉnh sửa, hướng dẫn đối với cột (7), cột (10) như sau:**  “Cột (7), cột (10): Nhóm nợ (có giá trị 1, hoặc 2, hoặc 3, hoặc 4, **hoặc 5**) của khoản nợ sau khi tiến hành cơ cấu”. |
| 21 | 022-TTGS | 1. Đối với các vụ gian lận gây ra rủi ro tín dụng có nguyên nhân từ rủi ro hoạt động thì sẽ ghi nhận thế nào trong biểu này? Vì theo nguyên tắc ghi nhận tổn thất của basel 2 các trường hợp này không được dùng để tính vốn cho rủi ro hoạt động.  - Ví dụ: giả mạo sao kê lương, hợp đồng lao động, CMND…, Maritime Bank đang hiểu tất cả các trường hợp gian lận này đều phải báo cáo trong Biểu 022N-TTGS. Vậy, cách hiểu này của Maritime Bank có đúng không?  2. Đề nghị NHNN có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp gian lận có nguyên nhân từ rủi ro hoạt động và gây ra rủi ro tín dụng. | Hàng Hải | Trong cả hai trường hợp đơn vị nêu tại điểm 1 và 2: Nếu TCTD đã trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với nguyên nhân nêu trên thì **không ghi nhận vào rủi ro hoạt động**. |
| 22 | 022, 023N-TTGS | Nội dung trong biểu toàn hàng gồm nội dung báo cáo của các chi nhánh trong toàn hệ thống. Vì vậy, đề nghị NHNN xem xét bỏ phần báo cáo của các chi nhánh, chỉ thực hiện báo cáo toàn hàng để giảm bớt gánh nặng báo cáo nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý. | Xuất Nhập khẩu | NHNN sẽ có văn bản thông báo đến các đơn vị báo cáo về việc **không yêu cầu trụ sở chính TCTD báo cáo số liệu từng chi nhánh TCTD trong hệ thống** trước khi Công văn 3941/NHNN-DBTK có hiệu lực thi hành ngày 01/10/2018. |
| 23 | 025N-TD | - Mục A: Tình hình cấp tín dụng đối với lĩnh vực giao thông. NHNN chưa có hướng dẫn cụ thể xác định khách hàng, khoản vay như thế nào thuộc lĩnh vực giao thông.  - Từ cột (3) đến cột (10): nội dung quá chi tiết, hệ thống core banking của TCTD không thể đáp ứng được việc cung cấp thông tin, gây khó khăn cho TCTD khi lập báo cáo.  - Cột (24): Chỉ tiêu “Nợ gốc chưa thu được” được hiểu là Nợ gốc còn lại hay Nợ gốc kỳ đến hạn thanh toán.  - Cột (15): Chỉ tiêu "Lãi suất" chưa rõ là lãi suất trung bình hay lãi suất phổ biến (trường hợp một khách hàng có nhiều khoản vay).  Đề nghị:  - NHNN hướng dẫn cụ thể tiêu chí xác định khách hàng thuộc lĩnh vực giao thông.  - NHNN tối giản các nội dung trên báo cáo.  - NHNN hướng dẫn cụ thể về chỉ tiêu "Nợ gốc chưa thu được".  - NHNN hướng dẫn cụ thể về chỉ tiêu “lãi suất”. | Hàng Hải | - Lĩnh vực giao thông bao gồm: Xây dựng các công trình đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không, bến xe, bến đỗ, cảng biển…  - Liên quan từ cột (3) đến cột (10): Nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của NHNN đối với lĩnh vực này, đề nghị các NHTM báo cáo đầy đủ.  - Cột (24): Nợ gốc chưa thu được được hiểu là nợ gốc còn lại.  - Cột (15): Lãi suất tại thời điểm báo cáo. Trường hợp khách hàng có nhiều khoản vay để thực hiện dự án, TCTD báo cáo lãi suất trung bình (cộng) tại thời điểm báo cáo. |
| 24 | 026N -TD | - Cột (16): chỉ tiêu BL nhà ở hình thành tương lai: Khó khăn trong việc xác định chỉ tiêu này vì hệ thống core banking của TCTD không thể tách được loại cấp tín dụng này.  - Từ Cột (5) đến cột (8) nội dung quá chi tiết, hệ thống core banking của TCTD không thể đáp ứng được việc cung cấp thông tin, gây khó khăn cho TCTD khi lập báo cáo.  - Cột (30): Chỉ tiêu “Nợ gốc chưa thu được” được hiểu là nợ gốc còn lại hay nợ gốc kỳ đến hạn thanh toán.  - Cột (12): Chỉ tiêu "Lãi suất" chưa rõ là lãi suất trung bình hay lãi suất phổ biến (trường hợp một khách hàng có nhiều khoản vay).  Đề nghị:  - NHNN nên tối giản các nội dung trên báo cáo.  - NHNN nên có hướng dẫn cụ thể về chỉ tiêu "Nợ gốc chưa thu được".  - NHNN nên có hướng dẫn cụ thể về chỉ tiêu “lãi suất”. | Hàng Hải | - Cột (16): Việc thống kê phát hành bảo lãnh cho chủ đầu tư trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai (bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai) đã quy định tại Biểu 022.2-TD Thông tư 11). Do đó, đề nghị ngân hàng thực hiện báo cáo theo quy định.  - Liên quan từ cột (5) đến cột (8): Nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của NHNN đối với lĩnh vực này, đề nghị NHTM báo cáo đầy đủ.  - Cột (30): Chỉ tiêu “Nợ gốc chưa thu được” được hiểu là nợ gốc còn lại.  - Cột (12): Trường hợp một khách hàng có nhiều khoản vay tại một dự án thì lãi suất cho vay là lãi suất trung bình (cộng) tại thời điểm báo cáo. |
| 25 | Chúng tôi hiểu là những giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không phải báo cáo theo bảng này. Vui lòng giải thích những loại giao dịch cần báo cáo cho cột 15 (Cấp tín dụng khác), cột 17 (Bảo lãnh/ L/C khác) và cột 18 (Cam kết ngoại bảng khác) của báo cáo này. | Bank of Tokyo HCM | TCTD xác định tổng mức dư nợ cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014, Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có) của NHNN​. |
| 26 | 027N-TTGS | Mục I: Có thống kê trái phiếu của Ngân hàng phát triển và Ngân hàng chính sách phát hành không? | Kỹ Thương | Mục I **không bao gồm** trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành. |
| VII | **Công nghệ thông tin** | | |  |
| 1 |  | Đề nghị Cục CNTT nâng cấp đường truyền Portal để ngân hàng có thể tải nhiều file báo cáo lên cùng một lúc, thay vì chọn từng báo cáo như hiện tại, giảm thời gian truyền báo cáo tới NHNN  Khi có lỗi xảy ra trong quá trình truyền báo cáo, Cục CNTT nên thông báo lỗi một cách rõ ràng, cụ thể, từ đó ngân hàng có thể tự xử lý được lỗi mà không mất nhiều thời gian để liện hệ xin hỗ trợ từ phía Cục. Ví dụ: nếu lỗi do file báo cáo vượt quá dung lượng cho phép 2MB thì nên ghi rõ thay vì chỉ thông báo “liên hệ ban quản trị”, tương tự, lỗi kiểm tra chéo không khớp với báo cáo mã biểu nào cũng nên ghi rõ | ICBC | - Đối với kênh gửi báo cáo trên Portal sẽ có một số hạn chế: nếu cho phép tải cùng lúc nhiều file lớn từ máy PC lên hệ thống có thể ảnh hưởng đến hiệu năng của toàn hệ thống, vì vậy chương trình chỉ cho phép tải từng file lên hệ thống (sau đó có thể xử lý nhiều file cùng lúc như ký chữ ký điện tử 1 lần và gửi 1 lần cho NHNN). Tuy nhiên, NHNN cũng đã có phần mềm UDSS (cài đặt tại đơn vị) để các đơn vị lựa chọn sử dụng trong việc gửi báo cáo. Phần mềm này hỗ trợ rất tốt cho việc gửi nhiều file cùng lúc.  - Trên Hệ thống báo cáo NHNN nhìn chung việc thông báo lỗi cũng đã tương đối tường minh. Tuy nhiên, các thông báo chưa được việt hóa hoàn toàn và cách diễn đạt đôi khi chưa rõ ràng. Về vấn đề này Cục Công nghệ thông tin sẽ nghiên cứu để xử lý.  - Hiện tại hệ thống vẫn thu thập và xử lý các báo cáo có dung lượng trên 20Mb, tuy nhiên đôi khi hệ thống có lỗi trong quá trình xử lý. Vì vậy, khi gặp trường hợp này đơn vị cần thông báo để Cục Công nghệ thông tin phối hợp kiểm tra.  - Đối với các báo cáo có công thức kiểm tra chéo, hệ thống đã có thông báo chỉ rõ các báo cáo liên quan và sai lệch tại ô dữ liệu nào. |
| 2 |  | Trước đây NHNN - Cục CNTT có chương trình kiểm tra offline cho các báo cáo thuộc Thông tư 35 rất hiệu quả, mong NHNN tiếp tục cập nhật cho chương trình (phần mềm UDSS) kiểm tra offline các báo cáo mới gồm cả các báo cáo được cập nhật biểu mẫu dưới Thông tư 11. | Hongleong | Hệ thống báo cáo NHNN vẫn tiếp tục hỗ trợ các chức năng đã có sẵn. |
| 3 |  | Các mẫu biểu excel từ trang web của NHNN hay bị lỗi như xuất hiện các dòng trống hoặc chứa các ô có định dạng dấu “-“. Bên cạnh đó, đường truyền thường xuyên bị nghẽn gây khó khăn cho việc gửi báo cáo. Một số trường hợp, trang web của NHNN không nhận diện được chứng thư số của công ty, do đó công ty phải thao tác nhiều lần mới nộp được báo cáo. | CTTC Quốc tế VN Jaccs (JIVF) | - Đối với các biểu động, trên Template thường có ví dụ sẵn hướng dẫn cách nhập thông tin, vì vậy có thể xuất hiện các dòng có dấu … hoặc dòng trống. Đề nghị khi nhập dữ liệu, các đơn vị cần xóa hết các dữ liệu ví dụ này và nhập dữ liệu thực tế của đơn vị.  - Về việc không nhận diện được chứng thư số của công ty, đơn vị cần thông báo ngay cho Cục Công nghệ thông tin để xử lý.  - Về việc đường truyền đôi khi bị nghẽn: Trong thực tế, đôi khi vào thời gian cao điểm việc gửi, nhận và xử lý các báo cáo bị chậm. Cục Công nghệ thông tin đã nghiên cứu giải pháp khắc phục và tiếp tục theo dõi để đảm bảo ổn định an toàn cho hệ thống. |
| 4 |  | Phần mềm UDSS: Hiện nay khi gửi lại báo cáo bị từ chối đã quá hạn thì chương trình yêu cầu cài đặt lại phần mềm và đồng bộ lại (trên phần mềm Portal không yêu cầu như vậy), do đó, kiến nghị Cục CNTT xem xét chỉnh sửa bất cập trên. | Hợp tác xã | Hiện tại, trong các trường hợp quá hạn, khi các đơn vị NHNN mở khóa để các đơn vị gửi lại, hệ thống chưa tự động đồng bộ tình trạng mở khóa về UDSS. Cục Công nghệ thông tin cần thời gian để nghiên cứu, xử lý vấn đề này. |
| 5 |  | Phần mềm Portal:  - Phải đăng nhập hằng ngày, nếu không đăng nhập thì sẽ bị mất mật khẩu, việc này bất tiện cho TCTD;  - Khi gửi báo cáo mẫu biểu theo công văn 8338/NHNN-TTGSNH ngày 16/10/2017 về việc “Hợp nhất yêu cầu báo cáo theo công văn số 6400/NHNN-TTGSNH và biểu số liệu ban hành kèm theo chỉ thị số 06/CT-NHNN triển khai, thực hiện Nghị quyết số 41/2017/QH14” lần gửi đầu nhưng chương trình vẫn yêu cầu phải gửi File thuyết minh cho dù là còn trong hạn gửi báo cáo. | Hợp tác xã | - Đề nghị đơn vị kiểm tra lại, trên thực tế chỉ khi hết thời hạn của mật khẩu, Hệ thống mới yêu cầu đổi mật khẩu. Việc người dùng không đăng nhập hệ thống hàng ngày không dẫn đến người dùng bị mất mật khẩu.  - Yêu cầu của NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về một số báo cáo bắt buộc đơn vị phải gửi file đính kèm (tài liệu dạng ảnh, PDF có dấu,…). Theo thiết kế của Chương trình, với trường hợp này dù gửi đúng hạn cũng bắt buộc phải gửi file thuyết minh. |